

MỤC LỤC

TÙ BINH CAVKAZ	2
CON TRAI TÔI KẺ GIẾT NGƯỜI	40
NGƯỜI ĐÀN BÀ DA VÀNG	49
NGƯỜI CHẾT TRÔI ĐẸP NHẤT TRẦN GIAN.....	61
CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG CỦA CON TÀU MA	67
CỤ GIÀ VỚI ĐÔI CÁNH KHÔNG LỖ.....	73
TRĂNG MỘC THỂ NÀO	82
BÀI CA MẶT TRỜI	85
SHILOH.....	91

TÙ BINH CAVKAZ

Những người lính, thật ra, không hiểu được ý nghĩa câu nói: "Cái đẹp cứu vãn thế giới", nhưng cái đẹp ra sao thì cả hai, nói chung, đều cảm nhận được. Họ cảm thấy vẻ đẹp của vùng rừng núi hoang vu này quá chừng đe dọa. Giữa khe núi hẹp có những con suối róc rách chảy vui tai, nhưng bãi rừng trông mở ra trước mắt làm họ lo ngại. Rubakhin đi đầu, anh là người có kinh nghiệm hơn.

Những quả núi này dẫn đến đâu đây? Khoảng không gian tràn ngập ánh mặt trời làm Rubakhin nhớ đến tuổi thơ hạnh phúc (tuổi thơ chưa từng có đối với anh). Những cây rừng phương Nam (mà anh không biết tên) trang trọng, kiêu hãnh đứng trên đám cỏ. Nhưng chính những đám cỏ cao đang thở dưới làn gió nhẹ lại làm xao động tâm hồn cái thung lũng này hơn cả.

- Dừng lại, Vovca. Đừng có hấp tấp. - Rubakhin khẽ nhắc.

Xuất hiện trên khoảng đất trống khác nào đứng ngay trước điểm ngắm của Vovca - Xạ Thủ.

Trước khi ra khỏi bụi rậm, Vovca - Xạ Thủ đưa khẩu các bin lên và chậm rãi rê nòng súng từ trái sang phải, lợi dụng ống ngắm của khẩu súng như ống nhòm. Anh ta nín thở đảo mắt quanh khoảng trống ngập trong ánh nắng mặt trời hào phóng, bỗng nhiên nhìn thấy chiếc đài bán dẫn nhỏ trên một mô đất.

- A ha! - Vovca - Xạ Thủ kêu lên. (Mô đất khô ráo. Mặt kính của chiếc đài lấp lánh dưới ánh mặt trời).

Hai người lính mặc đồ rằn ri chạy dích dắc những bước nhỏ đến cái tảng xê sâu nửa thân người vốn là đường ống ga đã bỏ hoang từ lâu bên cạnh gò đất có màu mùa thu hung đỏ. Họ ngắm nghía chiếc đài trong tay và nhận ra đó là chiếc đài của binh nhất

Baiarcov. Khi nào uống rượu say anh ta thường thích tách mình ra một chỗ, nằm ôm lấy chiếc đài cũ kĩ này. Vạch đám cỏ cao họ tìm thấy Baiarcov nằm cách đó không xa, tựa vào hai tảng đá. Anh ta đã chết (Người lính bị bắn trực diện, có vẻ như không kịp dụi đôi mắt say rượu của mình. Đôi má hõm sâu. Trong đơn vị họ đã kết luận là cậu ta bỏ trốn). Không có một thứ giấy tờ nào. Cần phải thông báo. Nhưng tại sao bọn phỉ lại không lấy chiếc đài nhỉ? Bởi vì đó là vật chứng? Không phải, mà là vì nó đã quá cũ, quá nát. Đó không phải là đồ vật. Tình huống không thể đảo ngược (cái chết là một trong những tình huống không thể đảo ngược rõ ràng nhất) đã thúc giục, xô đẩy bất chấp ý muốn: nó làm cho hai người lính tất bật, vội vã. Họ dùng những mảnh đá sắc cạnh hùng hục đào rất nhanh một cái hố để chôn người chết. Cũng nhanh như vậy, một gò đất nhỏ được đắp lên trên để làm dấu. Xong việc, những người lính lại tiếp tục lên đường.

Vừa ra khỏi ngách núi hẹp họ lại thấy trước mắt một vùng cỏ mọc cao, tươi tốt, khẽ xao động. Và những con chim ríu rít trên trời (trên cả cây cối, trên đầu hai người lính). Có thể, trong ý nghĩa này, cái đẹp đang cứu vãn thế giới. Nó hiển hiện như một sự chỉ dẫn không cho con người đi chệch đường. (Họ đi cách con đường không xa lắm, vừa đi vừa nhìn ngó). Cái đẹp buộc người ta phải cân trọng, cái đẹp còn buộc người ta phải nhớ.

Tuy nhiên, lần này quăng cỏ trông tràn ngập ánh mặt trời trước mặt hình như khá quen thuộc và không còn nguy hiểm. Những quả núi tản ra, lùi lại ở phía xa. Đằng trước là con đường bằng phẳng, xa hơn chút nữa là ngã ba đầy bụi do xe cộ đi lại nhiều. Nơi đó là doanh trại. Những người lính bắt giác rảo bước.

Tuy nhiên, đại tá Gurov không ở đơn vị mà ở nhà. Cần phải tới đó. Không nghỉ lấy một phút, hai người lính đi một mạch thẳng tới nhà đại tá, một người mạnh nhất ở vùng này, mà cũng có thể, còn là người mạnh nhất khắp các vùng lân cận (cũng đẹp đẽ và tràn ngập ánh mặt trời như vậy). Ngài đại tá sống với vợ trong một ngôi nhà xây theo kiểu thôn quê có hàng hiên hóng mát, có giàn nho, có vườn tược bao quanh. Cả một cơ ngơi. Giữa trưa, trời nóng bức. Trên hiên nhà, đại tá Gurov và ông khách Alibecov no

nê sau bữa trưa đang thiu thiu trên chiếc ghế mây chờ uống chè. Rubakhin báo cáo đại tá. Anh áp úng, lúng túng. Gurov ngái ngủ nhìn hai người lính quân phục nhàu nát, bụi bặm (những thằng lính không gọi mà đến với cái mặt lạ hoắc lạ huơ, chả được cái tích sự gì); thoát một cái Gurov dường như trẻ lại; ông gay gắt hét toáng lên rằng cho dù có là ai thì ông đây cũng không giúp! Quỷ tha ma bắt đi chứ giúp với chẳng đở! Thậm chí ông còn thấy tức cười khi nghe người ta yêu cầu ông phái lính của mình đi đâu đó để giải thoát cho bọn lái xe ngu xuẩn đã để cho đám xe tải mắc kẹt trong hẻm núi!...

Đã thế ông không cho hai thằng lính này đi vội. Ngươi cơn tức ông ra lệnh cho cả hai dọn đồng cát to lù lù trước cổng: cứ để cho chúng lao động ở nhà ông một cách trung thực xem sao hăng. Đằng sau quay! Làm sao cho cả cái núi cát kia được rải khắp các đường nhỏ! Trong nhà, ngoài vườn chỗ nào cũng bẩn, mẹ nó chứ, chẳng còn có chỗ mà đi!... Bà vợ ngài đại tá, cũng như tất cả các bà chủ trên đời, phẩn khởi ra mặt khi thấy có các chàng lính đến giúp. Anna Fedorovna tay áo xắn cao, đi đôi ủng cũ nát của chồng, lập tức xuất hiện ngoài vườn rau, vui vẻ réo lên: "Để họ giúp tôi đánh thêm mấy cái luống nữa!"

Những người lính chở cát trên xe đẩy. Họ đổ cát xuống con đường nhỏ và dùng xẻng san đều. Nóng bức. Mà cát thì ẩm, chắc mới lấy từ sông về.

Vovca đặt cái đài bán dẫn của tay binh nhất bị giết lên đồng cát. Bắt được sóng âm nhạc, hấn khẽ vặn núm điều chỉnh vừa đủ nghe và không làm ảnh hưởng đến cuộc nói chuyện của chủ nhà với ông khách dưới mái hiên. (Alibecov, căn cứ vào cái giọng đều đều kéo dài của lão, chắc đang mặc cả mua bán vũ khí, một công việc quan trọng).

Chiếc đài nhỏ nằm trên đồng cát lại làm cho Rubakhin nhớ tới cái nơi mà Baiarcov chọn để chết - chỗ ấy mới đẹp làm sao. Thằng ngốc say rượu sợ ngủ ở trong rừng nên mới mò ra quãng trống, mà lại còn chọn gò đất cao để mà nằm nữa chứ. Khi bọn phi đồ xô đến, Baiarcov đã đẩy chiếc đài nhỏ (người bạn tin cậy của

mình) về phía tăng xê. Hấn sợ người ta cướp mất chiếc đài, thôi thì bản thân thế nào cũng được, nhưng cái đài thì quyết không đưa. Nhưng cũng chưa chắc đã phải vậy! Có thể đơn giản gã say này ngủ, cái đài tuột khỏi tay rồi lăn theo sườn dốc xuống.

Chúng đã giết người một cách trực diện. Những thằng phỉ trẻ. Đó là những kẻ muốn giết thật nhanh người đầu tiên để cho quen đi. Thậm chí giết cả người đang ngủ. Chiếc đài nhỏ giờ đây nằm trên đồng cát, còn Rubakhin thì cứ nhớ hoài đến cái gò đất hung đỏ với hai bụi cây gai bám chặt vào sườn dốc phía Bắc. Vẻ đẹp của nơi ấy khiến người ta choáng váng và Rubakhin không nguôi nghĩ tới (càng ngày nó càng ám ảnh anh) cái sườn dốc nơi Baiarcov nằm ngủ, tới cái gò đất, tới đám cỏ, tới những đám lá vàng của bụi cây, và những thứ này cho anh thêm một kinh nghiệm sống nữa, một thứ kinh nghiệm không gì thay thế được. Cái đẹp thường xuyên trong tư thế cứu giúp. Nó làm sống lại trí nhớ của con người. Nó nhắc người ta nhớ lại.

Thoạt đầu họ chở những xe cát trên con đường đất nhão nhoét, sau nghĩ ra cách trải những tấm gỗ lên trên. Vovca ranh mãnh đẩy chiếc xe nhỏ hơn đi đầu, phía sau Rubakhin đẩy cái xe to vật vờ với đồng cát đánh cao có ngọn. Anh cởi trần phơi thân hình to lớn ướt đầm mồ hôi dưới ánh nắng mặt trời.

- Tôi sẽ giao mười "calas", năm thùng lựu đạn. Ông có nghe thấy không, Alibecov, không phải ba, mà là năm thùng.

- Nghe thấy rồi.

- Nhưng làm sao cho tới mừng một quân lương...

- Tôi, Petrovich, sau bữa trưa thế nào cũng phải ngủ một tí. Tôi biết, ông cũng có thói quen như vậy. Liệu Anna Fedorovna có quên cho chúng ta uống trà không nhỉ?

- Bà ấy không quên đâu. Ông khỏi bận tâm về trà.

- Không bận tâm là thế nào! - Ông khách cười vang.
- Trà có phải là chiến tranh đâu, nó nguội đi đấy.

Gurov và Alibecov bắt đầu nói lại cuộc đàm phán. Nhưng những câu nói uể oải (cũng như cuộc tranh luận nhạt nhẽo) của họ

chỉ là bề ngoài, thực ra Alibecov muốn mua vũ khí, còn Gurov cùng sĩ quan và binh lính của ông thì đang quá cần lương thực. Một sự trao đổi, tất nhiên rồi, để có được những thứ đó họ phải giao cho Alibecov vũ khí, đôi khi cả xăng dầu.

- Làm sao cho kịp ngày mừng một thì làm. Mà đừng có những trận phục kích ngu xuẩn trong núi nữa đấy. Rượu không cần thiết lắm, nhưng cũng phải có ít vodka.

- Vodka không có đâu.

- Kiểm đi, kiểm đi, Alibecov. Còn tôi sẽ tìm cho ông lựu đạn!

Đại tá gọi vợ:

- Trong ấy đã chuẩn bị trà chưa đấy? ồ, giá bây giờ được cốc trà đặc nhĩ! Aina, sao lại lâu thế? Bà chẳng đã kêu ở ngoài vườn là trà đã pha rồi cơ mà!

Trong khi chờ uống trà, cả hai thông thả hút thuốc, cái thông thả lười biếng sau bữa trưa. Khói thuốc cũng lười biếng như thế bò ngang qua hàng hiên mát mẻ, leo lên giàn nho và thoát ra ngoài vườn rau.

Sau khi ra hiệu cho Rubakhin: thôi thì mắc kẹt ở đây rồi, để tôi đi kiểm cái gì uống cái đấy, Vovca - Xạ Thủ lần ra phía bờ rào. (Vovca bao giờ cũng có những dấu hiệu, cử chỉ ma lạnh). Đằng sau bờ giậu có một thiếu phụ còn trẻ bế một đứa bé trên tay, Vovca đã kịp nhăm nháy cô ả. Lập tức gã nhảy qua bờ giậu tiến đến bắt chuyện. Cừ thật! Còn Rubakhin thì chỉ biết ề cổ ra mà đẩy xe cát. Ai có khả năng của người nấy. Vovca thuộc loại những chàng lính sôi nổi không chịu được loại công việc nhàm chán. (Và nói chung là mọi loại công việc).

Thế mà lại cần câu ngay mới tài chứ. Ngay lập tức người thiếu phụ trẻ chịu chuyện chàng trai cứ như thể cô nàng đã chờ đợi hắn từ lâu rồi, cái anh chàng giọng lười ngọt ngào đang tán tỉnh cô. Nhìn chung Vovca là chàng trai dễ thương, tươi tắn và bất cứ ở đâu cũng chỉ cần có chút xíu thời gian là hắn "bám rễ" được.

Vovca ôm lấy cô nàng, còn cô ta thì lấy tay phát hắn. Chuyện thương tình. Họ đang còn đứng ngoài trời và Vovca hiểu rằng cần

lôi được cô ả vào trong nhà. Hấn thuyết phục, thử dùng sức kéo tay cô ta. Người đàn bà trẻ ồm ờ cười cợt níu lại: "Em chả vào đâu". Nhưng từng bước một, cả hai cùng tiến về phía ngôi nhà có cánh cửa khép hờ vì trời nóng. Cuối cùng họ đã ở bên trong. Còn đứa trẻ thì lê la cạnh cửa nghịch con mèo.

Trong khi đó Rubakhin vẫn một mình hùng hục chở cát san lên các con đường, dỡ những tấm bảng gỗ lót xuống chỗ mới, cẩn thận lái hai bánh xe đi trên những tấm gỗ đó, giữ thẳng bằng cho cái xe chở đầy cát nặng.

Đại tá Gurov vẫn tiếp tục công chuyện buôn bán không vội vã với Alibecov, bà vợ (bà ta rửa tay, đeo chiếc tạp dề đỏ) mang ra cho họ một ấm trà pha theo lối phương Đông.

Gurov:

- Thôi đừng ngang bướng nữa, Alibec!.. Nói thẳng ra thì ông là tù binh. Cũng đừng quên rằng ông đang ở đâu. Ông đang ngồi ở nhà tôi đây.

- Ở hay nhỉ, tại sao tôi lại ngồi ở nhà ông?

- Thì ít ra những thung lũng này cũng thuộc về chúng tôi rồi.

- Thung lũng thuộc về các ông, nhưng núi là của chúng tôi, - Alibecov cười, - với lại ông đừng có đùa, ông bảo ai là tù binh, ở đây ông là tù binh của chúng tôi thì có.

- Vừa cười lão vừa chỉ tay về phía Rubakhin đang ra sức kéo xe cát: - Anh ta là tù binh. Ông là tù binh. Tóm lại, tất cả lính của ông đều là tù binh tất.

Lão vẫn cười:

- Còn tôi, tôi không phải là tù binh

Rồi lão lại tiếp tục vợ vào cho mình:

- Mười hai "calas"¹. Và bảy thùng lựu đạn.

Đến lượt Gurov cười cười:

¹ Tên của loại súng máy Kalasnicov nổi tiếng.

- Mười...

Alibecov thở dài cảm thán:

- Buổi chiều hôm nay đẹp ra trò đây!

- Còn lâu mới đến chiều.

Họ chậm rãi uống trà, chậm rãi trò chuyện - cuộc chuyện trò giữa hai con người từ lâu đã biết và kính trọng lẫn nhau. (Rubakhin vẫn kéo hết xe cát này đến xe cát khác. Nghiêng chiếc xe đổ cát xuống đường, anh dùng xẻng xới đều, san phẳng mặt đường).

- Ông có biết những người già ở chỗ chúng tôi nói gì không hở Pet'rovich? Người già chỗ chúng tôi thông thái lắm.

- Họ nói gì?

- Họ nói đã đến lúc cần phải làm một cuộc thập tự chinh sang Châu Âu. Đã đến lúc phải đi đến đó rồi.

- Ôi dào, đủ rồi, Alibec. Châu Âu!...

- Thì sao, Châu Âu bao giờ cũng là Châu Âu. Những người già bảo rằng đến đó cũng chẳng xa lắm. Người già không bằng lòng. Người già bảo rằng người Nga đi đâu chúng ta đi đó, thế thì việc gì mà phải bắn giết lẫn nhau?

- Thì ông đi mà hỏi mấy cha ngồi trên của các ông ấy, - Gurov cáu kỉnh cự lại.

- Ô - ô - ô, tự ái kìa. Chúng mình uống trà cho thanh thản lại đi...

Có lúc cả hai cùng im lặng. Alibecov lại tiếp tục bàn luận, thông thả rót trà vào chén của mình:

-...Châu Âu kể không xa mấy thật. Sớm muộn rồi cũng cần phải tới đó thôi. Người già nói, lúc đó hòa bình lập tức sẽ được văn hồi. Và cuộc sống tử tế sẽ tới.

- Sẽ tới, sẽ tới. Cứ đợi đấy!

- Trà ngon thật. Ax, Anna Fedorovna, hãy pha cho chúng tôi một ấm nữa, tha thiết đề nghị chị đấy!

Gurov thở dài:

- Buổi chiều hôm nay quả là sẽ rất tuyệt. Về điều này thì ông nói đúng đấy.

- Tôi bao giờ mà chả đúng. Thôi được, mười "calas". Còn lựu đạn là bảy hòm...

- Lại vợ vào. Ông lấy đâu ra những con số ấy đấy, không có số bảy!

Bà chủ nhà cho chỗ thức ăn thừa từ bữa trưa vào hai cái soong để thết hai người lính. Rubakhin phấn khởi reo lên: "Vâng! Vâng! Lính tráng nào biết từ chối!"... "Thế còn chú kia đâu?". Đến đây Rubakhin ngắc nga ngắc ngứ, anh chàng buộc phải nói dối: "Vâng, cậu ấy hình như bị đau bụng thì phải". Nghĩ một hồi anh lấp bắp khẳng định: "Cậu ấy đau quần quại, rõ khổ". "Chắc là ăn nhiều quả xanh? Táo có phải không?" Bà đại tá ân cần quan tâm. Món súp củ cải khá ngon, có cả trứng cùng với giò thái nhỏ; Rubakhin cứ thế cắm cúi vào chiếc nồi thứ nhất, vừa ăn vừa gõ thìa vào cạnh nồi âm ỉ. âm hiệu.

Vovca - Xạ Thủ nghe thấy (tất nhiên là hiểu ngay) tiếng gõ thìa âm hiệu. Nhưng lúc này ăn uống đối với hắn là cái quái gì. Người đàn bà trẻ đến lượt mình nghe thấy (và cũng hiểu ngay) tiếng con mèo gào như hóa dại vọng từ sân vào và tiếp theo là tiếng thét của đứa bé bị mèo cào: "Me-me...". Nhưng cô nàng còn mãi âu yếm vuốt ve anh chàng Vovca - Xạ Thủ, cô sung sướng và tham lam ôm chặt lấy hắn, cô không muốn để phí mất dịp may. Còn anh chàng Vovca - Xạ Thủ thì khỏi phải nói, lính mà. Nhưng đứa trẻ lại ré lên: "Me - me ẹ..."

Người đàn bà tụt khỏi giường, thò đầu ra khỏi cửa sổ dành đứa bé; sau đó đóng cửa lại chặt hơn. Dẫm chân trần trên nền nhà, ả quay trở lại với chàng lính. "ôi chà chà, em thật bốc lửa! Ra vấn đề!" Vovca thán phục, còn ả thì lấy tay bịt miệng gã: "Xuyết..."

Vovca thầm thì gạ cô nàng kiểu rất lính tráng: đề nghị cô tới cửa hàng thực phẩm thôn mua cho hắn một chai vang rẻ tiền, là

bởi vì người ta không bán rượu cho quân nhân, còn với cô đó chỉ là trò vớ vẩn...

Hắn tâm sự với cô về vấn đề chính: lúc này hắn đâu chỉ cần một chai vang, giá có cả thùng thì tốt quá.

- Cả thùng để làm gì?
- Cống nộp. Chúng nó chặn đường bọn anh.
- Nếu như chỉ cần rượu thì các anh đến ông đại tá làm gì?
- Thế mới ngu chứ.

Người đàn bà trẻ bỗng nhiên khóc nức lên kể cho hắn nghe cách đây không lâu chúng nó lôi cô xuống vệ đường thay nhau hãm hiếp. Vovca - Xạ Thủ bật ngay dậy: "Thế à?!... Bằng giọng thông cảm (lấn tò mò) hắn hỏi có bao nhiêu thằng cả thấy? Bốn thằng, cô nấc lên, lấy mép khăn trải giường chùi nước mắt. Hắn muốn hỏi chi tiết, nhưng cô không muốn nói nữa. Cô rúc đầu, dụi mặt vào ngực hắn: cô muốn những lời an ủi, muốn một tình cảm giản đơn.

Họ nói với nhau: được rồi, tất nhiên là cô sẽ mua cho hắn một chai vang, với điều kiện hắn phải đi cùng với cô đến cửa hàng. Cô sẽ trao ngay chai rượu cho hắn, là vì sau tất cả những gì đã xảy ra, cô không muốn mang chai rượu về nhà, người ta sẽ biết, người ta nghĩ...

Trong cái nồi thứ hai còn khá nhiều đồ ăn: cháo và cả một miếng thịt hộp. Rubakhin trộn các thứ vào với nhau. Anh ăn từ tốn, không tham, sau đó uống hai vại nước lạnh. Nước mát làm cho anh dịu đi chút ít, anh khoác lên người chiếc áo varoi.

Nghỉ một lúc, anh tự nhủ, rồi sẽ ra chỗ bờ giậu.

Anh nằm và rơi ngay vào giấc ngủ. Từ nhà bên cạnh, nơi Vovca trốn trong đó, câu chuyện thầm thì của đôi trai gái vẳng tới qua cửa sổ để mở.

Vovca: -... Anh sẽ tặng em một món quà. Một cái khăn choàng thật đẹp. Hay là anh sẽ kiếm cho em một chiếc khăn voan.

Cô nàng: - Rồi anh sẽ đi khỏi đây thôi. - Sụt sịt khóc.

Vovca: - Anh sẽ gửi cho em, nếu anh đi khỏi đây! Em đừng nghi ngờ gì cả!...

Rubakhin thiếp đi trong những lời nồng nhiệt ấy.

*
* *

Cạnh cửa hàng thực phẩm, vừa nhận được chai rượu từ tay thiếu phụ, Vovca liền đút ngay vào túi quần rõ sâu, chắc chắn của lính, rồi dong thẳng tới chỗ Rubakhin đang chờ. Người đàn bà trẻ thấy hấn vội vã như thế liền gào lên giữa phố, với theo hấn trách móc, nhưng Vovca chỉ vẫy vẫy tay, thôi xong rồi, còn bao nhiêu việc phải làm, đã đến lúc kết thúc, kết thúc!... Hấn chạy băng qua phố hẹp, băng qua các bờ giậu, chạy tắt tới nhà đại tá Gurov. Hấn có một tin mới (một cái tin cực kì nhé!) Cái tin này hấn biết được từ miệng những người lính đi ngang qua cửa hàng thực phẩm nơi hấn chờ lấy chai rượu.

Nhảy qua bờ giậu, hấn tìm thấy Rubakhin đang ngủ. Hấn đánh thức anh:

- Rubakhin, nghe thấy không! Có việc rồi đây: trung úy Savkin ngay bây giờ sẽ dẫn quân vào rừng để bắt tù binh, tước vũ khí.

- Hả? - Rubakhin ngái ngủ nhìn hấn.

Vovca tuôn ra một tràng. Hấn giục giã:

- Họ đang đi bắt tù binh kia kìa. Mình cùng đi với họ. Bắt được một tên thì tốt quá, anh đã chẳng nói là...

Rubakhin đã tỉnh hấn. ờ, hiểu rồi. ờ, đúng lúc thật. ờ, mà bọn mình gặp may thật, cần phải đi gấp. Hai chàng lính khẽ lủi khỏi vườn nhà đại tá Gurov. Họ thận trọng lấy đồ đạc, vũ khí để ở cạnh giếng. Nhảy qua bờ giậu, họ cẩn thận đi ra bằng lối cổng nhà hàng xóm để cho hai người đang ngồi nói chuyện ở hiên nhà khỏi nhìn thấy, khỏi gọi lại.

Chủ nhà và khách không nhìn thấy, không gọi lại. Họ đang ngồi.

Nóng bức. Im lặng. Alibecov khẽ hát. Giọng của lão rất trong: *Cảnh vật nơi này tĩnh lặng đến ban mai...*¹

Yên lặng.

- Con người không thay đổi. Alibec.

- Ông nghĩ con người ta không thay đổi ư?

- Không thay đổi. Chỉ có già đi thôi.

- Khà. Cũng giống như ông và tôi... - Alibecov rót trà vào chén của mình. Lão không muốn mặc cả nữa. Buồn thật. Với lại lão cũng đã nói hết lời rồi. Giờ chỉ còn những lời đúng đắn nhất, chúng sẽ tự tới người bạn già Gurov của hắn (theo cái logic không vội vã). Chẳng cần phải nói thành lời.

- Thế đấy, trà tốt hoàn toàn biến mất rồi.

- Kệ.

- Trà càng ngày càng quý hiếm. Còn thời gian thì chẳng thay đổi, - Alibecov dài giọng.

Vừa lúc đó bà chủ mang hai ấm trà mới pha tới. Thì đúng rồi, trà thật là quý. "Nhưng thời gian có thay đổi hay không thì lương thực, người anh em ạ, vẫn cứ phải mang tới..." Gurov nghĩ và cũng không nói thành lời.

Gurov hiểu rằng Alibecov thông minh hơn ông, láu cá hơn ông. Nhưng mà ông, Gurov, lại có một số những ý nghĩ khá vững chắc và với thời gian, những ý nghĩ này được suy đi tính lại rõ đến mức không còn là ý nghĩ nữa, mà là những bộ phận của cơ thể ông, giống như chân tay vậy.

Ngày trước (cái thời huy hoàng) những lúc xảy ra tranh chấp thực phẩm, quân nhu hay đơn giản những thứ này chỉ bị chậm một chút là lập tức Gurov đánh ngay bộ quân phục trình trọng

¹ Bài hát Chiều Moseva.

chuyên dùng trong các ngày lễ. Ông gắn tất cả những huân chương, huy chương lên ngực áo. Ngồi vào chiếc Gaz - 69 ông phóng như bay trên những đường núi gập ghềnh (mới bụi và gió làm sao!) cho tới khi dừng lại ngay trước tòa nhà nổi tiếng có hàng cột cao. Chẳng chùn nửa bước, ông xông thẳng vào văn phòng (không thèm nhìn những khách và những kẻ cầu cạnh đang đau khổ vì chờ đợi ở bên cửa ra vào). Nếu ở huyện ủy không được, ông vọt thẳng lên tỉnh ủy. ở đâu ông cũng biết cách đạt bằng được mục tiêu. Cũng có khi đích thân ông phải lăn tới tận kho, đưa hối lộ, đôi lúc thậm chí phải mang cả súng lục ra mà dọa (cái câu phương Đông vẫn cứ là phương Đông thế mà cũng hiệu nghiệm ra phết... chẳng bao giờ ông lại nghĩ những câu đùa cợt này có lúc lại cần tới). Còn súng lục bây giờ ấy à, chẳng là cái đình gì nhá. Bây giờ thì mười khẩu súng máy còn là ít, đưa đây mười hai. Còn ông, Gurov, ông phải nuôi lính. Cùng với tuổi tác con người ta ít có thay đổi, nhưng mà đôi chác thì ngày càng thích hợp hơn với những điểm yếu của con người. Chẳng qua là sự điều chỉnh. Ông lại còn phải nuôi cả bản thân nữa chứ. Cuộc sống tiếp tục và đại tá Gurov cũng chỉ giúp cho nó tiếp tục mà thôi. Đó là tất cả lí do. Lấy vũ khí đổi lấy thực phẩm ông đã không nghĩ đến hậu quả. Nhưng tại sao lại là ông ở đây?... Bản thân cuộc sống thay đổi theo chiều hướng có thể đổi chác bất kì cái gì (muốn đổi cái gì và đổi lấy cái gì, cứ việc), và Gurov đã đổi. Bản thân cuộc sống đã xoay sang chiều chiến tranh (cho dù cuộc chiến tranh có ngu xuẩn, vớ vẩn tới đâu thì đó cũng không phải là hòa bình!) và Gurov, hiển nhiên là phải chiến đấu. Ông tham dự cuộc chiến, nhưng không bắn, (Thỉnh thoảng đi bắt tù binh theo lệnh. Hoặc bắt quá cũng phải bắn là vì phải theo một lệnh khác, từ cấp cao hơn). Ông dàn xếp được với cả hoàn cảnh đó, ông thích ứng được. Nhưng... nhưng mà buồn. Buồn vì nghĩ tới cái thời huy hoàng dễ hiểu xa xưa, khi ông có thể phóng như bay trên chiếc Gaz của mình, khi ông có thể lao vào văn phòng đảng ủy, có thể gào thét, chửi bới chính quyền, rồi sau đó lại hạ cố làm lành, ngồi ườn trong chiếc ghế bành da nói chuyện với bí thư huyện ủy như với bạn bè thân thuộc, kê cho bọn người đang phải chờ ở đằng sau cửa. Có một hôm ông không tìm thấy bí thư huyện ủy cả trên cơ quan lẫn ở nhà: cha này đi vắng. Nhưng ông

lại tìm được vợ hắt ở nhà. Bà này theo ông về. Không có sự từ chối. Bà ta đã dâng hiến cho đại tá Gurov lúc đó tóc có hơi điểm bạc nhưng vẫn còn sung sức lắm, tất cả những gì mà người đàn bà đang buồn chán vì phải ở nhà một mình cả tuần lễ vào giữa mùa hè, có thể dâng hiến. Dâng hiến tất cả những gì có thể. Tất cả, thậm chí còn hơn thế (ông nghĩ đến chìa khóa mở cái tủ lạnh số 2 to đùng của nhà máy liên hợp sản xuất thịt của huyện, trong đó cơ man nào là thịt hun khói còn tươi nguyên).

- Alibecov. Tôi chợt nhớ ra. Ông kiếm được thịt hun khói chứ?...



Chiến dịch bắt tù binh (từ thời tướng Ermolov còn được gọi là chiến dịch "móng ngựa") được thực hiện theo kiểu khép chặt vòng vây đối phương. Tuy nhiên vòng vây không khép kín hết mà vẫn mở một đường hẹp duy nhất. Chạy tán loạn trên đường hẻm đó, bọn phi như một chuỗi xích bị cắt từng mắt một, và cứ thế từ các ổ phục kích lúc thì bên trái, khi thì bên phải con đường, có thể tóm bắt kì tên nào trong bọn chúng lòi vào bụi rậm tước vũ khí. Tất nhiên, trong khi diễn ra chiến dịch súng vẫn bắn đều đều, nhưng bắn lên trời để dọa là chủ yếu, để dồn cho chúng chạy.

Cả hai cùng lọt vào lực lượng quân đi tước vũ khí. Tuy nhiên, Vovca bị để ý ngay và lập tức bị đuổi ra khỏi hàng: trung úy Savkin chỉ lấy những người trong đại đội mình. Cái nhìn của trung úy lướt trên thân hình to lớn của Rubakhin, nhưng không dừng lại móc mói. Bằng giọng khàn khàn: "Tiến lên phía trước hai bước!" trung úy làm như thể không chú ý. Rubakhin đứng vào đội ngũ những chiến sĩ to khỏe nhất. Anh lẫn vào họ.

Chỉ vừa bắt đầu nổ súng Rubakhin đã vội vã nấp vào ổ mai phục; anh hút thuốc trong bụi rậm cùng với một tay binh nhất có tên Gesha. Cả hai cùng là lính cũ, họ chuyện trò nhớ lại những người quen đã được giải ngũ. Không, họ không ghen tị với những

người này. Ghen tị làm quái gì cơ chứ. Cũng chả biết được ở đâu tốt hơn ở đâu...

- Bọn quái này chạy lẹ gớm, - Gesha nói, vẫn không rời mắt khỏi những bóng người thấp thoáng chạy dưới bóng những lùm cây.

Quân đối phương lúc đầu chạy từng hai, ba người một. Tiếng ồn và tiếng cành cây bị bẻ gãy vang tới những bụi cây mọc hai bên đường mòn. Đã có những kẻ chạy một mình bị tóm. Những tiếng kêu thét vang lên. Om sòm... rồi lại tĩnh lặng. ("Chộp được rồi?" Gesha hỏi bằng mắt, Rubakhin trả lời bằng cái gật đầu: "Được rồi"). Lại vọng lại tiếng cành gãy trong các bụi rậm. Chúng đã tới gần. Bắn thì chúng còn hơi biên biết một tí (cả giết người cũng vậy), nhưng mà chạy trong những bụi cây, súng xách trong tay, lựu đạn lủng lẳng trước ngực, lại còn dưới làn đạn nữa, thì đương nhiên là khó rồi. Hoảng loạn vì vấp phải các ổ phục kích bắn như vãi đạn, quân đối phương tất nhiên chỉ chạy theo con đường mòn hình như dẫn vào núi.

- Kia, thằng kia là của tớ nhé?- Rubakhin nói và đứng dậy rào bước ra ngoài chỗ sáng.

- Chúc may mắn, - Gesha rít nốt điều thuốc.

Hóa ra "thằng kia" không phải một mình. Còn một thằng khác cùng chạy với nó. Nhưng Rubakhin đã vọt ra khỏi bụi cây, anh không được phép để chúng chạy thoát. "Đ-ứ-n-g lạ -iii!..." - anh hô rõ to để thị uy. Xuất phát chạy thì Rubakhin có hơi kém, cơ bắp chưa thể hoạt động được ngay. Nhưng đến khi đã chạy được rồi thì những bụi cây trước mặt, gai góc ở dưới chân anh chẳng coi vào đâu. Không phải là chạy, bay mới đúng.

Anh vọt lên, chỉ cách chúng chừng sáu mét. Thằng đầu (tức là thằng chạy trước) chạy nhanh hơn anh, đã vượt lên phía trước. Thằng sau (đã hoàn toàn gần anh) thì Rubakhin chẳng sợ, là vì anh nhìn thấy khẩu súng trường lủng lẳng trước ngực hắn đã bắn hết đạn (hay là bắn súng trường khi chạy đối với hắn rất khó?) Thằng đầu nguy hiểm hơn, hắn không đeo súng trường, tức là hắn có súng lục.

Đang suy tính, Rubakhin nghe thấy tiếng chân chạy phía sau, à hử, có nghĩa Gesha đã chạy tới yểm hộ cho anh. Hai chọi hai...

Đuổi kịp thằng phỉ anh không tóm, cũng chẳng quật ngã (làm những việc ấy với thằng này, thì thằng kia chạy mất), mà chỉ dùng một cú đánh mạnh, gạt hẳn xuống dưới hố đầy những bụi cây gậy bên đường. Anh ngoái lại gọi Gesha: "Một thằng ở dưới hố ấy! Bắt lấy nó!..", rồi lại vọt lên đuổi theo thằng chạy đầu có mái tóc dài.

Rubakhin đã mở hết tốc lực, nhưng thằng kia còn chạy khỏe hơn. Hễ cứ đuổi gần kịp là nó lại tăng tốc. Giờ đây khoảng cách giữa hai người luôn giữ từ tám đến mười mét. Ngoái đầu lại, thằng đang chạy rút súng nhằm Rubakhin bắn. Anh nhìn thấy nó còn trẻ măng. Lại một phát súng nữa. (Nó đã giảm tốc độ. Giá không bắn thì nó đã chạy thoát rồi).

Thằng phỉ bắn qua vai phải và rõ là không thể trúng đích, biết vậy nên Rubakhin không cúi người tránh đạn khi nó quật tay về phía sau để bắn. Thế nhưng nó cũng chẳng bắn hết đạn, khôn ra phết. Nó lại chạy vọt lên, sắp mất hút. Rubakhin hiểu ra ngay. Không chậm trễ, anh liền quăng khẩu tiểu liên của mình vào chân hắn. Tất nhiên, bằng động tác này, anh đã tóm được hắn.

Thằng đang chạy rú lên vì đau. Nó khựng lại, đổ vật ra. Bằng một cú nhảy Rubakhin đã vọt tới, anh đè lên người nó, tay phải sờ soạn thắt lưng nó để tìm súng lục. Khẩu súng không có đó. Thằng giặc này lúc ngã đã đánh rơi súng, thế mà cũng gọi là lính!.. Rubakhin bẻ quật tay nó ra phía sau, tất nhiên là đau rồi. Hắn rên lên, xui đi. Đang khì thế, Rubakhin rút từ trong túi sợi dây da nhỏ trói nó giật cánh khuỷu, đẩy cái thân hình không lấy gì làm to lớn về phía gốc cây, ngồi xuống đấy!... Rồi anh lúi húi lần theo con đường mòn, vừa nghỉ, vừa tìm trong đám cỏ hai bên vệ đường khẩu tiểu liên của mình và súng lục của hắn.

Rubakhin quay trở lại, nhảy từ đường mòn về phía cây sồi cong queo, nơi thằng phỉ vừa tóm được đang ngồi. "Im lặng!" anh ra lệnh cho hắn. Trong một thoáng, bên cạnh họ là bọn lính đối

phương đang chạy vắt chân lên cổ, đằng sau là quân ta vừa đuổi vừa chửi rửa âm ỉ. Rubakhin không tham gia vào cuộc đuổi bắt nữa. Anh đã hoàn thành công việc của mình.

Anh nhìn thằng phỉ vừa tóm được. Một khuôn mặt lạ lùng, trẻ thơ đến nao lòng, mặc dù bọn lính phỉ tầm tuổi mười sáu, mười bảy đâu phải hiếm. Những đường nét trên khuôn mặt nó thật hài hòa, làn da mịn màng. Nhưng còn một cái gì đó làm khuôn mặt của chàng thanh niên Cavcaz này thật hấp dẫn. Cái gì nhỉ? Rubakhin không thể hiểu nổi.

- Đi thôi, - Rubakhin nói với nó. Anh giúp nó (hai tay bị trói quặt) đứng dậy.

Trên đường đi anh cảnh cáo:

- Đừng có mà nghĩ đến chuyện chạy. Tao không bắn đâu, nhưng mà đánh đau đấy, hiểu chưa?

Thằng tù binh đi cà nhắc. Khẩu súng trường mà Rubakhin quăng vào chân đã làm nó bị thương. Hay là giả vờ?... Những kẻ bị bắt thường hay cố làm cho người khác mỉm lòng. Nào là đi cà nhắc ư, nào là ho rũ rượi ư.

*
* *

Bọn phỉ bị tước vũ khí khá đông, hai mươi ba thằng, chính vì vậy mà Rubakhin không mấy khó khăn giữ rịt lấy tên tù binh. Đặt tay lên vai nó, anh nhắc đi nhắc lại: "Thằng này là của tớ" trong tiếng ồn ào, trong cảnh tíu tít bận rộn xô đẩy bọn tù binh xếp thành hàng để giải về doanh trại. Cảnh hỗn độn căng thẳng vẫn không sao dẹp được. Bọn tù binh sợ bị xé lẻ ra, cứ túm tụm lại. Chúng riu lại với nhau, í ới gọi nhau bằng tiếng của mình. Một số đứa thậm chí tay còn không bị trói. "Tại sao lại của cậu? Kia kia, tất cả bọn chúng là của chúng ta". Nhưng Rubakhin vẫn lắc đầu bướng bỉnh: những đứa kia là của chúng ta, nhưng thằng này là của tớ. Vovca - Xạ Thủ xuất hiện, như mọi lần, bao giờ cũng đúng lúc và vào đúng thời điểm của mình. Hơn hẳn Rubakhin, hẳn biết

cả cách nói sự thật, cả cách làm người nghe mù mẫm đầu óc. "Chúng tôi đang cần gấp! Để yên đấy! Có thư của Gurov đây... Chúng tôi cần nó để trao đổi tù binh!", - hấn thao thao bốc phét. "Thế thì cậu đi mà báo cáo trung úy". "Báo cáo rồi. Đã thỏa thuận rồi!". Hấn tiếp tục bịa chuyện rằng đại tá Gurov hiện đang uống trà ở nhà (quả có thể), rằng hai người họ vừa đi từ đó đến (cũng là sự thật), và Gurov đã đích thân viết thư. Vâng, thư đó hiện đang ở trên văn phòng đang ủy...

Vovca trông phờ phạc, hốc hác hẩn đi. Rubakhin chẳng còn hiểu ra làm sao: rõ ràng anh phải chạy chí chết từ bụi cây nọ sang bụi cây kia để đuổi bắt cái thằng tóc dài chết tiệt này, tù binh anh đã tóm được, đã phải đổ mồ hôi, nhưng người hốc hác, phờ phạc lại là Vovca.

Người ta đẩy bọn tù binh lên xe (cuối cùng thì cũng xếp được chúng vào hàng lối). Một số chuyển vũ khí tước được. Có ai đó đang đếm: mười bảy "calas", bảy súng lục, mười lựu đạn. Hai thằng bị giết chết trong khi chạy trốn. Hai đứa bị thương, còn quân ta một người bị thương, Corotcov bị giết. Những chiếc xe tải phủ bạt kín nối đuôi nhau chạy thành hàng có hai chiếc Beter đi kèm (một chiếc phía trên đầu, một chiếc đoạn hậu), gầm rú, tăng tốc chạy về phía doanh trại. Trên xe, những người lính đang còn hào hứng trao đổi, hét rống lên. Tất cả đều muốn ăn.

Tới nơi, vừa xuống xe, Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ cùng với tên tù binh lập tức đứng về một bên. Không ai đứng vào chỗ họ. Nói chung giữ tù binh lại cũng chẳng để làm gì: những tên trẻ được thả ngay, những tên già hơn thì giữ lại một hai tháng kiểu như ở tù, nhưng nếu chạy trốn thì cứ việc bắn thẳng tay. Chiến tranh mà! Có thể chính bọn này đã giết Baiarcov lúc anh đang ngủ (hay vừa mới mở mắt thức giấc). Mặt mũi không một vết xước, nhưng kiến thì bâu kín. Ngay lúc đầu Rubakhin và Vovca đã phải phủi sạch kiến. Khi lật người xấu số lại họ thấy lưng anh ta thủng một lỗ tương. Bọn chúng bắn trực diện, nhưng những viên đạn đã không kịp tãi ra mà dồn đông phá tan lồng ngực: làm gãy những chiếc xương, đạn lòi tuột tất cả mọi thứ bên trong cơ thể Baiarcov ra ngoài. Trên mặt đất gan ruột, tim phổi nằm trên một vũng máu

lớn đã đông đặc. Baiarcov nằm sấp, một vết thủng lớn trên lưng, còn ruột gan cùng những viên đạn thì nằm dưới đất.

Vovca rẽ vào nhà ăn.

...Họ bắt tù binh để trao đổi. Đại tá đã hạ lệnh, Vovca vội vã trả lời những chất vấn của cánh lính ở trung đội Orlicov.

Đám lính, sau khi đã no nê, nói với theo hấn: Chuyển lời chào nhé. Họ hỏi hấn, ai bị bắt làm tù binh? Đổi lấy ai?!

- Để trao đổi, - Vovca - Xạ Thủ nhắc lại.

Van Bratrenco cười ha hả:

- Đổi lấy ngoại tệ!

Trung sĩ Khozaev gào lên:

- Các cậu tài thật, bắt được của sộp đấy. Những đứa như thế chúng khoái lắm đấy!... Máy thành chỉ huy, - anh ta hát đầu về phía núi, - thích những đứa như thế lắm.

Để làm rõ thêm điều mình nói, Khozaev tiếp tục nhấn nhò, phô hàm răng lính chắc khỏe, trắng ớn.

- Đổi lấy loại này thì người ta sẵn sàng đưa ra bốn năm người ấy chứ!, - hấn lại gào lên. - Những đứa giống con gái như thế này là chúng nó thích lắm đấy! - Nói rồi hấn nháy nháy Rubakhin.

Rubakhin cau có. Anh bỗng thấy lo lắng về tên tù binh này: đúng là hấn đẹp trai thật.

Tên tù binh nói tiếng Nga không tốt lắm, nhưng hấn hiểu hết. Hấn tức giận rít lên trả lời Khozaev bằng tiếng mẹ đẻ. Những bắp thịt và cả khuôn mặt động đậy càng làm cho hấn thêm điển trai. Mớ tóc dài đen rủ thành hình ôvan ôm lấy khuôn mặt. Làn môi rõ nét. Mũi thẳng, thanh thoát. Đôi mắt màu nâu đặc biệt buộc người ta phải để ý.

Vovca nhanh chóng thỏa thuận được với cấp dưỡng. Trước lúc lên đường cần phải ăn uống cho tử tế.

Xung quanh bàn ăn dài bằng ván ghép thật âm ỉ, khó thở. Trời nóng bức. Họ ngồi phía cuối bàn, ngay lập tức Vovca rút từ túi

quần chai rượu rẻ tiền; hẩn kín đáo luồn chai rượu qua gầm bàn cho Rubakhin. Anh cặp chai rượu vào hai đầu gối và bằng cách nào đó để mọi người không nhìn thấy, uống nốt chỗ rượu còn lại. "Còn đúng nửa chai giữ lại cho cậu đấy. Hãy đánh giá lòng tốt của tớ đi, Rubakhin!..."

Hẩn đặt đĩa thức ăn trước mặt tên tù binh: - Không muốn, - nó xẵng giọng trả lời. Nó quay mặt đi, lúc lắc mớ tóc đen lượn sóng.

Vovca đẩy chiếc đĩa lại gần nó hơn: thì gặm lấy vài miếng thịt, đường xa lắm đấy.

Tên tù im lặng. Vovca chỉ lo thằng quái này lấy tay hất đổ đĩa thức ăn xuống đất thì mất công toi đầu hót với đầu bếp để được thêm một xuất cháo với thịt.

Hẩn vội vàng đổ tuột khẩu phần được thêm này vào đĩa của mình và đĩa của Rubakhin. Họ ăn uống xong. Đã đến lúc lên đường.



Họ dừng lại bên bờ suối, thay nhau dùng chiếc cốc nhựa múc nước lên uống. Tên tù binh, chắc là bị cơn khát hành hạ, bước vội đến con suối, khuyu đầu gối xuống làm những hòn sỏi kêu lạo xạo. Nó không đợi được cởi trói hay đợi người ta đưa cốc nước lên miệng cho mình, cứ quỳ như vậy vục đầu xuống suối uống lấy uống để một lúc lâu. Hai cánh tay bị trói giật ra phía sau gờ ngược lên trời khi cúi xuống uống nước, trông như đang cầu nguyện một cách kì quặc.

Uống nước xong tên tù binh ngồi lên cát. Mặt mũi đầm nước. Dụi má xuống vai, nó cố gắng không cần tay, lau khô những giọt nước trên mặt. Rubakhin lại gần:

- Chúng tôi sẽ cho cậu uống, sẽ cởi trói nữa... đi đâu mà vội?

Hẩn không trả lời. Rubakhin nhìn hẩn và lấy lòng bàn tay lau những giọt nước trên cằm hẩn. Làn da mịn đến nỗi bàn tay

của Rubakhin bỗng nhiên run bắn lên. Thật không ngờ. Nhưng quả như vậy! Đúng như da con gái, anh nghĩ.

Mắt họ gặp nhau, Rubakhin vội nhìn lảng ra chỗ khác, bối rối bởi những ý nghĩ không tốt lắm bỗng tự nhiên thoáng qua.

Làn gió lay động trong các bụi cây lập tức làm Rubakhin cảnh giác. Hình như tiếng những bước chân?... Sự bối rối lắng đi (nhưng nó chỉ trốn tạm thời, chứ chưa đi hẳn). Rubakhin là một người linh chất phác, anh không được bảo vệ trước vẻ đẹp như vậy của con người. Thì đấy, cái tình cảm lạ lùng, mới mẻ lại bắt đầu dần dần từng tí một nảy nở trong anh. Và tất nhiên, anh nhớ rất rõ gã trung sĩ Khozaev đã gọi anh, nháy anh như thế nào. Bây giờ là lúc mặt đối mặt đây. Tên tù binh không thể tự lợi qua suối được. Những viên đá cuội lớn, trơn tuột, dòng nước chảy xiết, còn nó thì đi chân trần vì chỗ mất cá sừng húp lên, ngay từ lúc khởi hành nó đã phải quãng đôi giày thể thao rất đẹp của mình đi (tạm thời đôi giày đang nằm trong cái túi đựng đồ của Rubakhin). Nếu như trong lúc qua suối nhờ nó có sẩy chân ngã xuống thì coi như toi đặc, nó sẽ chẳng còn được cái tích sự gì. Con suối sẽ cuốn phăng nó đi như một chiếc lông. Không còn sự lựa chọn. Thế thì rõ rồi, Rubakhin chứ còn ai vào đây nữa, phải giúp nó qua suối thôi, là vì anh đã chẳng quãng khẩu súng vào chân làm nó què là gì?

Lòng cảm thông đã giúp Rubakhin; lòng cảm thông đến giúp anh thật đúng lúc như thể từ một nơi nào đó trên cao, từ trời rơi xuống (nhưng đồng thời cũng từ nơi đó sự bối rối kéo đến mỗi lúc một nhiều cùng với ý thức mới mẻ về mối nguy hiểm của cái đẹp). Rubakhin chỉ bối rối một chút. Anh nhắc bổng chàng trai mang qua suối. Tên tù binh quấy đạp, nhưng đôi tay to lớn của Rubakhin rất khỏe.

- Nào - nào, đừng có giãy giụa. - Anh nói hơi thô bạo, như thể người ta hay nói với đàn bà trong trường hợp tương tự.

Anh nghe thấy hơi thở của chàng trai. Hắn cố tình quay mặt đi, nhưng hai tay (được cởi trói khi qua suối) thì bám chặt vào cổ áo anh như hai cái móc, vì hắn sợ ngã xuống nước, xuống những tảng đá phía dưới. Cũng như tất cả những ai bế người trên tay,

Rubakhin không nhìn thấy gì dưới chân mình, chính vì vậy anh phải dò dẫm từng bước một. Mắt nhìn ra phía trước, nhưng anh chỉ thấy dòng nước đang chảy về phía xa và trên nền của dòng nước đang nhảy nhót là khuôn mặt nhìn nghiêng của chàng trai, một khuôn mặt thanh tú, trong trắng, với môi dưới mòng mọng, nũng nịu bĩu ra như môi thiếu nữ.

Sang đến bên kia suối họ nghỉ chân lần đầu. Để đỡ nguy hiểm, họ tránh con đường mòn, đi theo dọc suối ở phía dưới. Họ ngồi nghỉ trong bụi cây. Rubakhin kẹp khẩu súng trường giữa hai đầu gối, mở chốt an toàn. Hiện thời chưa ai muốn ăn, nhưng họ đã vài lần uống nước suối. Vovca nằm nghiêng vặn nút đài. Chiếc đài nhỏ ọ ọ, ré lên, eo éo như tiếng mèo kêu, bỗng dưng giật lên một tràng tiếng nước nào không rõ. Như mọi lần, Vovca ý vào kinh nghiệm của Rubakhin, người có thể đánh hơi xa một cây số tiếng đá lạo xạo dưới bước chân kẻ lạ.

- Rubakhin, tớ ngủ đây, nghe thấy không. Tớ ngủ, - hần khai báo thành khẩn rồi lập tức chìm vào giấc ngủ chớp nhoáng của lính.

Khi viên trung úy tinh tường đuổi hần ra khỏi đội đi tước vũ khí, Vovca không có việc gì làm đã quay trở lại ngôi nhà của người đàn bà trẻ (ngôi nhà nhỏ này sát ngay cạnh nhà đại tá, nhưng Vovca rất cẩn thận). Cô nàng tất nhiên là xỉ vả hần vì hần đã vội vàng bỏ cô mà đi. Nhưng chỉ sau một phút họ đã mặt kề mặt, sau phút nữa, cả hai đã ở trong chăn. Chính vì vậy mà bây giờ Vovca mới bã người ra một cách dễ chịu như vậy. Khi đi thì hần còn cố được, chứ lúc nghỉ chân là hần vật ra ngủ tức thì.

Rubakhin rất chân chất, bắt đầu nói theo thói quen nói nhanh của mình.

-... Nếu như nhìn thẳng vào thực tế thì làm sao chúng ta là kẻ thù của nhau được, chúng ta là bạn bè thì có. Chúng ta đã chẳng từng là bạn bè đó sao? Không phải à? - Anh nói một cách sôi nổi, thậm chí nhắc đi nhắc lại ý mình, cố giấu trong những lời nói bình thường thời Xô Viết cái tình cảm làm anh bối rối. - Đã từng là bạn bè chung lưng đấu cật.

Vovca - Xạ Thủ dè bủ:

- Tình hữu nghị giữa các dân tộc không gì phá vỡ nổi muôn năm...

Rubakhin tất nhiên là nghe thấy lời giễu cợt đó, nhưng anh vẫn nói bằng giọng kìm chế.

- Vovca, nhưng mà tớ có nói với cậu đâu.

Vovca hiểu rằng tốt nhất nên im lặng. Nhưng chàng thanh niên cũng im lặng nốt.

- Tôi cũng là người, giống như cậu. Mà cậu cũng là người, giống như tôi. Thế thì tại sao chúng ta lại đánh nhau?

Rubakhin vẫn tiếp tục nói những điều người ta đã biết từ lâu, nhưng chẳng để làm gì. Xem ra những lời nồng nhiệt ấy anh nói chỉ cho bản thân nghe, à còn cho cả bụi cây, và cho cả con đường mòn nữa chứ, con đường mòn chạy theo dòng suối, đổ thẳng vào núi. Rubakhin rất muốn chàng trai này mở miệng. Anh muốn nghe giọng của cậu ta. Nói gì cũng được (Rubakhin càng lúc càng cảm thấy bất an).

Vovca - Xạ Thủ (trên đường đi) động đậy cái tay, cái đùi nhỏ trong ba lô của hắn kêu chiêm chiếp. Vovca tiếp tục động đậy, cuối cùng hắn đã tìm được bài quân nhạc. Còn Rubakhin thì vẫn tiếp tục nói. Cuối cùng mệt quá, anh im bặt.

Đi trên đường dốc gập ghềnh với hai tay trói quặt phía sau (và cái chân què) quả là khó khăn. Tên tù binh tụt lại phía sau, hắn đi rất khó nhọc. Khi leo lên một trong những đoạn dốc, bỗng nhiên hắn ngã sấp xuống. Hắn cố gượng dậy, không một lời than vãn, nhưng Rubakhin đã nhìn thấy trong đôi mắt hắn những giọt nước mắt.

Đã mấy lần Rubakhin nói rất nhanh:

- Nếu như cậu không bỏ chạy, tôi sẽ cởi trói. Hứa đi.

Vovca - Xạ Thủ nghe thấy (qua tiếng nhạc) kêu lên:

- Rubakhin, đừng có mà điên!...

Vovca đi phía trước. Hấn lảm bảm: rõ là góc ở đâu đấy. Còn cái đài thì cứ hát oang oang.

- Vovca, tắt cái đài đi... tớ cần phải nghe ngóng.

- Ngay đây.

Tiếng nhạc im bật.

Rubakhin cời trói cho tên tù binh. Làm sao nó chạy cho thoát được với cái chân què như thế này.

Họ đi khá nhanh. Phía trước là tên tù binh. ở giữa là Vovca nửa thức nửa ngủ. Sau một chút là Rubakhin lằm lì, căng toàn bộ các giác quan để nghe ngóng.

Giải phóng cho ai, dù chỉ là cái cổ tay, dù chỉ một khoảng thời gian trên đường, cũng thật dễ chịu. Rubakhin nuốt vào cổ họng cái thứ nước bọt có dư vị ngọt ngào. Những giây phút hiếm hoi. Nhưng dư vị là dư vị, còn cặp mắt anh vẫn không chịu mở đi. Con đường mòn lượn vòng. Họ đi xung quanh một quả đồi nhỏ, nơi đã chôn cất người lính say rượu Baiarcov. quả đồi tuyệt vời tràn ngập ánh hoàng hôn.

Lúc nghỉ đêm Rubakhin đưa cho tên tù binh đôi tất len của mình. Bản thân anh đi ủng không tất. Tất cả đều phải ngủ (đồng lửa chỉ để lại rất nhỏ). Rubakhin tước chiếc đài nhỏ của Vovca (ban đêm không được gây bất kì tiếng động nào). Súng trường, như mọi khi, kẹp giữa hai đầu gối. Anh ngồi sát vai cạnh tên tù binh, lưng tựa vào gốc cây trong một thế ngồi quen thuộc từ xa xưa của người thợ săn (rất thính, đồng thời vẫn cho phép ngủ một chút). Đêm. Anh có vẻ như đã ngủ. Trong giấc mơ màng anh nghe thấy tên tù ngồi ngay bên cạnh, nghe thấy và cảm thấy rõ đến mức ngay lập tức anh có thể bật dậy nếu như tên này chỉ cần có một biểu hiện bất bình thường. Nhưng hấn đâu có nghĩ đến chuyện chạy trốn. Hấn buồn (Rubakhin đã xâm nhập được vào tâm hồn kẻ lạ). Cả hai đều đã ngủ say (tin tưởng), còn Rubakhin thì vẫn cứ cảm thấy chàng trai này bị nỗi buồn xâm chiếm. Ban ngày tên tù binh cố gắng giữ thể diện, còn bây giờ sự đau đớn nội tâm đang giày vò hấn. Nhưng mà nó buồn cái gì mới được chứ? Ban ngày

anh đã chẳng giải thích cho nó biết là anh không đưa nó vào nhà tù hay dùng nó vào những việc bẩn thỉu nào đó, mà trả nó về với người của nó để đổi lại việc chúng cho bọn anh đi qua đường. Chỉ độc có mỗi việc là đánh đổi với người của nó thôi. ở cạnh Rubakhin nó đâu phải lo lắng gì. Cứ cho là nó không hiểu gì về việc những chiếc xe tải hay con đường đã bị chặn, nhưng chắc nó cũng phải hiểu được (cảm thấy được) là chẳng có gì đe dọa nó cả. Hơn nữa, nó cũng phải biết là nó gây được thiện cảm đối với anh chứ... Rubakhin bỗng nhiên lại thấy bối rối. Rubakhin khẽ hé mắt. Tên tù binh đang buồn. Trong màn đêm đã bắt đầu loăng, khuôn mặt của hắn vẫn đẹp như trước, nhưng thật buồn. "Nào - nào!" Rubakhin thân mật nói, cố gắng vui vẻ.

Và anh chậm chạp đưa tay ra. Sợ rằng làm cho nửa khuôn mặt và vẻ đẹp tuyệt trần của đôi mắt đang nhìn bất động kia kinh hoàng, Rubakhin chỉ dám khẽ chạm ngón tay vào bắp thịt thanh mảnh, làm như sửa lại lọn tóc xoắn dài rủ xuống má. Chàng trai không quay mặt đi. Hắn im lặng. Và Rubakhin có cảm giác, cố tìm được cái cảm giác hắn đáp lại những ngón tay ve vuốt của anh bằng má của mình.

Được nhắm mắt một lúc quả là sướng. Vovca - Xạ Thủ lại sống lại những phút giây ngọt ngào trôi nhanh trong ngôi nhà thôn quê nhỏ bé ấy. Niềm vui sướng ngấn ngủi được gần gũi phụ nữ từng giây một cứ thoát biến, thoát hiện. Hắn ngủ ngời, ngủ đứng, ngủ đi. Chẳng có gì là lạ khi hắn ngủ say như chết (mặc dù đang trong phiên gác của mình), chẳng để ý có một con thú chạy ngang qua, có thể là lợn rừng cũng nên. Con thú làm nao động tất cả mọi người. Tiếng cành cây gãy rãng rắc rõ lâu trong các bụi cây. "Cậu có muốn bị bắn chết trong lúc ngủ không?". Rubakhin khẽ kéo tai người lính. Hắn choàng tỉnh. Hắn nghe lời anh. Tất cả trở lại yên tĩnh.

Ném thêm cành củi vào đồng lửa, Rubakhin đứng dậy đi một vòng rồi quay về. Anh ngồi cạnh tên tù binh. Hốt hoảng vì những gì vừa xảy ra, hắn ngồi trong tư thế căng thẳng, vai nhô cao, khuôn mặt đẹp rúc vào giữa hai đầu gối. "Thế nào? Cậu ra sao rồi?" Rubakhin hỏi. Trong những trường hợp tương tự, câu hỏi này

giống như sự kiểm tra tên tù: liệu hắn có giả vờ ngủ hay không; liệu hắn có đang tìm dao hay không; hoặc hắn chỉ chờ cho mọi người ngủ say là lăn ngay vào đêm tối? (Có họa là ngu, Rubakhin này lại không đuổi được ngay chắc).

- Bình thường, - tên tù binh trả lời ngắn gọn.

Cả hai cùng im lặng.

Xem ra khi hỏi tên tù, Rubakhin buộc phải ngồi sát cạnh hắn (chẳng lẽ cứ mỗi phút lại đổi chỗ bên đông lửa ấy còn ra làm sao nữa).

Rubakhin vỗ vai hắn:

- Đừng có sợ. Tôi đã nói rồi: khi về tới nơi nhất định chúng tôi trao trả cậu ngay cho phía bên ấy, hiểu không?

Hắn gật đầu:

- Vâng, hắn hiểu.

Rubakhin cười hềnh hếch:

- ờ, mà cậu đẹp trai thật đấy.

Cả hai lại im lặng.

- Chân thế nào rồi?

- Đỡ rồi.

- Thôi được, ngủ đi. Trời sắp sáng, chợp mắt một tí kéo là sáng bánh ngay bây giờ...

Thế rồi, như thể đồng ý là cần phải chợp mắt, tên tù ngã ngay đầu vào vai phải Rubakhin. Thì có gì là đặc biệt: cũng như những người lính dựa vào nhau tranh thủ đánh một giấc. Nhưng mà hơi ấm của cơ thể và cùng với nó là dòng xúc cảm (cũng từng đợt như vậy) cứ truyền từ cái vai ngã xuống của chàng trai sang vai của Rubakhin. Không được thế. Chàng trai đang ngủ. Đơn giản là chàng trai đang ngủ, Rubakhin nghĩ, cổ dim từng đợt sóng cứ trào lên. Anh gồng mình, cả người như hóa gỗ là vì cái sức mạnh của hơi ấm, của sự dịu dàng cứ thấm qua bờ vai, thấm vào tâm hồn tĩnh lặng của anh. Rubakhin chết lặng. Và chàng trai, dường

như nghe thấy, hoặc đoán được sự lo lắng của anh cũng như đang chết lặng. Thêm một phút nữa, sự động chạm của họ đã mất đi cảm giác. Họ đơn thuần chỉ là những kẻ ngồi cạnh nhau.

- Rồi, thế là chúng mình cũng chợp mắt được tí chút, - Rubakhin nói vào khoảng không. Anh nói, mắt không rời những lưỡi lửa bé tí, đỏ chót, nhảy nhót trên đồng củi.

Tên tù binh giật mình, sửa lại thế ngồi cho cái đầu tựa vào vai Rubakhin dễ chịu hơn. Ngay lập tức anh lại cảm thấy dòng điện của cái cơ thể đáp ứng, mời gọi kia. Bây giờ Rubakhin đã nghe thấy thoáng run rẩy rất nhẹ từ thân thể của chàng trai, sao lại thế nhỉ... thế là thế nào nhỉ? Anh cố hiểu cho được cái ý nghĩ đang vẩn lên. Và anh lại cố kìm hãm, nín thở (chỉ sợ sự run rẩy của mình tố cáo mình). Nhưng run thì run, có thể chịu được, đáng sợ hơn cả là cái đầu của chàng trai bây giờ hình như khế quay về phía anh thì phải (tất cả những cử chỉ của hắn thật nhẹ nhàng, nhưng vẫn có thể cảm nhận được, nhưng nhớ ra đó lại chỉ là những cựa quậy vô nghĩa của một người đang ngủ thì sao?...). Quay về phía anh chính là cái khuôn mặt, gần như kề cận, liền sau đó thế nào anh cũng nghe thấy hơi thở thanh tân và sự gần gũi của làn môi. Một thoáng trôi nhanh. Rubakhin đã trải qua giây phút mềm yếu. Dạ dày của anh là bộ phận đầu tiên trong mối quan hệ với các cơ quan khác trong cơ thể không chịu được cái gánh nặng của cảm giác không quen biết ấy, đã lên cơn co thắt, và cái máy nghiền thức ăn ấy bỗng phút chốc trở lên thô nháp như tấm ván gỗ được đem cọ rửa. Và hậu quả là sự thở bị ngắt quãng. Rubakhin ho sặc ho sụa. Chàng trai sợ hãi cất đầu ra khỏi vai anh.

- Nổ ầm ầm như đại bác ấy, điên rồ!... Có mà cả cây số cũng nghe thấy!

Vovca vô tư nói rồi lại lăn ra ngủ, tự trả lời mình bằng những tiếng ngáy. Mà những tiếng ngáy của hắn mới khiếp làm sao, chói cả tai như tiếng huyết sáo vậy.

Rubakhin bật cười, trời đất, ông bạn chiến đấu của tôi! Ngủ liên hồi kì trận. Ban ngày ngủ, ban đêm ngủ!

Tên tù binh vừa cười vừa chậm rãi nói:

- Tôi nghĩ là anh ta có đàn bà. Hôm qua.

Rubakhin ngạc nhiên: Thế cơ đấy?... Anh nhớ lại lập tức và đồng ý ngay: ờ cũng giống như vậy thật.

- Theo tôi thì chuyện ấy xảy ra hôm qua, vào lúc ban ngày.

- Đúng vậy! Chính xác!...

Cả hai cùng cười, như những người đàn ông thường cười vào những tình huống tương tự.

Nhân thể (rất chi là thận trọng) chàng tù binh hỏi:

- Chắc từ lâu rồi anh không gần đàn bà?

Rubakhin nhún vai:

- Lâu rồi. Một năm, có thể tính như vậy.

- Chắc là không đẹp? Một mụn sè?... Tôi nghĩ là bà xã không thể đẹp được. Lính tráng thì làm gì có vợ đẹp.

Sự ngắt quãng kéo dài nặng nề. Rubakhin có cảm giác như có đá đeo đằng sau gáy mình (và nó cứ thế ghè, cứ ghè...).

Sáng sớm đông lửa đã tắt lụi. Anh chàng Vovca sắp chết cồng cũng lẫn vào với họ, rúc đầu vào vai, vào lưng Rubakhin, còn anh chàng tù binh thì rúc vào cạnh sườn, suốt đêm quỳn rữ người lính bởi hơi ấm ngọt ngào thanh tân. Cứ như vậy cả ba cùng sưởi ấm cho nhau, họ kéo được cho tới sáng.

Họ đặt cà mèn nước lên bếp lửa.

- Chúng mình tự chiêu đãi nước trà, thì cũng phải nuông chiều bản thân một chút chứ, - Rubakhin nói vẻ có lỗi vì những xúc cảm không bình thường hồi đêm.

Ngay từ buổi sáng cái mặc cảm tội lỗi không mấy rõ ràng nhưng cũng không giấu giếm đã bắt đầu trỗi dậy: tự nhiên Rubakhin bắt đầu chăm sóc chàng trai. (Anh hồi hộp. Anh không thể ngờ được điều đó ở bản thân mình). Có một thoáng anh không làm chủ được bản thân, hai lần pha trà vào cốc cho hắn, bỏ vào đấy mấy cục đường, khuấy thìa loạn lên và đưa cho hắn. Hình như

anh nhường mãi mãi cho hấn đôi tất len của mình, đừng có cởi ra, cứ để mà đi!... Sự quan tâm mỗi lúc một nhiều hơn.

Rồi Rubakhin trở nên tất bật, lúc nào cũng cố nhóm cho bằng được bếp lửa để cho hấn được sưởi ấm.

Tên tù binh uống trà. Hấn ngồi trên đám rế cây quan sát những chuyển động của đôi bàn tay Rubakhin.

- Đôi tất ấm thật đấy. Rõ là tất xịn, - hấn khen, mắt nhìn xuống đôi chân của mình.

- Mẹ tôi đan đấy.

- Thế hả.

- Đừng có cởi ra!... Đã bảo mà: cứ để vậy mà đi. Còn tôi thì quần cái gì vào chân mà chẳng được.

Chàng trai lôi từ trong túi cái lược để chải tóc: hấn chải chuốt rõ lâu. Chốc chốc hấn lại lúc lắc mái đầu một cách kiêu kì, rồi lại chải, lại vuốt làn tóc lượn sóng đổ xuống tận vai. Hấn cảm nhận vẻ đẹp của mình tự nhiên như hít thở không khí vậy.

Mang đôi tất len ấm áp, ôm khít, chàng trai đi có vẻ vững tin hơn. Hấn cư xử cũng có vẻ dạn dĩ hơn. Nỗi buồn trong mắt hấn đã không còn nữa. Hiển nhiên hấn cũng hiểu được rằng Rubakhin lúng túng bởi mối quan hệ nảy sinh giữa họ. Có thể điều đó làm hấn dễ chịu. Hấn liếc nhìn Rubakhin, nhìn đôi tay của anh, nhìn khẩu súng trường của anh, bất giác cười thầm, hấn cảm thấy trong cuộc chơi này hấn đã giành được chiến thắng đối với cái anh chàng to lớn, mạnh mẽ nhưng nhút nhát như con trẻ này.

Đến bờ suối hấn không cởi tất mà đứng đó chờ Rubakhin bẻ hấn lội qua. Đôi tay hấn không túm lấy cổ áo anh như lần trước. Lần này, không chút ngượng nghịu, đôi bàn tay mềm mại ấy quần chặt lấy cổ Rubakhin đang lội qua suối, thỉnh thoảng hấn còn luồn tay dưới áo va rơi của anh để túm cho tiện hơn.

Rubakhin một lần nữa lại tước chiếc đài nhỏ của Vovca. Anh ra hiệu im lặng: anh đang dẫn đường; trên con đường mòn chắc chắn có nhiều người qua lại, càng lúc càng mở rộng ra phía trước,

Rubakhin không tin tưởng một ai (cho đến chỗ có tảng đá trắng). Tảng đá, nơi con đường rẽ làm ba ngã, đã gần ngay trước mặt. Đây là một chỗ khá nguy hiểm, nhưng đồng thời cũng lại là chỗ an toàn là vì từ đó có hai con đường hẹp rẽ đi hai ngã (hoặc nhập lại làm một tùy theo hướng nhìn).

Lính tráng bỏ bã gọi tảng đá đó là "cái mũi". Một cái mũi đá có ba cạnh nhô ra về phía họ, treo lên phía trước như mũi thuyền.

Họ đã trèo được tới chân mỏm đá, đang ở trong đám bụi cây có những chiếc lá xoắn. Không thể thế được! - Lóe lên trong đầu người lính ý nghĩ đó, khi anh nghe thấy ở đây, từ phía trên, sự nguy hiểm đang tiến lại gần (cả ở bên trái lẫn bên phải). Từ cả hai phía tảng đá có những người đang tụt xuống. Một sự di chuyển lộn xộn, dày đặc không ra hàng ngũ. Chó má thật. Làm sao lại gặp đúng hai toán lính đối phương khác nhau, đi theo hai con đường khác nhau, không hẹn mà lại sắp gặp nhau ở một chỗ, không thể thế được! Tảng đá cứu giúp họ chính là ở chỗ nó cho người ta nghe được trước lúc nhìn thấy để sớm tản ra, ẩn nấp.

Tất nhiên bây giờ họ đã rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Thậm chí họ không còn kịp men theo chân tảng đá, vượt qua khoảng trống để chạy vào rừng được nữa. Họ có ba người, trong đó có một tù binh; bọn chúng sẽ nhìn thấy họ liền và ngay lập tức sẽ xả súng vào họ; hoặc đơn giản là sẽ lừa họ vào rừng rồi vây xung quanh. Không thể thế được! ý nghĩ đó lại thút thít than vãn lần thứ ba rồi mới chịu rời bỏ anh. (Nó đi khỏi, biến mất, nó bỏ rơi anh). Bây giờ chỉ còn biết phó mặc cho bản năng. Một làn khí lạnh toát bỏ vào hai lỗ mũi. Không chỉ có tiếng bước chân của chúng. Trong không khí gần như tạnh gió Rubakhin còn nghe thấy cả tiếng bật dậy từ từ của những ngọn cỏ khi chúng đi qua.

Anh đặt ngón tay lên môi. Vovca đã hiểu. Hấn khẽ đưa đầu về phía tên tù binh: nó ra sao rồi?

Rubakhin nhìn vào mặt tên tù: chàng thanh niên cũng hiểu ngay lập tức (hấn hiểu người của hắn đang đi tới), trán và hai má của hắn phủ một lớp màu báo hiệu một hành động không thể lường trước được.

"Thôi thì mặc kệ! muốn đến đâu thì đến!" Rubakhin tự nhủ, nhanh chóng chuẩn bị súng trường vào trận. Anh nắm băng đạn dự trữ. Nhưng ý nghĩ về trận đánh (giống như mọi ý nghĩ khác trong những tình huống nguy hiểm) cũng lại tránh sang một bên (nó bỏ anh), không muốn trút vào mình cái trách nhiệm. Bản năng ra lệnh phải nghe ngóng. Và phải chờ đợi. Hai lỗ mũi vẫn bị những làn khí lạnh ngắt bò vào. Và tiếng những ngọn cỏ động đầy đầy ý nghĩa. Những bước chân lại gần. Không. Chúng đông lắm. Rất đông... Rubakhin một lần nữa lại nhìn vào mặt tên tù binh, đoán xem nó đang nghĩ gì, sẽ hành động ra sao. Có thể vì sợ bị giết hắn sẽ im thin thít, hoặc là vãi đái ra quần (cũng còn may), hoặc là sẽ bỏ nhào tới gặp đồng bọn với niềm vui sướng, với sự ngu dại trong đôi mắt to điên điên của hắn, và (đây mới là điều chủ yếu), với tiếng kêu cứu!?

Không rời mắt khỏi cánh quân bên trái (nhóm này hoàn toàn đang rất gần họ và đi ngang qua họ trước), Rubakhin quai tay ra đằng sau, cẩn thận chạm vào người tên tù binh. Tên này khẽ run rẩy giống như người đàn bà run rẩy trong vòng tay ôm của người đàn ông. Rubakhin sờ vào cổ hắn, nắm dần lên mặt, nhẹ nhàng đặt lòng bàn tay lên đôi môi xinh đẹp, lên miệng (cái miệng cần phải im lặng); đôi môi khẽ giật giật.

Rubakhin từ từ lôi tên tù gần lại mình (nhưng mắt vẫn không rời khỏi con đường mòn phía trái, khỏi đoàn người kéo dài như một chuỗi xích). Vovca theo dõi cánh bên phải: từ nơi đó cũng đã nghe rõ tiếng những bước chân, những hòn đá nhỏ đang ào ào đổ xuống và có một tên nào đó trong bọn chúng vác súng máy trên vai luôn quét phải thẳng đi sau.

Chàng trai không chống lại, Rubakhin. Choàng tay qua vai hắn, Rubakhin quay hắn lại phía mình (hắn thấp hơn anh), tự trườn tới hắn, áp sát vào người hắn, dí môi xuống dưới cái cằm không cạo râu của hắn, vào động mạch cổ của hắn. Chàng trai rùng mình, không hiểu. "Ờ -n..." hắn thở yếu ớt, giống như người đàn bà sau khi nói từ "không" không ra là từ chối, mà là ngưng ngừng, trong khi đó Rubakhin theo dõi và chờ (phòng khi hắn kêu lên). Cặp mắt hắn mở rộng trong cơn sợ hãi, cố gắng lảng tránh

cặp mắt của Rubakhin và qua không khí, bầu trời, cố nhìn thấy người của mình! Hắn mở miệng, nhưng nào có kêu. Có thể hắn chỉ muốn thở thật sâu. Nhưng bàn tay kia của Rubakhin khế đặt khẩu súng xuống dưới đất bịt lấy cái miệng khế giật cùng làn môi tuyệt vời của hắn. "Ờ -n..." chàng trai muốn nói nốt điều gì, nhưng không kịp. Thân hình hắn giật giật, hai chân cong lên, tuy nhiên dưới chân không có điểm tựa. Rubakhin nhấc hắn lên khỏi mặt đất. Ôm hắn trong tay, anh không cho hắn động tới những bụi cây, những hòn đá để khỏi gây ra tiếng động. Bằng cánh tay đang ôm, anh khóa chặt lấy cổ hắn, xiết mạnh. Cái đẹp đã không kịp cứu vãn. Vài cơn co giật... và cũng chỉ có thế.

Phía dưới tảng đá, nơi hai con đường chập lại, đã vang lên tiếng chào hỏi thân mật. Hai toán quân đã tìm thấy nhau. Vọng lại những tiếng chào hỏi, những câu hỏi Thế nào? Cái gì?! Các cậu chuyển đi đâu? (câu hỏi thường gặp nhất trong các câu hỏi). Chúng cười nói, vỗ vai nhau. Một tên trong bọn lợi dụng lúc dừng chân, tranh thủ đi tiểu. Hắn chạy lại phía tảng đá, tìm một chỗ thuận tiện. Hắn không hiểu là hắn đã đứng ngay trước điểm ngắm. Hắn đứng cách bụi cây nơi hai người sống và một người chết đang ẩn nấp chỉ có vài bước chân. Đái xong, nấc cụt, hắn cài khuy quần rồi chạy vội đi.

Khi đoàn người đã đi xa, những bước chân và tiếng nói đã không còn nghe rõ, hai người lính khoác súng lên vai, khiêng người chết ra khỏi bụi cây. Họ khiêng hắn vào cánh rừng thưa, nơi Rubakhin còn nhớ có một khoảng trống nhẵn nhụi toàn đất cát mềm. Họ đào cái hố, moi cát bằng những miếng đá mỏng dẹt. Vovca - Xạ Thủ hỏi Rubakhin có lấy lại đôi tất hay không. Anh lắc đầu. Họ không nói một lời nào về con người đã bắt đầu trở lên quen thuộc đối với họ. Họ ngồi im lặng trước ngôi mộ nửa phút. Ngôi lâu làm gì, chiến tranh mà!

*
* *

Không có gì thay đổi: hai chiếc xe tải (Rubakhin nhìn thấy chúng từ xa) vẫn đứng ở chỗ cũ. Trên con đường dẫn vào hẻm núi, ở chỗ hẹp nhất, lính đối phương vẫn canh giữ. Hai cái xe bị bắn tới bờ, nhưng không vào những chỗ hiểm (vẫn còn chạy được, chỉ bị bắn chi chít ở phía trên). Hai cái xe này đứng ở đây đã sang ngày thứ tư. Chúng chờ. Chúng chỉ muốn lấy vũ khí. Có được vũ khí chúng sẽ thả cho xe đi.

-...Chúng tôi không chở súng! Chúng tôi không có vũ khí! -
Cánh lái xe gào lên.

Một loạt đạn bắn ra từ phía bọn phi trả lời họ. Tiếp theo là một loạt tiếng cười rộ lên ha - ha - ha!... những tiếng cười khoái trá, dai dẳng không hàm nghĩa gì, như tiếng cười trẻ con vọng từ trên cao xuống.

Những người lính áp tải đoàn xe và cánh lái (họ có tất cả sáu người) ngồi rải rác trong các bụi cây ven đường, ẩn dưới gầm những chiếc xe tải. Cuộc sống du mục của họ thật đơn giản: họ nấu thức ăn trên đồng lửa hoặc lăn ra ngủ.

Khi Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ tiến tới gần, trên tảng đá, nơi có ổ phục kích, Rubakhin nhìn thấy ngọn lửa, một bếp lửa nhọt nhọt ban ngày. Chắc bọn lính đối phương cũng đang nấu bữa trưa. Một cuộc chiến tranh buồn tẻ. Cớ làm sao lại không ăn cho no đây, không uống nước trà cho nóng giã?

Bọn phi cũng đã nhìn thấy hai người lính đang tiến lại gần. Chúng rất tinh mắt. Và mặc dù chúng biết rằng hai người kia rồi lại quay về, chúng vẫn cứ bắn. Một loạt đạn. Lại một loạt nữa.

Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ đã về tới nơi.

Đội trưởng ưỡn cái bụng ra phía trước hỏi Rubakhin:

- Sao?... Có tiếp viện chứ?

- Tiếp cái con tiều!

Rubakhin chẳng buồn giải thích.

- Thế không tóm được thằng tù binh nào à?

- Không.

Rubakhin hỏi nước. Anh uống nước rõ lâu từ trong một cái xô, sau đó dội ào xô nước lên người, rồi cứ để vậy bước như người mù về một phía, và cũng chẳng chọn chỗ, cứ thế lặn vào một bụi cây mà ngủ. Cỏ ở đây vẫn chưa thẳng dậy; anh nằm chính ở cái chỗ mà hai ngày trước đó đã nằm, rồi người ta hích vào cạnh sườn anh, cử anh đi xin tiếp viện (cho Vovca đi theo trợ giúp). Trên đám cỏ rồi, anh bỏ ngoài tai tất cả, không nghe thấy những lời trách cứ của đội trưởng. Mặc kệ tất. Anh đã mệt rồi.

Vovca ngồi dưới bóng cây, duỗi thẳng hai chân, che cái mũ vải lên mặt. Vừa cười nhạo, hắn vừa hỏi những người lái xe: "Thế nào, các bố, vẫn không tìm ra được đường vòng à?... Chẳng lẽ lại thế nữa?!" "Không có đường vòng". Cánh lái xe nằm trong đám cỏ cao. Một tay trong số những thằng ngố ấy còn biết quán thuốc lá từ những mảnh giấy báo vụn.

Đội trưởng Beregov cáu tiết vì cuộc hành quân không kết quả, lại cố gắng tiếp tục cuộc đàm phán.

- Ê! - anh ta gào lên, - nghe tôi nói đây!... Ê! - Anh ta gọi với lên bằng một giọng thật thà (tự cho là như vậy). Tôi thề đấy, chúng tôi chả có một tí gì đâu, không có vũ khí lẫn thực phẩm. Chúng tôi chỉ có người không... cứ cho người của các anh xuống đây kiểm tra mà xem, chúng tôi không bắn đâu. Này, có nghe thấy không?...

Thay câu trả lời lại một loạt súng vang lên. Lại một chuỗi cười sảng khoái.

- Đ... mẹ chúng mày! - Đội trưởng cáu tiết văng ra.

Chúng bắn loạn xạ từ trên tảng đá. Chúng bắn rõ lâu và vô nghĩa đến nỗi đội trưởng lại văng tục và quay lại gọi:

- Vovca. Nào, lại đây!

Cả hai lái xe nằm trong đám cỏ sinh động hẳn lên:

- Vovca! Vovca, lại đây. Hãy cho bọn chó chết ấy biết cần phải bắn như thế nào!

Vovca - Xạ Thủ ngáp dài, lười biếng cất lưng ra khỏi cái thân cây mà hắn đang ngồi tựa khá là dễ chịu.

Nhưng khi cầm lấy khẩu súng và ngắm bắn thì hắn cảm có lười. Hắn lựa thế nằm tiện lợi trên cỏ và, giờ khẩu cacbin lên, hắn nhìn thấy qua ống kính ngắm hết hình người nọ đến hình người kia trong đám người đang tíu tít trên tảng đá chìa ra, treo ở phía bên trái con đường. Tất cả bọn chúng đều hiện lên rất rõ trong tầm ngắm và hắn có thể bắn trúng bất kì tên nào trong số đó.

Đúng lúc có một tên đứng ngay trên rìa tảng đá đang chõ xuống la hét, nhạo báng.

- Vovca, cậu có muốn xơi tái thằng này không? - người lái xe hỏi.

- Đám thèm vào, - Vovca dè bủ.

Yên lặng một chút, hắn nói thêm:

- Tớ thích ngắm và xiết cò. Không cần đạn tớ cũng biết khi nào tớ bắn trúng.

Không cần nói cũng hiểu được là Vovca không thể nào bắn vào bọn lính đối phương. Chỉ cần anh giết chết một thằng thì mấy chiếc xe tải này đừng có hòng mà đi qua được.

- Cái thằng đang gào kia, cứ coi như tớ đã hạ được rồi.

- Vovca bóp cò khẩu cacbin không nạp đạn. Hắn đang nghịch. Lại ngắm, lại bóp cò. Lại thằng kia nữa nhé, xong rồi!... Còn thằng kia tớ có thể cắt nửa cái mông. Không giết được, nó đứng nấp sau cây, nhưng nửa cái mông thì có thể được!...

Thỉnh thoảng nhắm được tên phỉ nào đó cầm vật gì sang sảng, như là chai vodka hay là (hiện đang là là buổi sáng!) chiếc phích Trung Quốc tốt nổi tiếng chẳng hạn, Vovca ngắm kĩ rồi bằng một phát chuẩn xác, bắn tan tành cái đồ vật nhìn thấy đó. Nhưng bây giờ thì hết các thứ để tiêu khiển rồi.

Trong khi đó Rubakhin ngủ không yên, lúc nào cũng chỉ có một giấc mơ khó chịu, bất an đổ đến (hay là rúc xuống đám cỏ anh đã gọi nó tới với mình?): khuôn mặt đẹp của chàng trai tù binh.

- Vovca. Bám cò đi!

- Ngay đây.

Vovca vẫn miệt mài ngắm, đang cơn hứng khởi, hần rê rê ống kính ngắm khắp khuôn hình tảng đá: qua những mỏm đá... qua các bụi cây nhỏ... qua những thân cây. A ha, đây rồi! Hần đã tìm thấy một tên phỉ gày nhảnh đứng bên cạnh gốc cây đang dùng kéo để sửa mái tóc. Cắt tóc là công việc riêng tư. Cái gương treo trên thân cây lóe sáng như ra hiệu, Vovca lập tức nạp đạn và tìm thấy ngay điểm ngắm. Hần bóp cò, vũng nước bạc gấn trên thân cây du bắn tung tóe thành muôn giọt li ti. Ngay lập tức những tiếng chửi rửa vang lên, và như mọi lần, lại những tiếng súng hỗn độn. (Những tiếng chửi rửa giống như tiếng những con sếu đồng loạt quang quác sau tảng đá treo trên con đường: gulial - kilial - lial - kilial - thành Vovca - Xạ Thủ...). Những hình người trên tảng đá chạy đi chạy lại, kêu la, chửi bới. Một lúc sau tất cả trở lại im lặng (chắc là theo mệnh lệnh). Một lúc lâu chúng không dám thò đầu ra (có vẻ biết điều hơn). Tất nhiên chúng cứ tưởng chúng đã nấp được rồi. Nhưng Vovca - Xạ Thủ không chỉ nhìn thấy những cái đầu đang ắp núp, những cục hàu trên cổ, những cái bụng, hần còn nhìn thấy cả những chiếc cúc áo của chúng. Đưa cọt, hần rê nòng súng từ chiếc cúc nọ sang chiếc cúc kia...

- Vovca! Đủ rồi! - Đội trưởng gọi giật hần.

- Xong rồi!... - Vovca - Xạ Thủ trả lời, tay xách khẩu súng chạy tới bụi cỏ cao (với ý nghĩ đơn giản: Ngủ lấy một giấc).

Còn Rubakhin lại đánh mất giấc mơ: khuôn mặt của chàng trai sau khi xuất hiện đã không còn giữ được trước mắt anh, nó bị nhòe đi. Nó tan ra, biến hình biến dạng, chỉ để lại vẻ đẹp nhạt nhòa, không thú vị. Một khuôn mặt của ai đó. Khuôn mặt đã bị lãng quên. Hình ảnh tan ra. Giống như trong cuộc tiễn biệt (khi chia tay nhau, nó đã tha thứ cho anh) chàng trai với những đường nét rõ ràng (và rực rỡ làm sao!). Khuôn mặt. Nhưng không chỉ có khuôn mặt, mà cả bản thân chàng trai đang đứng đó. Có vẻ như cậu ta muốn nói một điều gì. Cậu ta bước tới gần và đưa tay ôm riết lấy cổ Rubakhin (giống như anh đã làm với cậu ta ở chỗ tảng

đá). Đôi bàn tay mảnh mai, mềm mại, giống như tay phụ nữ, mảnh liệt, nhưng dịu dàng, và Rubakhin (vẫn rất cảnh giác) kịp hiểu trong giấc mơ người đàn ông có thể yếu đuối. Anh nghiêng rằng cố gắng xua đuổi giấc mơ và choàng tỉnh dậy, toàn thân nhức nhối, nặng nề.

- Giá có thuốc để hút! - Trong giấc mơ anh đã lảm nhảm. Và anh nghe thấy tiếng súng...

Cũng có thể, tiếng súng đã đánh thức anh dậy. Một dòng âm thanh đanh, gọn, - sọc - sọc - sọc - sọc phá vỡ những mảnh đá và từng cột bụi như đài phun trên đường đi dọc theo những chiếc xe tải đang đứng chết lặng. Những chiếc xe tải vẫn đứng đó. (Rubakhin cũng chẳng mấy quan tâm là vì sớm muộn thế nào rồi chúng cũng phải cho đi qua).

Vovca ôm khẩu súng ngủ trong đám cỏ gần đấy. Vovca hiện đang có thuốc lá (mua cùng với chai rượu trong cửa hàng mật dịch thôn), những điều thuốc từ trong túi áo ngực của hắn rơi xuống đất. Rubakhin nhặt lấy một điều. Vovca khẽ trở mình.

Rubakhin hút thuốc, hít thật dài. Anh nằm ngửa, mắt nhìn lên trời, còn bên trái và bên phải (từ phía cạnh sườn) những quả núi đan chặt, vây lấy anh ở đây và chẳng chịu thả anh ra. Rubakhin đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Cứ mỗi lần bàn giao công việc với thủ trưởng, chào hỏi mọi người (để trở về quê, vùng thảo nguyên bên sông Đông), anh nhanh chóng xếp chiếc va li chặt cứng của mình để rồi lại... ở lại. "ở đây có cái gì đặc biệt nhỉ? Những quả núi ư?" - anh bật nói thành tiếng cùng với nỗi tức giận. Không giận ai, chỉ giận thân. Sống trong trại lính thì có cái gì là thú vị cơ chứ, và cũng có gì là thú vị ở những quả núi này? Anh bực dọc nghĩ ngợi. Anh muốn nói thêm: "Vâng, đã bao năm rồi!" Nhưng lại nói: "Đã bao thế kỉ rồi!..." như trót buột miệng; từ ngữ tự chúng nhảy ra từ bóng tối, và người lính giờ đây chỉ còn biết kinh ngạc nghĩ cho hết cái ý nghĩ thâm lặng, nằm trong sâu thẳm tiềm thức. Những khe núi hẹp màu xám. Những ngôi nhà nhỏ bần thủ trông như chuồng chim của vùng sơn cước. Nhưng dù sao duyên cớ vẫn là những quả núi?!... Đây đó những đỉnh của chúng

chen chúc nhau vàng óng ánh trong ánh nắng mặt trời. Những quả núi. Những quả núi. Những quả núi. Đã bao nhiêu năm rồi trái tim anh đã phải thổn thức trước vẻ hùng vĩ, trước sự trang trọng âm lặng của chúng, nhưng thật ra vẻ đẹp của chúng muốn nói gì với anh? Vì sao nó lại réo gọi anh?

Bernard Malamud
(Mĩ)

CON TRAI TÔI KỂ GIẾT NGƯỜI

Nó thức giấc, cảm thấy cha mình đang ở ngoài hành lang, lắng nghe. Ông lắng nghe nó ngủ và mơ. Lắng nghe nó thức giấc và dò dẫm tìm quần. Nó không đi giày. Nó sẽ không vào bếp để ăn. Nhìn vào gương với đôi mắt nhắm nghiền. Ngồi hàng tiếng đồng hồ trong toilet. Lật những trang sách mà nó không hề đọc. Nỗi đau đớn, sự cô độc của nó. Người cha đứng ở hành lang. Đứa con trai lắng nghe ông lắng nghe.

Con trai tôi là người xa lạ, nó không kể cho tôi nghe bất cứ điều gì.

Tôi mở cửa và thấy cha mình trong hành lang. Tại sao cha đứng đây, tại sao cha không đi làm!

Theo kế hoạch tôi đi nghỉ vào mùa đông thay vì mùa hè như tôi vẫn thường đi.

Điều quái quỷ gì làm cha tiêu phí thời gian trong cái hành lang tối tăm thối tha này, theo dõi từng cử động của con? Xét đoán những điều cha không thể hiểu. Tại sao cha cứ luôn theo dõi con?

Cha tôi đi vào phòng ngủ và sau đó một lúc lại lên ra hành lang, lắng nghe.

Thỉnh thoảng tôi nghe thấy nó ở trong phòng nhưng nó không nói chuyện với tôi và tôi không biết có chuyện gì. Đó là cảm giác kinh khủng đối với một người cha. Có lẽ một ngày nào đó nó sẽ viết cho tôi một lá thư, Cha yêu quý của con...

Harry con trai yêu của cha, mở cửa đi con. Con trai tôi, người tù.

Vợ tôi ra khỏi nhà từ sáng để đến với đứa con gái đã lấy chồng, nó đang có thai đứa thứ tư - Người mẹ nấu nướng, dọn dẹp cho nó và chăm sóc ba đứa con của nó. Con gái tôi đang mang thai khó nhọc vì bị cao huyết áp, hầu hết thời gian nằm trên giường. Đây là điều bác sĩ khuyên nó. Vợ tôi đi cả ngày. Bà lo lắng có điều gì đó không hay cho Harry. Kể từ khi tốt nghiệp cao đẳng từ mùa hè năm ngoái, nó cô đơn, căng thẳng và trầm lặng. Khi nói chuyện với nó, một nửa thời gian nó la hét nếu nó trả lời. Nó đọc báo, hút thuốc, ở lì trong phòng mình. Thỉnh thoảng nó đi dạo phố.

Đi dạo thế nào, Harry?

Một cuộc đi dạo.

Vợ tôi khuyên nó tìm việc làm, một đôi lần nó đã đi, nhưng khi có một lời đề nghị nào đó, thì nó lại không nhận việc ấy.

Không phải con không muốn làm việc. Chỉ tại con cảm thấy tệ quá.

Tại sao con lại thấy tệ?

Con cảm thấy điều con thấy. Con cảm thấy điều đó là như thế.

Có phải do sức khoẻ không, cu con? Có lẽ con nên đi khám!

Con xin bố mẹ đừng gọi con bằng cái tên ấy nữa. Không phải tại sức khoẻ của con đâu. Nhưng dẫu nó có là chuyện gì thì con cũng không muốn nói về nó. Công việc không phải là thứ con cần.

Trong khi chờ đợi nên đi làm tạm cái gì đó, vợ tôi bảo nó.

Nó bắt đầu la hét. Mọi thứ đều tạm bợ. Tại sao con cứ phải thêm vào những cái việc tạm bợ ấy? Bụng dạ con cảm thấy tạm bợ. Thế giới chết tiệt này là tạm bợ. Trên hết là con không muốn làm việc tạm bợ. Con muốn điều ngược lại cái tạm bợ ấy, nhưng nó ở đâu. Cha tìm nó ở đâu!

Người cha lắng nghe trong bếp.

Đứa con trai tạm bợ của tôi.

Mẹ bảo tôi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu đi làm. Tôi nói tôi sẽ không. Tôi hai hai tuổi kể từ tháng Mười hai, một người tốt nghiệp cao đẳng, và bạn biết nơi bạn có thể thi thố được điều đó. Đến đêm tôi xem bản tin thời sự. Tôi xem chiến tranh từ ngày này qua ngày khác. Đó là một cuộc chiến tranh lớn đang thiêu huỷ trên màn ảnh nhỏ. Những trận mưa bom và những ngọn lửa bốc cao. Thỉnh thoảng tôi tì và sờ vào cuộc chiến bằng lòng bàn tay của mình. Tôi đợi tay mình chết.

Con trai tôi với bàn tay chết.

Một ngày nào đó tôi hy vọng sẽ được lời đi nhưng nó chẳng làm phiền tôi theo cái cách nó vẫn thường xảy ra. Tôi sẽ không đi. Tôi sẽ đi Canada hay bất cứ nơi nào mình có thể.

Cái cách ấy nó làm vợ tôi sợ hãi nhưng bà vui lòng khi đi đến nhà con gái tôi vào sáng sớm để chăm sóc ba đứa trẻ. Tôi ở nhà với nó nhưng nó không nói chuyện với tôi.

Con nên gọi điện cho Harry và nói chuyện với nó, vợ tôi nói với con gái tôi.

Lúc nào đó con sẽ, nhưng con không quên sự khác biệt giữa chín năm tuổi tác của chúng con. Con nghĩ nó sẽ cho rằng con giống như một bà mẹ nữa cai quản nó và chỉ một mẹ là đủ. Con luôn yêu quý nó khi nó còn là một cậu bé, nhưng giờ đây thật khó để quan hệ với một người không đáp lại tình cảm của người khác.

Nó bị cao huyết áp. Tôi nghĩ nó sợ phải gọi điện thoại.

Tôi nghỉ việc hai tuần. Tôi là nhân viên bán hàng ở quầy tem trong bưu điện. Tôi nói với người quản lý là tôi cảm thấy mệt, đó không phải là nói dối và ông ta bảo tôi nên xin nghỉ ốm. Tôi bảo tôi không hẳn là ốm, tôi chỉ cần một kỳ nghỉ nhỏ. Nhưng tôi nói với Moe Berkman - bạn tôi là tôi nghỉ việc vì Harry làm tôi lo lắng.

Leo, em hiểu điều anh muốn nói. Em có những nỗi lo của riêng mình và mỗi bản khoản về bọn trẻ. Nếu anh có hai đứa con gái trưởng thành thì coi như anh đang làm con tin cho số mệnh. Nhưng rốt cuộc chúng ta vẫn phải sống! Tại sao anh không đến

chơi bài vào tối thứ sáu này? Mẹ con em đang có một trò chơi thú vị. Đừng tước đoạt đi sự nghỉ ngơi tốt lành của bản thân mình.

Anh sẽ xem xem mình thấy thế nào và mọi thứ tiếp diễn ra làm sao vào thứ sáu. Anh chưa thể hứa với em được.

Cố đến đi. Còn những điều ấy, nếu anh có đủ thời gian cho chúng, thì nó sẽ qua thôi. Nếu tình hình có vẻ tốt hơn anh hãy đến nhé. Mà dù nếu không khoẻ, cũng nên đến vì có lẽ nó sẽ làm dịu đi sự căng thẳng của anh và nỗi lo lắng mà anh đang chịu đựng. Ở tuổi anh, thì thật là không tốt cho tim nếu anh đeo quanh mình quá nhiều lo lắng.

Đó là kiểu bản khoán tòi tệ nhất. Nếu anh lo lắng về bản thân mình thì anh sẽ biết mình lo lắng cái gì. ý anh là, không có gì bí mật cả. Anh có thể nói với bản thân mình, Leo, mày là đồ đại ngốc, đừng lo lắng vớ vẩn nữa - vượt lên đi, chỉ những chuyện vặt phải không? Hãy giữ gìn sức khoẻ mà nó luôn đứng vững khá tốt dù anh vẫn có nhiều cơn đau ư? Vượt lên cái tuổi đã gần sáu mươi bây giờ và không còn trẻ lại nữa ư? Tất cả mọi người đều không chết ở độ tuổi từ năm lăm đến sáu mươi. Người ta không thể thắng được thời gian khi nó cứ chạy đua với mình. Nhưng nếu cứ lo lắng về một người khác, thì đó là điều tồi tệ nhất. Đây là mối lo thực sự vì nếu nó không nói với em, thì em sẽ không hiểu được nội tâm người khác và không hiểu được nguyên nhân. Em không biết chỗ để tắt mở công tắc. Tất cả những gì em làm là lo lắng hơn.

Nên tôi đợi ở hành lang.

Harry, đừng lo lắng quá nhiều về chiến tranh.

Xin đừng nói với con việc lo hay không lo về điều đó.

Harry, cha rất yêu con. Khi con hãy còn bé bỏng, hàng đêm lúc cha về đến nhà con thường chạy đến với cha. Cha bế con lên và nhắc bổng con đến trần nhà. Con thích sờ vào trần nhà bằng bàn tay nhỏ bé của mình.

Con không muốn nghe về điều đó tí nào nữa. Đây đúng là điều con không muốn nghe. Con không muốn nghe kể về lúc mình còn nhỏ.

Harry, chúng ta sống như những người xa lạ. Tất cả những điều cha đang nói là cha hồi tưởng về những ngày tốt đẹp. Cha nhớ khi ấy chúng ta không sợ khi chứng tỏ chúng ta thương yêu nhau.

Nó không nói gì cả.

Hãy để cha luộc cho con một quả trứng.

Một quả trứng là thứ cuối cùng con muốn trên thế giới này.

Thế con muốn gì?

Nó mặc áo khoác. Nó lấy cái mũ ra khỏi cây treo đồ và đi xuống phố.

Mặc áo khoác dài, Harry đi bộ dọc theo Ocean Parkway và vò nát chiếc mũ nâu trong tay. Cha nó đang theo nó và điều đó làm cho nó giận dữ.

Nó đi nhanh lên đường phố rộng. Ngày xưa có một lối mòn ở bên cạnh vỉa hè nơi giờ đây là đường xe đạp bằng bê tông. Và ở đó có ít cây hơn, những cành cây đen cắt ngang bầu trời không ánh nắng. ở góc đại lộ X, đứng về nơi người ta có thể ngửi thấy mùi đảo Coney, nó qua đường và đi bộ về nhà. Nó giả đồ không thấy cha mình cũng băng qua mặc dù nó đang tức điên lên. Người cha qua đường và theo con trai mình về nhà. Khi ông về đến nhà, ông nghĩ Harry đã lên gác. Nó đi vào phòng mình và đóng sầm cửa lại. Bất cứ việc gì nó định làm trong phòng thì nó đã đang làm.

Leo lấy chiếc chìa khoá nhỏ của mình và mở cửa thùng thư. Có ba lá thư. Ông nhìn xem liệu có lá nào trong số đó có thể là của con trai gửi cho ông. Cha yêu quý của con, hãy để cho con giải thích về bản thân mình. Nguyên nhân khiến con hành động như vậy... không có lá thư nào như thế cả. Một lá chuyển từ bưu điện Clerks Benevolent Society, ông dứt nó vào túi áo khoác. Hai lá thư kia gửi cho Harry. Một cái gửi từ Hội đồng quân dịch. Ông mang nó lên phòng con trai, gõ cửa và đợi.

Ông đợi một lúc.

Có tiếng cầu nhàu của cậu bé, ông nói. Có một lá thư từ Hội đồng quân dịch gửi cho con đây. Ông xoay nắm đấm cửa và đi vào phòng. Con trai ông đang nằm trên giường, mắt nhắm nghiền.

Để nó ở trên bàn ấy.

Harry, con có muốn cha bóc nó cho con không?

Không, con không muốn cha mở. Hãy để nó ở trên bàn. Con biết nó là gì rồi.

Con đã viết cho họ một lá thư nữa à?

Đây là việc riêng của con.

Người cha để nó trên bàn.

Lá thư kia của con trai ông mang vào trong bếp, đóng cửa lại, đun sôi chút nước trong ấm. Ông nghĩ ông sẽ đọc nhanh bức thư và dán lại cẩn thận bằng một ít hồ rồi đi xuống cầu thang và thả lại trong thùng thư. Vợ ông sẽ lấy nó ra bằng chiếc chìa khóa của mình khi bà trở về từ nhà con gái và mang nó lên cho Harry.

Người cha đọc lá thư. Đó là lá thư ngắn của một cô gái. Cô gái nói Harry đã mượn hai quyển sách của cô từ hơn sáu tháng trước và bởi vì cô quý chúng nên cô muốn Harry trả lại cho cô. Có lẽ nó phải làm việc ấy càng sớm càng tốt để cô không phải viết thư lại nữa.

Lúc Leo đang đọc lá thư của cô gái thì Harry đi vào bếp và khi nó thấy cái nhìn sững sờ và tội lỗi hiện lên nét mặt ông, nó liền giật lá thư ra khỏi tay ông.

Con phải giết cha vì cái kiểu cha cứ theo dõi con.

Leo quay đi nhìn ra ngoài khung cửa sổ căn bếp nhỏ vào bóng tối của khoảng sân trước dãy nhà. Mặt ông nóng bừng lên, ông cảm thấy khó chịu.

Harry đọc qua lá thư và xé nát nó. Rồi nó xé đến cái phong bì được đóng dấu cá nhân.

Nếu cha còn làm thế nữa thì đừng ngạc nhiên nếu con có giết cha. Con phát ốm lên vì chuyện cha cứ theo dõi con.

Harry, mày đang nói chuyện với bố mày đấy.

Nó bỏ ra khỏi nhà.

Leo đi vào phòng nó và nhìn quanh. Ông nhìn vào những học tủ nhưng không thấy gì bất thường cả. Trên bàn cạnh cửa sổ có một tờ giấy Harry đã viết. Nó viết: Edith yêu, sao em không tự thủ đâm lầy. Nếu em còn viết thư cho anh nữa, anh sẽ giết em đấy.

Người cha lấy mũ và áo khoác rồi ra khỏi nhà. Ông chạy chậm chậm một lúc, và đi cho tới khi ông thấy Harry ở phía bên kia đường. Ông đi theo nó, cách sau nửa dặm nhà.

Ông theo sau Harry đến phố Đảo Coney và đứng lúc ấy ông thấy nó nhảy lên xe điện đi ra đảo. Leo phải đợi xe tiếp theo. Ông nghĩ phải bắt tắcxi đuổi theo xe điện nhưng không có chiếc tắcxi nào đi qua cả. Chuyển xe buýt tiếp theo đến chậm sau mười lăm phút và ông lên xe đến đảo. Đang là tháng Hai nên đảo Coney ẩm ướt, lạnh lẽo và vắng vẻ. Có mấy cái ô tô ở đại lộ Surf và có ít người trên đường phố. Trời như có tuyết. Leo đi bộ trên vỉa hè giữa những trận mưa tuyết bất chợt, tìm con trai. Những bãi biển hoang vắng xám xịt không có ánh nắng mặt trời. Những quầy bán xúc xích, những trường bắn, những nhà tắm đều đóng cửa. Đại dương ánh lên màu thép sừng, đập dềnh tựa lớp chì được nung chảy ra, trông như đang đông cứng lại. Một cơn gió thổi xuống mặt nước và thốc vào quần áo ông khiến ông run rẩy khi bước đi. Gió làm bạc đầu những con sóng xám đang chậm chậm liếm lên bờ biển vắng trong tiếng gầm lặng lẽ.

Ông đi bộ trong gió đến gần Sea Gate tìm con trai mình, và rồi ông quay trở lại. Trên đường đến phía bãi biển Brighten, ông thấy một người đàn ông đang đứng trên bờ biển trên tấm ván lướt đập dềnh. Leo vội vàng bước xuống bậc tam cấp của lối đi dạo và vượt qua bãi biển đầy những luống cát dài. Người đàn ông trên bờ biển đang rít gầm ấy là Harry, giày nó ngập trong nước đến cổ.

Leo chạy đến bên con trai. Harry, đó là lỗi của cha, hãy bỏ quá cho cha. Cha xin lỗi vì đã mở lá thư của con.

Harry không nhúc nhích. Nó đứng trong nước, dán mắt vào những con sóng xám đang cuộn lên.

Harry, cha lo sợ. Hãy nói cho cha biết chuyện gì đi. Con trai, hãy tha thứ cho cha.

Con sợ cả thế giới này, Harry nghĩ. Nó trùm nỗi kinh hoàng lên con.

Nó không nói gì.

Một luồng gió nhắc cái mũ của cha nó lên và cuốn ra xa bờ biển, trông như thể nó sắp bị thổi chìm vào trong sóng, nhưng rồi gió lại cuốn nó lên phía lối đi, quay tròn như một bánh xe trên cát ướt. Leo đuổi theo cái mũ. Ông đuổi theo nó một đoạn, một đoạn nữa, rồi xuống cả mặt nước. Gió thổi nó dạt vào chân ông và ông vồ lấy nó. Giờ đây ông đang khóc. Thở hổn hển, ông chùi mắt bằng những ngón tay lạnh giá và quay trở lại chỗ con trai mình nơi mép nước.

Nó là một người đàn ông cô đơn. Kiểu của nó là như vậy. Nó sẽ luôn cô đơn. Con trai tôi, nó tự thu mình thành người cô độc.

Harry, cha có thể nói gì với con? Tất cả những gì cha có thể nói với con rằng ai cho cuộc sống là dễ dàng? Từ khi nào? Nó không dễ với cha và nó cũng không dễ với con. Cuộc đời ấy mà, nó là như thế - cha còn có thể nói gì hơn? Nhưng nếu một người không muốn sống thì anh ta có thể làm được gì nếu anh ta chết? Không gì cả. Không có gì là không có gì, sống thì tốt hơn.

Harry, về nhà đi, ông nói. ở đây lạnh lắm. Con sẽ bị cảm lạnh với bàn chân ngâm trong nước như thế.

Harry đứng bất động trong nước và sau một lát cha nó bỏ đi. Khi ông đang đi, gió giật chiếc mũ ra khỏi đầu ông và thổi nó lăn tròn dọc theo bờ biển.

Cha tôi lắng nghe trong hành lang. Ông đi theo tôi trên phố. Chúng tôi gặp nhau ở mép nước.

Ông chạy theo cái mũ của mình.

Con trai tôi đứng ngâm chân trong đại dương.

Đào Thu Hằng dịch

Leslie Marmon Silko
(Mĩ)

NGƯỜI ĐÀN BÀ DA VÀNG

Đùi tôi áp sát đùi chàng, ướt ướt và tôi nhìn mặt trời đang nhô lên qua cụm liễu rủ. Máy chú chim nước nhỏ, màu nâu bay đến bờ sông, nhảy trên mặt bùn, để lại dấu chân trên lớp đất màu trắng bạc. Chúng lặng lẽ tắm trong dòng sông. Tôi có thể nghe tiếng nước gợn như sát chân chúng tôi, nơi những con sóng nhỏ vỗ tan nhanh rửa sạch đám lá dương xỉ và lớp rêu xanh bù xù. Tôi nhìn chàng cuộn người trong cái mền đỏ nằm bên tôi trên lớp cát sông trắng. Tôi phúi sạch cát ra khỏi kẽ chân, mắt nheo lại bởi mặt trời đã vượt lên khóm liễu. Tôi ngắm chàng đang ngủ trên bờ sông cát trắng lần cuối cùng.

Tôi cảm thấy đói, từ chiều hôm trước, men theo dòng sông lên hướng Nam, chúng tôi đến đây, dấu chân đã bị xóa mờ bởi đám thần lẩn và lũ côn trùng. Máy con ngựa vẫn đang nằm yên, con ô hí vang khi nhìn thấy tôi nhưng không đứng dậy - có lẽ là tại chỗ quây ngựa được kết bằng những cành tuyết tùng rậm rạp nên lũ ngựa chưa cảm nhận được mặt trời như tôi. Tôi cố nhìn qua những ngọn đồi đỏ nhợt đến khu làng da đỏ Pueblo. Tôi biết ngôi làng ấy ở đó dấu cho tôi không thể nhìn thấy, làng nằm trên ngọn đồi đầy đá sỏi bên dòng sông hết như dòng sông lúc này đang chảy qua tôi và đã lấp lánh ánh trắng tôi qua.

Bên dưới tôi, con ngựa cảm thấy ấm áp. Nó lắc đầu và cào cát. Con ngựa nâu đỏ hí vang, áp vào cổ, cố bám theo và tôi nhớ chàng đang ngủ trên cái mền đỏ bên bờ sông. Tôi xuống ngựa, buộc nó gần con kia. Tôi lại bước về phía Bắc của dòng sông, cát trắng vỡ ra, in những dấu chân chồng lên dấu chân.

“Dậy đi”.

Chàng ngộ ngậy người trong mền, quay mặt về phía tôi nhưng mắt vẫn nhắm chặt. Tôi quỳ xuống chạm vào người chàng.

“Em sắp đi”.

Bây giờ chàng mỉm cười nhưng mắt vẫn nhắm. “Em sẽ đi cùng anh, nhớ chứ?” Lúc này chàng ngồi dậy, bộ ngực và cái bụng đen để trần trong nắng

“Đi đâu?”

“Đến chỗ anh”.

“Rồi em sẽ quay lại chứ?”

Chàng mặc quần. Tôi rời chàng bước đi, cảm thấy chàng ở ngay phía sau và đang ngửi mùi liễu.

“Người Đàn Bà Da Vàng”, chàng nói.

Tôi quay lại đối mặt với chàng. “Anh là ai?” - tôi hỏi

Chàng cười rồi quỳ gối cúi xuống bờ cát rửa mặt trong dòng sông. “Tôi qua em đã đoán ra tên anh và em đã biết tại sao anh đến”.

Tôi nhìn qua chàng vào chỗ dòng nước nông đang chảy và cố nhớ lại tôi qua, nhưng tôi chỉ nhìn thấy vầng trăng trong nước và nhớ hơi ẩm của chàng bao trùm khắp người tôi.

Nhưng em chỉ nói rằng anh là người ấy và em là Người Đàn Bà Da Vàng - thật ra em không phải là cô ta - em có tên của mình, em đến từ ngôi làng Pueblo ở phía bên kia rặng đồi. Tên của anh là Silva, anh là người xa lạ mà em đã gặp bên dòng sông chiều qua”.

Chàng khẽ cười. “Những gì xảy ra hôm qua thì chẳng liên quan tới những gì em sẽ làm hôm nay, Người Đàn Bà Da Vàng à”.

“Em biết - đấy là điều em đang nói - câu chuyện cổ về con ma ka’tsina và Người Đàn Bà Da Vàng chẳng liên quan gì đến chúng ta”.

Ông nội già nua của tôi thích kể những câu chuyện như thế này nhất. Có một chuyện kể về Badger và Coyote, những người đang đi săn suốt cả ngày, và khi mặt trời sắp lặn, họ tìm thấy một ngôi nhà. Có một cô gái đang sống một mình trong đó, mắt và tóc nàng gợi cảm, nàng bảo với họ rằng hai người có thể ngủ với nàng. Coyote muốn một mình ngủ với nàng suốt đêm vậy nên hắn dụ Badger chui vào hang sóc chó bằng cách bảo với gã kia rằng hắn thoáng thấy có cái gì trong đó. Ngay khi Badger vừa chui vào, Coyote khuôn đá lấp kín miệng hang rồi vội quay vào với Người Đàn Bà Da Vàng.

“Lại đây nào”, chàng dịu dàng nói.

Chàng chạm vào cổ tôi và tôi dịch sát vào chàng để cảm nhận hơi thở và nghe nhịp tim chàng. Tôi đang thăm nhủ liệu Người Đàn Bà Da Vàng có biết nàng là ai không - nếu nàng biết điều ấy thì hẳn nàng sẽ trở thành một phần của câu chuyện. Có lẽ nàng còn một tên nữa, cái tên để chồng và họ hàng nhà nàng gọi, còn cái tên Người Đàn Bà Da Vàng kia thì duy chỉ có ka'tsina ở phương Bắc và những người kể chuyện biết mà thôi. Nhưng tôi không nghĩ tiếp nữa; tôi cảm thấy chàng đã ôm choàng, đẩy tôi nằm xuống bờ cát trắng của dòng sông.

Người Đàn Bà Da Vàng đi với con ma phương Bắc, sống cùng hắn và họ hàng nhà hắn. Nàng ra đi trong khoảng thời gian dài, nhưng rồi ngày nọ, nàng trở về mang theo hai cậu bé song sinh.

“Anh có biết câu chuyện ấy không?”

“Chuyện gì?” Chàng mỉm cười rồi kéo tôi vào lòng khi cất tiếng hỏi. Tôi sợ nằm lên cái mền đỏ. Tất cả những gì tôi có thể biết là sự cảm nhận về chàng, ấm áp, ươn ướt và thân thể chàng bên tôi. Đây là điều xảy ra trong câu chuyện, tôi đang nghĩ, tâm trí không còn ruồi qua cái khoảnh khắc nàng gặp con ma ka'tsina và họ ra đi.

“Em không phải đi. Những gì họ nói trong chuyện là chỉ đúng cho thời ấy, cái thời xưa thời xưa như họ kể ấy mà”.

Chàng đứng dậy, chỉ vào đồng quần áo rối tung của tôi trên mền. “Ta đi thôi”, chàng nói.

Tôi bước bên cạnh chàng, thở hổn hển vì chàng đi nhanh, tay chàng nắm lấy cổ tay tôi. Tôi dừng lại cố rút tay ra bởi tay chàng lạnh lẽo và mặt trời đã lên cao, sấy khô lòng sông thành màu bạc thếch. Tôi sẽ gặp ai đó, chắc chắn tôi sẽ gặp một ai đó, khi ấy tôi sẽ chắc rằng chàng chỉ là một người đàn ông - một người bình thường tình cờ đi qua - rồi tôi sẽ chắc chắn rằng mình không phải là Người Đàn Bà Da Vàng. Bởi vì nàng đã ra đi từ trong quá khứ còn tôi thì đang sống bây giờ, tôi đã từng đến trường, có đường cao tốc, có xe tải, những thứ mà Người Đàn Bà Da Vàng chưa hề nhìn thấy.

Thật dễ chịu khi cưỡi ngựa đi về phương Bắc. Tôi quan sát sự thay đổi từ những cây bông dọc bờ sông đến những cây juniper sột soạt vượt qua chúng tôi dưới chân đồi và cuối cùng chỉ còn rặt cây thông; khi tôi ngược nhìn lên rìa bình nguyên trên núi tôi có thể nhìn thấy hàng thông mọc trên gờ vách. Có lúc tôi dừng lại nhìn xuống nhưng lớp đá sa thạch xám nhợt đã biến mất, dòng sông cũng đã khuất, chỉ còn những quả đồi nham thạch đen vây quanh. Chàng sờ tay tôi, không nói mà chỉ luôn khẽ hát bài ca núi rừng và nhìn vào mắt tôi.

Tôi thấy đói và thăm nghĩ bây giờ mọi người đang làm gì ở nhà - mẹ tôi, bà nội tôi, chồng tôi và đứa bé. Đang nấu bữa sáng và nói: “Nó đi đâu nhỉ? - có lẽ bị bắt cóc”, rồi Al sẽ đến gặp cảnh sát bộ tộc cung cấp chi tiết: “Cô ấy đi dạo dọc sông”.

Ngôi nhà được dựng bằng đá nham thạch đen và bùn đỏ. Nó lượn cao trên hàng dặm thung lũng và đồi dài trải rộng. Tôi ngửi thấy mùi thông núi và cành cây gãy. Tôi đứng lại, bên con ngựa ô, nhìn xuống vùng quê mờ mờ nhỏ bé mà chúng tôi đã đi qua rồi tôi rùng mình.

“Người Đàn Bà Da Vàng, vào trong đi, sẽ ấm”.



Chàng nhóm bếp. Đây là cái bếp cũ có khoang giữa tròn và chiếc bình cà phê trắng men trên miệng. Chỉ có một bếp lò duy nhất, mấy cái mền Navajo bạc màu, một túi ngủ và một cái thùng catton. Nền nhà lát vữa đất sét sông bằng phẳng, cánh cửa sổ nhỏ, duy nhất trở sang hướng Đông. Chàng chỉ cái thùng.

“Có một ít khoai tây và cháo rán”. Chàng ngồi xuống sàn, vòng hai tay qua, kéo đầu gối vào sát ngực và nhìn tôi rán khoai tây. Tôi không bận tâm đến cái nhìn của chàng bởi chàng luôn ngắm nhìn tôi - chàng đã luôn nhìn kể từ lúc tôi gặp chàng ngồi bên bờ sông, dùng dao xén những chiếc lá rời khỏi cành liễu. Chúng tôi ăn trong chảo và chàng chùi mỡ dính ở tay vào chiếc quần Lewis của mình.

“Trước đây anh đã từng đưa người đàn bà nào về đây chưa?”. Chàng mỉm cười và tiếp tục nhai, vậy nên tôi bảo: “Anh luôn sử dụng cùng một mẹo ấy à?”

“Mẹo gì?” Chàng nhìn tôi như thể chàng không hề hiểu.

“Câu chuyện về ma ka'tsina trên núi. Câu chuyện về Người Đàn Bà Da Vàng”.

Silva im lặng, vẻ mặt chàng điềm tĩnh.

“Em không tin. Bây giờ những câu chuyện ấy không thể nào xảy ra”.

Chàng lắc đầu và nói dụi dụi: “Nhưng có ngày họ sẽ kể về chúng ta và họ sẽ nói: “Hai người ấy sống tự thời xưa thời xưa khi những chuyện như thế mới có thể xảy ra”.

Chàng đứng dậy đi ra ngoài. Tôi ăn hết chỗ khoai tây và nghĩ ngợi mông lung - về âm thanh mà bếp lò đang tạo ra, về tiếng gió núi bên ngoài. Tôi nhớ lại hôm qua và cả ngày trước đó rồi tôi bước ra ngoài.

Tôi bước qua bãi quây súc vật đến rìa núi nơi lối mòn hẹp chạy qua tảng đá viền đen. Tôi đang đứng giữa vòm trời, xung quanh chẳng có gì trừ làn gió đang thổi xuống từ đỉnh núi màu xanh phía sau lưng. Tôi có thể nhìn thấy những ngọn núi cách xa nhiều dặm mờ mờ vắt qua những ngọn đồi, thung lũng và bình

nguyên bao la. Tôi thầm nghĩ ai đã từng đến đó để tận hưởng làn gió núi tỏa xuống từ những mỏm xanh trập trùng ấy - ai thả bộ trên thảm lá thông trong rừng núi xanh này.

“Em có thể nhìn ra làng chứ?” Silva đang đứng sau tôi.

Tôi lắc đầu. “Chúng ta đã đi quá xa”.

“Từ nơi này anh có thể nhìn thấy thế giới”. Chàng bước lên mỏm đá. “Vùng đất của người Navajo bắt đầu từ đằng kia”. Chàng chỉ tay về hướng Đông. “Biên giới làng Pueblo ở phía này”. Chàng nhìn xuống phía dưới chúng tôi rồi dỗi về hướng Nam nơi lối mòn hẹp dường như khởi đầu từ đây”. Người Texan lập trại nuôi gia súc ở đằng kia, bắt đầu từ thung lũng ấy, thung lũng Concho. Người Mexico cũng chăn nuôi gia súc ở đó”.

“Anh có làm việc cho họ không?”

“Anh ăn trộm của họ”, Silva đáp. Mặt trời đang lặn phía sau chúng tôi, những cái bóng đang lấp đầy vùng đất bên dưới. Tôi bước khỏi mỏm đá cất thẳng đứng xuống thung lũng bên dưới.

“Em lạnh”, tôi nói; “em sẽ vào trong”. Tôi bắt đầu phân vân về người đàn ông này, người có thể nói tiếng Pueblo rất thạo nhưng lại sống trên núi và ăn trộm gia súc. Tôi khẳng định người này thuộc bộ tộc Navajo bởi vì đàn ông Pueblo không bao giờ làm những điều như thế.

“Chắc chắn anh là người Navajo”.

Silva dụi dụi mắt lắc đầu. “Người Đàn Bà Da Vàng bé bỏng”, chàng nói. “Em vẫn chưa tin, đúng không? Anh đã bảo với em anh là ai. Người Navajo cũng biết anh”. Chàng quỳ xuống, tháo chiếc túi ngủ, trải thêm mấy cái mền lên mảnh vải bạt. Mặt trời đã lặn, ánh sáng duy nhất trong ngôi nhà được hắt từ bên ngoài vào - ánh sáng màu cam âm ỉ của hoàng hôn.

Tôi đứng im đợi chàng chui vào trong chăn.

“Em còn đợi gì nữa?”, chàng nói, và tôi nằm xuống bên chàng. Chàng chậm rãi cởi đồ tôi như cái đêm hôm trước bên dòng

sông - dịu dàng hôn lên mặt tôi rồi xoa tay khắp bụng và chân tôi. Chàng cởi đồ lót tôi ra, lúc ấy chàng phì cười.

“Sao anh cười?”

“Em thờ dữ quá”.

Tôi tuồn ra khỏi chàng và nằm quay lưng lại.

Chàng kéo tôi lại, dùng tay và ngực xoay người tôi, tôi sợ bởi biết rằng sức khỏe của chàng có thể làm tôi đau. Tôi nằm dưới chàng và biết chàng có thể giết chết tôi. Nhưng lát sau, lúc chàng ngủ bên tôi, tôi sờ mặt chàng và thấy lòng rung động - kiểu xúc cảm dành cho chàng hết như đã đến với tôi sáng hôm ấy bên bờ sông. Tôi hôn lên trán chàng và chàng choàng tay ôm tôi.

Buổi sáng, khi tôi thức giấc, chàng đã đi. Điều đó tạo cho tôi cảm giác kì lạ bởi mất một hồi lâu, tôi ngồi yên trên mền nhìn quanh ngôi nhà bé nhỏ tìm dấu vết chàng - một bằng chứng gì đó cho thấy chàng đã ở đây hoặc có lẽ chàng sẽ quay về. Chỉ có đồng mền và cái thùng catton còn đó. Khẩu súng cỡ 30 - 30 dựng trong góc nhà không còn, kể cả con dao tôi dùng tối qua. Chàng đã đi, bây giờ tôi có cơ hội. Nhưng trước hết tôi phải ăn cái đã bởi tôi biết đường về nhà rất xa.

Tôi tìm thấy một ít mơ khô trong thùng catton, tôi ngồi trên phiến đá bên rìa bình nguyên. Không có gió và cũng không có mặt trời sưởi ấm. Tôi bị bao quanh bởi sự im lặng. Tôi ngủ chập chờn với những quả mơ trong miệng và tôi chẳng tin là có đường cao tốc, đường xe lửa hoặc gia súc để ăn trộm.

Khi thức giấc, tôi nhìn xuống đôi chân trong lớp bụi đen vùng núi. Máy con kiến đen nhỏ bò lổn nhổn trên đám lá thông quanh chân tôi. Chắc chúng đã bắt được mùi mơ. Tôi nghĩ về gia đình mình mãi tí xa bên dưới. Mọi người chắc đang lo lắng về tôi bởi vì trước đây chuyện này chưa bao giờ xảy ra với tôi. Cảnh sát bộ lạc hẳn phải gọi báo cáo. Nhưng nếu người ông già nua của tôi chưa mất thì ông sẽ nói cho họ biết chuyện gì đã xảy ra - ông sẽ cười xòa và nói: “Bị trộm bởi ma núi ka'tsina. Con bé sẽ quay về - bọn chúng luôn làm như thế”. Có đủ người để xoay xở mọi việc. Mẹ

và bà tôi sẽ nuôi nấng đứa bé như họ đã nuôi tôi. Ai sẽ tìm được một cô nào đó rồi mọi người sẽ tiếp tục sống như cũ, ngoại trừ câu chuyện về cái ngày tôi biến mất trong lúc tôi đi bộ dọc theo bờ sông. Silva đã vì tôi mà đến. Chàng đã bảo chàng đến. Tôi chưa quyết định ra đi. Nhưng tôi đã đi. Hoa cúc bạch nở trên đồi cát trước lúc bình minh, chỉ đến khi ấy, tôi theo chàng. Đây là những gì tôi nghĩ trong khi đi theo lối mòn xuyên qua rừng thông.

Đến trưa tôi quay lại. Khi nhìn thấy ngôi nhà đá, tôi sực nhớ mình muốn về nhà. Nhưng chuyện ấy dường như chẳng còn quan trọng nữa có lẽ bởi vì đã có những bông hoa bé nhỏ màu xanh vươn trên thảm cỏ đằng sau ngôi nhà đá và một chú sóc xám đang nô đùa trong rừng thông bên cạnh nhà. Mấy con ngựa đang đứng trong bãi quây, một tấm da bê đang treo trong bóng râm của cây thông lớn phía trước nhà. Ruồi bay vù vù quanh những đốm máu đông trên bộ da. Silva đang rửa tay trong cái xô đầy nước. Chắc chàng đã nghe tiếng tôi đến bởi chàng nói với tôi mà không ngoảnh lại nhìn.

“Anh đang sốt ruột vì em”.

“Em đi dạo trong rừng thông lớn”.

Tôi nhìn vào cái xô đầy nước loang máu với những sợi lông trắng nâu của con vật lênh bênh trong đó. Silva đứng yên để nước rỏ khỏi tay và quan sát tôi thật kỹ.

“Em sẽ đi cùng anh chứ?”

“Đi đâu?”, tôi hỏi chàng.

“Bán thịt ở Marquez”.

“Nếu anh chắc là không bị làm phiền”.

“Thì anh có hỏi em là phiền phức gì đâu”, chàng đáp.

Chàng tráng nước quanh xô trước khi đổ ra và úp xô xuống gần cửa. Tôi theo chàng đến bãi quây và xem chàng thắng yên mấy con ngựa. Ngay cả khi đứng bên lũ ngựa, trông chàng vẫn cao to, tôi lại hỏi có phải chàng là người Nevajo. Chàng không nói, chỉ lắc đầu và tiếp tục thắng yên.

“Nhưng người Nevajo thì cao”.

“Lên ngựa đi”, chàng bảo, “rồi ta đi thôi”.

Việc cuối cùng chàng làm trước khi chúng tôi đi xuống con đường dốc là chộp lấy khẩu 30 - 30 trong góc nhà. Chàng đút khẩu súng vào bao treo bên yên.

“Họ lòng bắt anh à?”, tôi hỏi.

“Họ chẳng biết anh là ai đâu”.

“Vậy thì tại sao anh phải mang súng theo?”

“Bởi vì chúng ta sẽ đến Marquez, nơi người Mexico sinh sống”.

*
* *

Lối mòn bằng phẳng trên gờ đất hẹp, hai bên dốc xuống như thể cái xương sống của một con vật. Phía bên này, tôi có thể nhìn thấy một lối mòn chạy vòng qua những ngọn đồi đá xám và biến mất vào hướng Đông Nam nơi những ngọn đồi phủ đá sa thạch xám nhạt đứng cách xa, gần nhà tôi. Lối mòn phía bên kia chạy về hướng Tây và khi nhìn tít tận đằng xa kia, tôi nghĩ mình thấy một thành phố nhỏ. Nhưng Silva bảo không phải vì tôi đã nhìn sai hướng, mấy ngôi nhà tôi thấy chỉ do trí tưởng tượng của tôi dựng nên mà thôi. Sau đó tôi không nhìn ra xa nữa; trời nóng, khóm hoa dại xếp cánh. Duy chỉ có những bông hoa xương rồng màu sấp nở tung trong ánh mặt trời chói chang, tôi có thể nhìn thấy các sắc màu của chùm hoa xương rồng; những cụm trắng và đỏ thì hãy còn nụ, nhưng màu đỏ tía và vàng thì đã nở, nở tung và đẹp hơn hết thảy.

Silva nhìn thấy hấn trước tôi. Gã da trắng cưỡi con ngựa xám lớn đang tiến theo lối mòn về phía chúng tôi. Hấn phóng nhanh, vó ngựa xám hất tung đá lăn khỏi đường rơi xuống vạt cỏ khô. Silva ra hiệu cho tôi dừng lại, chúng tôi quan sát gã da trắng. Từ xa hấn chưa nhận ra ngay chúng tôi, nhưng rốt cuộc khi con ngựa hấn hí vì mấy con ngựa chúng tôi nên hấn dừng lại. Hấn liếc

nhìn chúng tôi trước lúc giật cương con ngựa xám băng qua khoảng đất chừng ba trăm mét ngăn giữa chúng tôi và hắn. Hắn dừng ngựa trước mặt Silva, khuôn mặt béo trẻ của hắn được che nắng bởi vành mũ. Trông hắn không có vẻ phát khùng, nhưng đôi mắt xanh nhỏ của hắn hết nhìn những chiếc túi đựng thịt sống máu treo bên yên ngựa tôi, nhìn mặt Silva rồi lại nhìn mặt tôi.

“Bọn mày lấy chỗ thịt tươi ấy ở đâu?”, gã da trắng hỏi.

“Tôi sẵn”, Silva đáp và khi chàng trở người trên yên, mấy sợi dây da kêu cọt két.

“Mày sẵn cái con mẹ gì, đồ mọi da đỏ. Mày ăn trộm gia súc thì có. Bọn tao đang lùng kẻ cắp từ bấy lâu nay”.

Gã chặn gia súc béo ú, mồ hôi vã ướt sũng chiếc sơ mi cao bồi màu trắng, lần vải ướt dính bết vào những làn mỡ trên cái bụng béo của hắn. Hắn dường như đang hỗn hển vì phải nỗ lực nói, người hắn tỏa mùi, có lẽ tại Silva làm hắn sợ.

Silva quay sang tôi và mỉm cười. “Trở lại núi đi hỡi Người Đàn Bà Da Vàng”.

Gã da trắng nổi đóa khi hắn nghe Silva nói bằng thứ tiếng mà hắn không hiểu. “Đừng cố giở trò làm gì, đồ mọi da đỏ. Cứ tiếp tục đến Marquez đi. Từ đây bọn tao sẽ gọi điện cho cảnh sát tiểu bang”.

Gã chặn gia súc hắn không được trang bị vũ khí bởi lẽ hắn rất hoảng sợ, còn nếu có súng thì khi ấy hắn đã rút ra rồi. Tôi quay vòng ngựa lại, gã chặn gia súc hét: “Đứng lại!”. Tôi liếc nhìn Silva, có nét gì đó mông muội và đen tối - mà tôi có thể cảm nhận bằng tim mình - trong mắt Silva, và khi liếc nhìn tay chàng, tôi thấy bàn tay đã đặt lên cò khẩu 30 - 30 vẫn nằm trong bao bên yên ngựa. Tôi võ xuống vai con ngựa, mấy túi thịt sống va vào đầu gối khi con ngựa phi ngược lên đường mòn. Thật khó để giữ thăng bằng và có lúc tôi nghĩ chiếc yên như thể đã tụt ra sau; vì thế nên tôi không thể quay nhìn lại.

Phi liền một mạch cho đến lúc tôi đến mỏm núi nơi lối mòn rẽ ba. Con ngựa thở phì phò, cổ nó phủ một lớp mồ hôi đen sẫm.

Tôi nhìn xuống con đường mình vừa đến, nhưng tôi không thể thấy chỗ ấy. Tôi đợi. Một cơn gió thoảng đến đẩy không khí nóng bay đi. Tôi nhìn lên bầu trời xanh nhợt và đầy áp những đám mây mỏng và những vệt mây tơ nhạt dần do máy bay phản lực để lại. Tôi chắc có bốn phát đạn được bắn ra - tôi nhớ khi nghe bốn tiếng nổ vang ấy nó gọi tôi nhớ lại cuộc săn hươu. Sau đó có lẽ còn thêm nhiều phát nữa song tôi không thể nghe bởi con ngựa tôi lại phi và đá vờ dưới vó ngựa lại phát ra âm thanh lớn quá.

Lũ ngựa khi xuống đồi thì rất vất vả nhưng tôi cứ theo hướng ấy thay vì leo dốc chạy lên núi bởi lẽ tôi nghĩ đi xuống sẽ an toàn hơn. Tôi cảm thấy dễ chịu khi con ngựa phi về hướng Đông Nam vượt qua những ngọn đồi xám tròn mọc đầy cây tuyết tùng và đá nhám thạch đen. Khi đến vùng đất phẳng, tôi có thể nhìn thấy những vệt xanh sẫm của rừng liễu mọc hai bên bờ sông phía xa xa; nhìn qua sông tôi có thể thấy những quả đồi đá sa thạch xám nhợt tiếp giáp. Tôi ghìm ngựa, quay lại nhìn xem có ai đuổi theo, rồi tôi nhảy xuống quay đầu ngựa lại và thăm nhử liệu nó có quay trở lại bãi quây dưới rừng thông trên núi kia không. Nó nhìn tôi một lát, ngoạm một miếng đầy cỏ xanh trước lúc phi nước kiệu trở lại lối mòn, đôi tai vểnh cao, hơi nghiêng đầu sang để tránh giẫm lên sợi dây cương lòng thông. Khi con ngựa biến mất sau ngọn đồi cuối cùng, mấy chiếc túi đựng thịt đầy áp thịt vẫn đứng đưa và nảy lên.

Tôi cuộc bộ về phía dòng sông theo đường của những người đón củi, tôi biết lối này sẽ dẫn ra con đường lát đá. Tôi đang tính chuyện đợi bên đường chờ xe ai đó đi nhờ, nhưng lúc ra đến đường rộng, tôi quyết định nếu cứ men theo dòng sông đi ngược lại lối Silva và tôi đã đi thì đoạn đường không còn xa lắm.

Nước sông có vị dễ chịu, tôi ngồi trong bóng mát, dưới cụm liễu bạc. Tôi nghĩ về Silva, tôi cảm thấy buồn khi rời xa chàng; nhưng ở chàng có cái gì đó kì lạ và tôi cố cắt nghĩa trên suốt cả đoạn đường về nhà.

Tôi quay về chỗ bên bờ sông nơi chàng ngồi trong lần đầu tiên tôi gặp. Những lá liễu xanh chàng cắt từ cành cây vẫn đang

nằm đó, héo rủ trong cát. Nhìn thấy đám lá, tôi muốn quay lại với chàng - để hôn và chạm vào người chàng - nhưng bây giờ núi đã cách xa quá. Và tôi tự nhủ lòng, bởi tôi tin rằng hôm nào đó, chàng sẽ quay lại ngồi đợi bên dòng sông.

Tôi theo con đường dẫn từ sông về làng. Mặt trời đang lặn, tôi có thể ngửi thấy khói cơm chiều khi tôi vào đến cánh cửa trước của nhà mình. Tôi có thể nghe giọng mọi người trong nhà - mẹ tôi đang bảo bà cách điều chỉnh chiếc Jell-O, còn chồng tôi, Al đang đùa với đứa bé. Tôi quyết định nói với mọi người rằng một gã Navajo đã bắt cóc tôi, nhưng tôi lấy làm tiếc bởi ông nội già nua không còn sống để nghe câu chuyện của tôi vì đây là chuyện về Người Đàn Bà Da Vàng mà ông thích kể nhất.

Lê Huy Bắc dịch

Gabriel Garcia Marquez
(Colombia)

NGƯỜI CHẾT TRÔI ĐẸP NHẤT TRẦN GIAN

Có một vật màu xám mang vẻ bí hiểm từ ngoài khơi đang dạt vào bờ. Những đứa trẻ nhìn thấy nó, lúc đầu tưởng là một chiếc tàu chiến địch nhưng sau thấy nó chẳng treo cờ cũng chẳng có hệ thống cột buồm, chúng lại nghĩ rằng đó là một con cá voi. Khi vật đó đã đậu lại ở bãi biển; bọn chúng liền ủa xuống nước, xúm lại thi nhau gỡ hết rong rêu, vẩy cá, cả xác những con sứa bám xung quanh, chỉ đến lúc này bọn trẻ mới nhận ra đó là một người chết trôi.

Thế là cả buổi chiều ấy chúng nghịch cái xác chết, hết đào lên lại chôn xuống cát. Bỗng có người nhìn thấy kêu toáng lên cho mọi người hay biết, lúc ấy chúng mới chịu thôi. Những người đàn ông khiêng cái tử thi này về một ngôi nhà gần nhất đều kêu rằng họ chưa hề khiêng một người chết nào nặng như thế và họ bảo với nhau rằng vì ngâm lâu dưới biển nên nước đã ngấm tới xương. Khi cái xác đã được đặt xuống sàn nhà, người ta nhận thấy đó là một cái xác to đùng chưa từng có bởi nó choán gần hết gian nhà. Nhưng mọi người lại nghĩ rằng theo đặc tính tự nhiên của những tử thi chết trôi bao giờ nó cũng trương phình ra. Chỉ có hình thù của nó cho phép người ta nhận ra đó là một cái thân người bởi vì da của nó được bao phủ bởi một lớp bùn mang màu xanh của biển.

Không cần phải rửa mặt cho anh ta cũng nhận ra anh là một người lạ mặt. Làng này chỉ có khoảng 20 nóc nhà lá, sân lũng cũng những ngôi nhà này được dựng lên một doi đất đã heo hút lại rất hẹp đến nỗi mỗi bận đi vắng các bà mẹ đều lo gió thổi con mình ra

biển. Làng hẹp đến nỗi không có đất để mai táng người chết và buộc phải ném tử thi xuống vực biển, nhưng biển ở đây rất hào hiệp và hiền lành đối với con người, vả lại đàn ông trong cái làng này không lấy gì làm đông lắm, chỉ cần bảy chiếc thuyền cũng vừa đủ chở họ. Do đó khi có cái xác chết trôi này những người đàn ông trong làng đưa mắt nhìn nhau đã biết ngay trong số họ không thiếu một ai.

Đêm đó đàn ông không đi biển. Họ vội tản đi các làng lân cận hỏi xem ở đó có người mất tích không. Đàn bà ở lại trông nom người chết trôi, rồi lấy chiếc lược làm bằng đồi mồi gỡ hết rong biển bám vào tóc của anh ta. Trong lúc tắm gội cho người chết, các bà các chị thấy rằng rong rêu này là thứ chỉ có ở biển Thái Bình Dương và quần áo của anh ta rách bươm như thể anh ta đã bơi qua rừng san hô. Họ còn nhận ra rằng người chết trôi này rất kiêu hãnh bởi anh không mang biểu hiện cô đơn thường thấy ở những người chết trôi ngoài biển, cũng chẳng có biểu hiện gì là cầu cứu của những người chết đuối trong sông. Khi tắm gội xong cho người chết trôi này, mọi người bỗng nín thở im lặng vì nhận ra anh thuộc lớp người hiếm có không chỉ vì anh là người cao nhất, khỏe nhất và dũng cảm nhất mà còn vì ngay khi ngắm nhìn anh họ vẫn không thể tin được rằng trong cuộc đời lại có người đàn ông đẹp đến thế.

Khắp cái làng này không có lấy một chiếc giường đủ rộng để anh nằm vừa, cũng chẳng có chiếc bàn nào chắc chắn đủ sức chịu nổi sức nặng của anh. Anh không mặc vừa quần áo của đàn ông làng này dù đó là quần diện ngày lễ của những người đàn ông cao nhất, dù đó là sơmi diện ngày chủ nhật của những người đàn ông vạm vỡ nhất. Cả những đôi giày ngoại cỡ đóng đẹp nhất cũng không vừa chân anh. Cái cơ thể ngoại cỡ và đẹp đẽ đó của anh khiến các chị các cô khoái chí và thế là họ lấy luôn vải buồm may cho anh chiếc quần và một chiếc áo sơmi để anh đi sang thế giới bên kia với tất cả niềm kiêu hãnh của mình. Ngồi thành vòng tròn, các chị vừa khâu quần áo vừa ngắm nhìn anh và thột nhiên nhận ra chưa bao giờ cơn gió lại gào thét như lúc này và biển Caribê cũng chưa bao giờ sôi động như đêm ấy, các chị đoán rằng những thay đổi bất thường đó của thiên nhiên là những điềm báo ít nhiều

có liên quan đến người chết trôi này. Họ nghĩ rằng nếu con người quý hóa ấy mà sống ở trong cái làng này thì nhà của anh hẳn phải có cửa rộng, trần cao, sàn chắc chắn nhất, giường nằm của anh hẳn phải rộng rãi và vững chãi nhất và người vợ của anh ta phải là người phụ nữ hạnh phúc nhất. Họ lại nghĩ rằng anh là người có mãnh lực đến mức có thể gọi tên cá, cá phải nhảy lên khỏi biển; khơi dòng nước ngọt, nước ngọt phải chảy ra ngay ở nơi chỉ có đá phen; trồng hoa trên vách biển, hoa phải nở. Họ còn so sánh anh với chính các đức ông chồng của mình và cho rằng cái đám đàn ông không có khả năng làm trong cả đời mình cái mà anh chỉ làm trong một đêm và tự đầy lòng mình các chị chán ngấy những con người đó, coi họ như là những sinh vật tởm lợm và vô vị trên mặt đất này. Bọn họ cứ mãi mê theo đuổi những ý nghĩ ma quái ấy cho tới khi có một cụ già nhất, mà vì là người già nhất nên bà cụ đã có thể bình tâm quan sát người chết trôi, bỗng thở dài nói.

- Người này có khuôn mặt của Êxtêban!

Đúng vậy, phần lớn chị em khi nghe nói nhìn lại người chết thêm một lần nữa đã không thể không nhận đó là Êxtêban. Nhưng các cô gái trẻ, vốn bướng bỉnh hơn, vẫn khẳng khẳng cho rằng nếu mặc quần áo tử tế cho anh, nếu đi giày màu vecni cho anh và nếu quàng cho anh rất nhiều hoa thì anh sẽ có cái tên là Lautêrô. Nhưng đó chỉ là ý tưởng trống rỗng mà thôi. Do thiếu vải nên quần áo cắt cho anh đều không vừa. Chiếc quần đã cắt tồi lại may vụng nên anh mặc chật căng. Chiếc áo sơmi vừa cài khuy xong thì cả hàng cúc đứt tung, dường như cái sức sống tiềm ẩn trong trái tim anh đã đứt đứt những chiếc cúc ấy. Sau nửa đêm tiếng gió hú ngày một yếu dần và biển Caribê cũng ngày một lặng hơn. Trái lại căn phòng này bỗng trở nên ồn ào hơn bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa, người chết trôi này chính là Êxtêban. Những chị đã mặc quần áo cho anh, những chị đã cắt móng tay cho anh, những chị đã chải đầu cho anh, không thể ghìm lòng mình được nữa khi buộc phải đặt anh nằm xuống sàn nhà. Ngay chính lúc này chị em mới hiểu rằng với tám thân ngoại cỡ ấy anh đã phải chịu bao nỗi bất hạnh, bất hạnh ngay cho đến khi chết. Người ta buộc anh đứng suốt buổi không biết làm gì với đôi bàn tay trắng hồng mềm mại khi bà chủ

nhà tìm cái ghế đầu chắc chắn mời anh ngồi mà lòng thấp thỏm sợ ghế gãy: Êxtêban ơi! Hãy ngồi xuống đi! Làm ơn hãy ngồi xuống nào; còn anh, lưng tựa vào tường, mặt mày hớn hở: bà ơi, cứ để mặc cháu, cứ để cháu đứng thế này cũng được mà, vẫn tựa lưng vào tường trên đôi chân đỏ hỏn và cái lưng đã chai ra do phải lạy đi lạy lại một động tác duy nhất trong tất cả các buổi thăm viếng hàng xóm: Bà ơi! Bà đừng ngại, cứ để mặc cháu cứ để cháu đứng thế này cũng được; mà hình như anh làm thế cốt để khỏi mang tiếng to xác ngồi gãy ghế nhà người khi đứng trước mặt anh thì mời mọc tha thiết: đừng đi vội Êxtêban nhé, hãy đợi một lúc cho tới khi cà phê nóng đã, nhưng khi anh vừa đi khỏi thì lại lẩm bẩm: thế là đã cút rồi cái thằng ngớ ngẩn to xác, sao mà tốt thế, đã bước đi rồi cái thằng to đầu dễ thương. Các bà nghĩ tới điều đó trước lúc trời gần sáng... Sau đó ít lâu, khi lấy khăn che mặt cho anh, các bà các chị đã thấy anh vĩnh viễn chết rồi, nom anh yếu ớt y hệt các đức ông chồng của mình và họ đã khóc anh bằng những giọt nước mắt chảy từ trái tim mình. Chính cô gái trẻ nhất đã khóc oà lên trước tiên. Những người đàn bà khác, do ám ức mãi rồi, được thể cũng oà lên khóc theo, lúc đầu còn là tiếng thở dài nào nuốt sau đó là tiếng than khóc, bởi cái người chết trôi ấy đối với họ ngày càng hiển nhiên là Êxtêban. Họ khóc anh mãi tới mức anh trở thành người cô đơn nhất thế gian, trở thành người hiền lành nhất, con người tận tụy nhất, Êxtêban đáng thương! Họ cứ khóc rưng rức như vậy cho tới khi những người đàn ông trở về nói rằng người chết trôi này không phải là người của các làng lân cận. Thế là các bà, các chị, các cô cảm thấy một niềm vui lâng lâng giữa hai hàng nước mắt:

- Lạy Chúa! - Bọn họ nói. - Đích thị là người của chúng ta rồi.

Những người đàn ông tin rằng đó chẳng qua chỉ là nỗi hoảng sợ thoáng qua của bọn đàn bà mà thôi. Đêm qua do phải chạy đi hỏi các làng lân cận có người mất tích không nên giờ đây bọn họ đều mệt bã người. Họ chỉ mong trút bỏ ngay lập tức cảnh ồn ào như ong vỡ tổ do cái xác chết gây ra trước lúc ông mặt trời lên cao tãi nắng lửa xuống, nhất là trong các ngày oi bức không một ngọn gió này. Bọn họ vội vàng lấy cột buồm buộc thành một cỗ đòn chắc

chấn đảm bảo khiêng cái xác chết trôi này ra tới vực biển nơi làng vẫn thường “an táng” người chết của mình. Bọn họ còn muốn buộc thêm cái mỏ neo to vào củ khoai chân của xác chết để nó chìm hẳn xuống đáy biển, nơi cá phải mù mắt và những người thợ lặn giỏi nhất cũng không bao giờ lặn tới. Bằng cách này, họ nghĩ thế, dòng nước ngược không thể đẩy xác chết trở lại bãi biển như đã có một vài trường hợp trước đây đã từng xảy ra.

Song trong lúc đàn ông càng khẩn trương làm việc thì đàn bà bấy đủ chuyện để làm mất thời gian. Hốt ha hốt hoảng như gà mẹ mất con, bọn đàn bà chạy tới lục trong rương hòm để tìm những chiếc bùa hộ mạng cho những người đi biển. ở chỗ này mấy cô tranh nhau đeo cho anh những chiếc bùa cầu gió thuận, chỗ kia mấy bà tranh nhau đeo cho anh chiếc vòng tay phước. Và sau nhiều lần quát tháo ầm ĩ. Hãy rút khỏi nơi đây, hãy tránh ra đằng kia, này, nhìn đây này, suýt nữa làm người ta ngã phải xác chết, bọn đàn ông giận tràn hông và bắt đầu chửi bới vì sao lại đeo nhiều vòng quý cho người chết vô chủ này thế, à mà các bà không biết rằng hẳn đeo nhiều thứ kia thì cá mập lại không biết đuổi theo rĩa hết đi à. Mặc cho các ông muốn nói gì thì nói, các bà cứ tiếp tục đeo những trang sức quý của mình cho anh, cứ bắng nhắng đi lại va phải các ông. Lúc này các bà các chị, các cô không khóc nữa mà chỉ đôi lúc bật ra những tiếng thở dài náo ruột. Chính điều đó càng chọc tức bọn đàn ông hơn, khiến họ càng giận hơn, buộc họ phải nói: ở đây chưa từng có chuyện huyền ảo như thế chỉ vì một người chết trôi xa lạ, một cái xác vô chủ, một của thừa thiu thôi. Ngay tức khắc một bà, vì nén giận chẳng được, đã lật tung cái khăn che mặt người chết và thế là cả đám đàn ông câm họng im bật.

Đó là Êxtêban. Bọn đàn ông không thể nghi ngờ được nữa nếu như có ai nói với họ rằng đó là ngài Oantơ Ralix, thì có lẽ chính họ sẽ hình dung ra ngài với thứ tiếng Anh nói giọng Mỹ của ngài, với khẩu súng săn và chú vẹt của ngài đậu trên vai, song đây là Êxtêban, một con người hiền lành trên thế gian này. Như con cá, anh nằm trên sàn nhà, mặc chiếc quần chật ních, cái áo sơmi phanh cúc, chân không quần xà cạp, móng chân anh thô phải

dùng dao mới cắt nổi. Chỉ cần nhìn mặt anh một lần là đã nhận ra ngay vẻ bên lén của anh, rằng anh không có tội gì ngoài trừ điều anh là người cao lớn quá, nặng quá, đẹp quá và nếu như anh biết trước sự thể sẽ diễn ra như thế này anh đã tìm nơi thật bí mật để trằm mình, thật đấy, nói một cách nghiêm túc đấy. Sự hiện diện của anh là có thực, rất thực đến mức ngay cả những người đàn ông hay ngờ vực nhất, những người trong những đêm thanh vắng ở ngoài khơi đang héo ruột héo gan lo ở nhà vợ mình vì đợi họ no chán vẫn không thấy về, ao ước được chung chạ với những người chết trôi, chính những con người ấy và cả những người đàn ông sát đá nhất cũng đã phải cúi lòng thực sự trước Êxtêban chân thành.

Rồi đám tang của Êxtêban được cử hành với nghi thức trọng thể nhất có thể có đối với một cái thân vô chủ. Những cô gái đi hái hoa ở các làng bên cạnh khi trở về đã mang theo một số bạn bè vốn không tin chuyện các cô kể; đến lượt các cô này sau khi đã tận mắt nhìn thấy người chết trôi đẹp nhất trần gian, đi kiếm thêm hoa cho anh khi trở về lại kéo thêm nhiều cô khác..., cứ như vậy cho tới khi làng này đầy hoa và đông nghịt người đến nỗi không len chân nổi. Phút cuối cùng của tang lễ đã đến và mọi người không đành tâm đưa anh côi cút đi về thế giới bên kia nên làng chọn cho anh một ông bố và một bà mẹ trong số những cụ già được kính trọng nhất, một số người nhận là anh em của anh, số khác nhận là chú, bác, cô, dì, cháu, chắt, là anh em họ với anh... Thế là nhờ có anh mà cả làng này bỗng chốc trở thành những người ruột thịt của nhau. Tít ngoài khơi xa, khi nghe thấy tiếng khóc đưa ma có một số thủy thủ bỗng dưng bị mất phương hướng và người ta còn biết rằng trong số họ có một người khi nhớ câu chuyện những nàng tiên cá thuở xưa đã vội lấy thùng nhờ đồng đội trói mình vào cột buồm chính. Trong lúc tranh nhau khiêng người chết trôi đẹp nhất trần gian, trước vẻ đẹp rực rỡ của anh, những người đàn ông, những người đàn bà lần đầu tiên cảm thấy những con đường chạy trong làng mình sao mà trống trải, nhận thấy cái sân nhà mình sao mà cần cỗi, nhận thấy những ước mơ của họ sao mà chật hẹp thế. Người ta ném người chết trôi xuống biển không cần phải buộc thêm mỏ neo để phòng khi anh muốn, hay khi nào anh muốn thì

anh trở về với dân làng. Chẳng phải nhìn nhau dân làng cũng biết họ đã thiếumất một người, rằng từ nay trở đi không bao giờ họ sẽ có anh bên cạnh. Nhưng họ lại nhận ra rằng từ đây trở đi tất thấy sẽ khác đi, những ngôi nhà của họ rồi sẽ có cửa rộng, trần cao, sàn chắc để hồn Êxtêban dạo chơi khắp làng mà không va đầu vào bậu cửa, và trong tương lai sẽ không còn ai lắm bám cái mòm; thế là đã chết rồi cái thằng ngổ to xác, thế là đã về châu tổ cái thằng ngổ xinh xinh, thật là đáng thương bởi chính họ sẽ là người sơn quét lại tường nhà bằng những màu sắc vui mắt để mãi mãi kỷ niệm về Êxtêban, và rồi chính họ sẽ phá hoang, khai dòng nước ngọt và trồng hoa trên vách đá vực biển để một buổi mai nào đó, ngay giữa khời, hành khách đi trên những con tàu khổng lồ bỗng thức dậy trong mùi hương nhài ngào ngạt và chính cái sự kiện đó khiến vị thuyền trưởng trang trọng trong bộ đồng phục đắt tiền, ngực lấp lánh huân chương chiến công, một tay cầm ống nhòm, từ trên buồng chỉ huy bước xuống boong tàu, tay kia chỉ hòn cù lao nằm ở phía chân trời biển Caribê và nói bằng 14 thứ tiếng: hãy nhìn về phía đó, nơi mà lúc này cơn gió đang say ngủ dưới gập giường, ở đó, nơi mà giờ đây mặt trời đang chói chang tỏa rạng khiến cho hoa hướng dương phải lúng túng không biết hướng về ngã nào, chính nơi ấy là làng của Êxtêban.

Nguyễn Trung Đức dịch

CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG CỦA CON TÀU MA

Bây giờ họ sẽ biết mình là ai, y nói một mình bằng cái giọng ồm ồm của người lớn, sau rất nhiều năm kể từ cái lần đầu tiên y nhìn thấy một con tàu khách đi qua làng. Đó là một con tàu khổng lồ to như một dinh thự, không đèn đóm không tiếng động, dài hơn chiều dài của cả làng và cao hơn cả chiều cao tháp chuông nhà thờ, đang dò dẫm đi về phía thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha,

một thành phố được phòng thủ kiên cố nhằm chống lại những cuộc đột nhập của bọn cướp biển từ phía bờ bên kia. Bên ấy có một hải cảng lâu đời màu xám xịt và ngọn đèn pha tự quay chung quanh cứ mười lăm phút một rọi ánh sáng buồn thảm sang bên này biển làng biển thành một doanh trại hoang vắng với những ngôi nhà lấp lánh ánh lân tinh và các con đường hiu quạnh. Mặc dù lúc ấy y còn là một đứa trẻ chưa vỡ giọng nhưng đã được mẹ cho phép ngồi một mình ngoài bờ biển cho đến rất khuya để nghe tiếng gió thổi du dương y như tiếng nhạc thụ cầm và hiện nay y vẫn nhớ rõ như thể y đang nhìn thấy con tàu khách biển mất dạng khi ánh đèn pha chiếu thẳng vào mạn sườn rồi lại hiện nguyên hình khi ánh đèn vừa lướt qua. Thì ra đó là một con tàu ma lúc ẩn lúc hiện đang trên đường vào vịnh. Nó mò mẫm tìm các phao đánh dấu luồng vào cảng vì vậy như những kẻ mộng du nó đi cho đến lúc có một cái gì đó làm trệch kim la bàn, thế là nó lao thẳng vào vĩa đá ngầm, vỡ toang rồi chìm xuống đáy biển, dấu không nghe thấy tiếng đổ vỡ nhưng y vẫn có cảm giác kinh rợn tưởng như nghe thấy tiếng cốc tách rơi vỡ kêu loảng xoảng cũng như tiếng nổ đinh tai nhức óc của đầu máy từng làm ớn lạnh xương sống những chú rồng đang say ngủ trong cánh rừng nguyên thủy rộng vô biên kéo suốt từ ngoại vi thành phố đến bờ thế giới bên kia. Vậy là chính y tin rằng đó chỉ là một giấc mơ, nhất là vào ngày hôm sau khi y đi dạo chơi ở ngoài vịnh thấy một nhà cá cảnh rực rỡ ánh sáng, thấy những ngôi nhà dân da đen sặc sỡ sặc màu xây cất trên những quả đồi ôm lấy bờ vịnh, thấy thuyền dân buôn lậu đang bốc lên những lồng vệt gồm những chú vệt ngậy thơ, trong điều chật ních hạt kim cương. Y nghĩ rằng thôi đúng rồi trong lúc ngủ đếm sao trời, mình mơ thấy con tàu khách vượt đại dương khổng lồ ấy. Y tự nhủ lòng mình sẽ không kể chuyện ấy cho bất kỳ ai và sẽ không nhớ hình bóng con tàu ma ấy. Tháng Ba sau vào đúng ngày hôm ấy, khi y đang đi tìm hình bóng những chú cá heo ngoi trên mặt nước biển thì cái mà y nhìn thấy lúc ấy lại là con tàu ma vẻ buồn rầu, lúc ẩn lúc hiện, lại y như lần trước bị trệch kim la bàn lao đầu vào đá ngầm. Khác hẳn với lần trước, lần này y hoàn toàn biết rằng mình đang tỉnh thức và thế là y lập tức co cảng chạy thẳng về nhà kể lại cho mẹ nghe. Sau khi nghe chuyện, ba tuần liền bà mẹ thất vọng

mà la mắng con: mày bị loạn trí mất rồi con ạ vì mày toàn làm những chuyện ngược đời: ngày thì ngủ đêm thì sục sạo như những kẻ trộm cắp. Thời kỳ này bà cần phải ra thành phố để tìm mua một chiếc ghế êm mang về ngồi mà tưởng nhớ người chồng quá cố vì chiếc ghế xích đu của bà đã hỏng do sử dụng liên tục có trong hơn mười một năm. Nhân dịp này bà nhờ một tay lái đò bơi thuyền đưa thằng con ra tận bãi đá ngầm để nó có thể nhìn thấy cái mà nó nhìn thấy dưới làn nước trong như pha lê: những con bọt biển đang làm tình với nhau, những chú cá pagrô màu hồng sặc sỡ, những chú cá corvina màu xanh đang tung tăng bơi lội trong cái giếng ngay giữa nước biển, nhìn thấy cả những mớ tóc người chết trôi từ thời thuộc địa lớn vờn lượn đi lượn lại, nhưng nó sẽ không thấy dấu vết nào của con tàu đắm. Nhưng y không chịu làm theo kế hoạch của bà mà ngược lại cứ một mực cho rằng con tàu ấy là có thực đến mức bà phải hứa sẽ cùng đi với y ra bãi biển vào đúng cái đêm ấy trong tháng Tư tới để xem con tàu. Bà hứa mà không biết rằng cái duy nhất chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai của mình là cái chết do ngồi trên chiếc ngai có từ thời tên cướp biển Phrăngki Đắc. Bà mua lại chiếc ngai này của những người Thổ Nhĩ Kỳ theo hình thức mua đấu giá. Đêm ấy bà ngồi trên ngai, tưởng nhớ người chồng quá cố, than vãn: Hỡi Hôlôpheclet, nếu anh biết điều tốt đẹp em đang nghĩ về anh khi em ngồi trên chiếc ngai bọc nỉ của hoàng hậu này... Nhưng trong lúc càng tha thiết gọi tên người chồng quá cố, bà càng thấy mình bị ù tai chóng mặt. Máu trong tim bà từ màu đỏ hồng chuyển dần sang màu tím của bồ quân như thể bà bị đốt cháy trong lúc ngồi trên chiếc ghế. Hơi thở của bà khô khè đầy bụi đất. Khi y trở về đến nhà bà đã chết luôn trên chiếc ngai, tuy người vẫn còn hơi hổi nóng nhưng đã rửa trôi, như thể bà chết vì nọc độc rắn. Cái chết thê thảm này còn xảy ra đối với ba bốn người đàn bà, trước khi người ta quẳng chiếc ghế chết người ấy xuống biển ở nơi rất xa để nó không thể gây tai vạ cho bất kỳ ai, bởi vì hàng thế kỷ nay nó đã được người ta dùng và vì vậy nó đã mất khả năng đem lại sự nghỉ ngơi cho những ai sử dụng nó. Vậy là y buộc phải sống cuộc sống vất vưởng của trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, bị người ta riết móc là con của mẹ góa mang cái ngai gây nhiều bất hạnh về làng này. Y sống bằng thương hại của mọi người, bằng

những con cá lầy cấp trên các thuyền. Y cố quên những ảo ảnh trước đây và y đã làm được điều đó. Nhưng vào đúng cái đêm ấy, tháng Tư năm sau, ngẫu nhiên y nhìn ra biển rồi ngay lập tức y gào: ôi cha mẹ ơi, cái con cá voi khổng lồ, cái tòa dinh thự biết đi đến kia kìa. Hãy ra mà coi, dân làng ơi! Tiếng gào của y đã khuấy động lên cả một khung cảnh ồn ã của tiếng chó sủa, tiếng la thất thanh của đàn bà và trẻ nhỏ đến mức ngay cả các cụ già nhiều tuổi nhất cũng phải, vì nhầm tưởng là tiếng kêu của các tổ nội mình, hốt hải chui ngay xuống gầm giường chạy trốn tên cướp biển Uylam Đampier, nhưng những ai đổ ra đường thì chẳng phải mất công sức nhìn hình bóng con tàu ma lúc nó đang mất phương hướng lao vào đá ngầm trong tai nạn hàng năm, mà họ chỉ việc thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, nện cho y vô hồi kỳ trận khiến y nằm còng queo ra đấy chịu đau đớn. Đó chính là lúc với giọng giận dữ, y nói: “Bây giờ nó sẽ biết ta là ai?” Nhưng y lại cố giữ mồm giữ miệng để không tiết lộ cho ai hay biết quyết tâm của mình. Cả một năm y sống thâm lặng với ý nghĩ rõ ràng rằng bây giờ họ sẽ biết ta là ai, rồi y kiên trì đợi cho đến đêm trước ngày con tàu ma lại xuất hiện để thực hiện quyết tâm của mình. Cái ngày ấy đã tới. Y ăn cắp một chiếc thuyền nhỏ bơi sang bờ vịnh bên kia. Cả buổi chiều ấy, y đợi cái giờ vĩ đại của mình trên các ngõ hẻm thuộc bến cảng cũ kĩ, nhưng vì y đang quá đắm say trong ý nghĩ mạo hiểm đến mức không thềm dừng chân trước cửa hàng của người Anh điêng như mọi bận để ngắm nhìn các vị quan lại được tạc trên cả một chiếc ngà voi, hoặc không thềm chế nhạo bọn người da đen Hà Lan đi xe đạp ẩy chần, cũng chẳng như mọi bận từng hoảng hồn trước những người Malaixia có bộ da rần hổ mang bành, từng cho y đi vòng quanh thế giới với một ý nghĩ viển vông về một quán ăn bí hiểm có bán chả nướng thịt người Braxin. Quả thật là y chẳng còn biết gì tới chung quanh mình khi màn đêm đã buông xuống, bầu trời lấp lánh các vì sao và rừng già phả ra mùi giảnh giảnh thơm lừng, y chợt tỉnh và thế là y bơi chiếc thuyền nhỏ lầy cấp được ra phía luồng đường tàu vào cảng. Y không tắt đèn con thuyền nhỏ nhoi của mình, sợ cảnh sát làm nhiệm vụ trên bến cảng phải bận tâm theo dõi y. Cứ mười lăm phút một lần y lại có cái dáng vẻ ma quái trong ánh sáng xanh của ngọn đèn pha để khi trong bóng

đêm y lại trở lại hình thù người mà biết chắc rằng con thuyền của mình đang đi gần tới vùng biển neo những chiếc phao và y biết được không chỉ vì các phao ngày càng nổi rõ hình thù, mà còn vì hơi nước ở đây ngày càng mang khí vị buồn tẻ, do vậy y càng mãi miết khua mái chèo hơn đến mức y không biết cái mùi tanh kinh tởm của cá mập đến với mình từ lúc nào và cũng không hiểu vì sao bỗng nhiên sao lặn hết, bầu trời đen kịt lại, giữa lúc ấy ngay trước mặt y là con tàu ma với tầm vóc khổng lồ không thể tưởng được, nó to hơn bất cứ vật gì to lớn có trên thế giới, dù trên cạn hay dưới nước, đó là ba trăm ngàn tấn cá mập đang đi qua bên cạnh cái thuyền nhỏ nhoi của y, đến mức y có thể nhìn rõ mạn tàu bọc kim loại của nó, có thể nhìn rõ những chiếc cửa tò vò tối om không hề le lói một thứ ánh sáng nào, không hề có một bóng người nào và ở buồng máy không hề nghe thấy một tiếng động nhỏ và con tàu mang theo nó khung cảnh hoàn toàn thanh tĩnh của chính nó, mang theo nó chính cái không khí chết chóc của chính nó, mang theo nó cái thời gian ngưng đọng của nó, mang theo nó cái bầu trời trống rỗng của nó, mang theo nó cái biển cả trôi nổi không định hướng trong đó bênh bồng nổi lên cả một thế giới những con vật chết trôi, nhưng rồi bỗng nhiên tất cả những thứ đó biến mất khi ánh sáng xanh ngọn đèn pha rọi tới và cái biển ấy lại biến thành chính biển Caribê trong suốt với chính cái đêm tháng Tư ấy, với chính thứ thông thường hàng ngày. Thế là y đứng một mình giữa những chiếc phao mà chẳng biết làm gì, mà tự hỏi lòng rằng có thật là mình không mơ trong lúc đang thức không, không phải chỉ lần này mà cả những lần khác y không mơ trong lúc đang thức đây chứ, và sau khi y chỉ vừa kịp tự vấn xong thì một ngọn gió kì lạ thổi tắt những chiếc phao, lần lượt từ cái thứ nhất đến cái cuối cùng và khi ánh sáng xanh ngọn đèn pha lia ra chỗ khác thì con tàu ấy lại hiện ra, nhưng lúc này các la bàn của nó bị trệch hướng khiến nó hầu như không biết chính xác hiện đang ở tọa độ nào trên Đại Tây Dương, đang mò mẫm trên con đường không chắc tin nhưng thực tế là nó đang lao vào vùng biển có đá ngầm và thế là y thấy rõ ràng rằng cái sự bất hạnh của những chiếc phao kia là chìa khóa duy nhất cần thiết để đạt tới niềm vui. Lập tức thấp sáng ngọn đèn trên chiếc thuyền nhỏ nhoi của mình. Đó là một

ngọn lửa mãnh mai không khiến ai đứng gác phải để ý nhưng ngược lại, đối với người lái tàu thì nó lại là một mặt trời dẫn lối vì nhờ có ngọn đèn này con tàu không chệnh choạng mà chạy thẳng vào luồng chính với một sự nổi dậy đầy hạnh phúc. Thế là các đèn trên tàu được thắp sáng, các nồi chảo lại được đun sôi trên bếp, sao lại nhấp nhánh sáng rực trên bầu trời. Xác các con vật chết trôi lại chìm xuống tận đáy biển sâu, rồi bỗng nhiên vang lên tiếng bát đĩa va chạm vào nhau kêu lanh canh, lại thơm phức mùi lá nguyệt trong các bếp nấu, vang lên tiếng âm nhạc du dương trong boong tàu, vang lên tiếng hôn môi kêu chùn chụt của các đôi nhân tình trong cảnh tranh tối tranh sáng nơi các buồng khách. Nhưng lúc ấy trong lòng y vẫn sôi sục nổi căm giận dai dẳng đến tận lúc này đủ sức truyền cho y một tinh thần bình tĩnh tuyệt vời, giữ cho y không xôn xang vui mừng cũng không sợ hãi quá trước điều kì ảo đã được khảo thị, rồi với giọng cả quyết y nói: Cửa khí, chưa lúc nào như lúc này, bọn họ sẽ biết ta là ai, lúc này họ sẽ tận mắt nhìn thấy con tàu ma, rồi đáng lẽ phải né sang một bên nhường đường cho con tàu thì y lại bơi con thuyền ra trước mũi tàu bởi vì bây giờ họ sẽ biết ta là ai và với ngọn đèn nến y tiếp tục dẫn đường cho con tàu cho đến khi y tin rằng nó đã ngoan ngoãn tuân theo sự chỉ huy của mình để thoát khỏi con đường không chắc tin. Con đường dẫn tới vùng biển nhiều đá ngầm rất nguy hiểm và y dắt con tàu như dắt cổ một con cừu biển đưa nó về phía những ánh lửa sáng của một làng đang ngủ. Đó là một con tàu sống động chứ không phải là con tàu ma nữa bởi lúc này ánh sáng xanh ngọn đèn pha không những không làm cho nó phải tàng hình mà ngược lại càng làm sáng hơn màu nhôm dát trên thân tàu và tại đây các cây thánh giá đã được định hình, quang cảnh nghèo khổ của làng cũng được định hình, con tàu vẫn đi theo y mang theo trong nó tất cả. Vị thuyền trưởng nằm nghiêng về bên trái - bên phía có trái tim, mà nằm ngủ, đàn bò mộng xứ Lidia được ướp đông lạnh trong kho, người bệnh nằm trên giường bệnh, nước ngọt trong các thùng chứa, người lái tàu tuyệt vọng có lẽ nhìn các dải núi đá lại nghĩ là cầu tàu nên vội vàng kéo còi và y bỗng nhiên bị ướt sũng vì một trận mưa: những giọt nước phun ra từ nồi hơi rơi xuống, lại một lần nữa con tàu rúc còi và chiếc thuyền nhỏ chòng chành suýt bị

đám. Lại một lần nữa con tàu rúc còi nhưng lần này đã muộn rồi vì đây là chỗ đã nổi rõ hình thù những con ốc nơi ven bờ, nổi rõ những nhà cửa của những người thiếu lòng tin, đã nổi rõ cả cái làng đang rực sáng nhờ ánh sáng những ngọn đèn hắt từ con tàu đã tắt máy và y hâu như không kịp tránh sang một bên nhường chỗ cho sự đảo lộn khủng khiếp xảy ra mà gào to lên trong lúc hân hoan vui sướng: Hỡi các người, các người đã có con tàu rồi đấy. Điều ấy xảy ra một phút trước khi thân tàu kim loại đâm vào đất liền, và người ta nghe rõ tiếng nổ lách tách của chín mươi ba ngàn chín trăm cốc champagne bị đổ vỡ lần lượt từ cuối tàu đến đầu tàu, lúc ấy ánh sáng bừng mở và không còn là đêm khuya một ngày tháng Tư nữa mà là giữa trưa một ngày tháng Tư rực rỡ ánh sáng, rồi y thích thú ngắm đám người kém lòng tin đang há hốc miệng nhìn con tàu khổng lồ chưa từng thấy trên trái đất này và mạn tàu phía bên kia của nó im lặng đứng đối diện với nhà thờ. Nó trắng hơn tất cả, cao hơn tháp chuông nhà thờ hai mươi lần và dài hơn chiều dài của làng chín mươi sáu lần, với cái tên của nó khác nổi bằng kim loại: Halalesillag. Và hai bên mạn tàu vẫn giổ giọt một thứ nước cổ xưa màu xám ngắt của các biển trong cõi chết.

Nguyễn Trung Đức dịch

CỤ GIÀ VỚI ĐÔI CÁNH KHỔNG LỒ

Trời mưa đến ngày thứ ba, cua bị chết ở trong nhà rất nhiều đến mức Pêladô phải lội qua sân nhà mình ngập nước để ra biển ném chúng đi, bởi vì đứa trẻ sơ sinh cả đêm qua sốt cao và người ta liền nghĩ ngay rằng nó ốm là do nhiễm phải cái mùi khẳn của xác những con vật chết. Ngay từ ngày thứ ba khung cảnh làng thật buồn bã. Bầu trời và mặt biển đều xám màu tro. Các bãi biển mọi ngày cứ vàng rộm, chói chang dưới ánh mặt trời, nay biến thành những vũng nước nổi váng bùn và rác rưởi. Ngay lúc đang trưa,

ánh sáng cũng lơ mờ yếu ớt đến mức Pêladô từ ngoài biển trở về phải lấy hết sức bình sinh mới nhìn ra ở cuối sân có một vật gì đó đang cựa quậy và rên rỉ. Anh ta buộc phải đến rất gần mới nhận ra đó là một ông già ngã sấp mặt trên bãi đất bùn và dù cố sức vùng vẫy đến đâu ông già cũng không đứng dậy nổi bởi hai cái cánh to, rất to cứ ghìim cổ lại.

Pêladô rất kinh hoàng, vội chạy đi tìm Elixenda, vợ anh, đang pha thuốc cho đứa trẻ ốm và lôi chị đến tận nơi có ông già. Hai người vừa lo sợ vừa chăm chú quan sát ông già. Ông già ăn mặc rách rưới như một kẻ đi buôn đồ đồng nát. Trên cái đầu hói bóng lơ thơ còn lại mấy mớ tóc bạc kéo từ thái dương ra sau gáy và trên hai hàm răng cũng chỉ còn lại mấy chiếc khấp khểnh. Nom ông già trong tình trạng ấy thật là thiếu não. Đôi cánh của ông già giống như cánh gà, bê bết trụi gần hết lông, cứ dính chặt xuống đất bùn. Do ngấm nhìn ông già quá lâu và quá quan tâm lo lắng cho ông già, cả hai người không cảm thấy sợ nữa và bắt đầu cảm thấy ông già gần gũi với mình hơn. Thế là họ bạo dạn đến nói chuyện với ông già và ông già đã trả lời họ bằng một thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu nhưng giọng nói của ông sang sảng như giọng nói của thủy thủ. Thế là, không kể đôi cánh kỳ quái kia gây cho họ cảm giác khó chịu, ông già đã đem lại cho họ một ý nghĩ đúng đắn. Họ nghĩ, đó là một hành khách đi trên một chiếc tàu ngoại quốc bị cơn bão đánh đắm và ông già đã giạt vào đây. Tuy nhiên, bọn họ đã gọi bà hàng xóm thông hiểu nhiều chuyện đời và chuyện bí ẩn của thần chết cùng đến xem ông già. Chỉ cần nhìn thoáng một cái, bà ta đã nói để an ủi hai người.

- Đó là một vị thần. Ta tin chắc rằng ngài đến để chúc mừng đứa trẻ sơ sinh nhưng vì quá già nên đã bị mưa bão đánh ngã.

Đến ngày hôm sau, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng trong nhà Pêladô có một vị thần bằng xương bằng thịt. Theo quan điểm của bà hàng xóm thông hiểu mọi nhẽ cho rằng trong thời kỳ ấy các vị thần đều là những kẻ sống sót và phải chạy trốn cuộc nổi loạn trên Thiên đường, dân làng không đang tâm dùng gậy mà đập chết ông già. Suốt buổi chiều hôm ấy, từ nhà bếp, Pêladô cầm gậy dùi cui mà ngồi canh chừng ông già rồi trước khi đi ngủ, anh ta lôi

ông già trên đất bùn đến chuồng gà và nhốt ông già cùng với bảy gà trong chuồng bưng lưới sắt. Đến nửa đêm, khi trời mưa tạnh, Pêladô và Elixenda vẫn tiếp tục giết cua bò trong nhà. Sau đó ít lâu, đứa trẻ thức giấc, hết sốt, đòi ăn. Thế là vợ chồng họ cảm thấy sung sướng và họ liền trở thành những người hào phóng đã quyết định để ông già trên một chiếc máng cùng với nước uống và thức ăn trong ba ngày và sẽ thả cụ ra ngoài biển phó mặc cho vận may rủi. Nhưng khi trời vừa hửng sáng, hai vợ chồng ra sân thì thấy hàng xóm láng giềng kéo đến đông nghịt đứng trước chuồng gà mà trêu chọc vị thần già, mà ném cho ngài các thức ăn làm như thể vị thần già này không phải là một con người không bình thường mà chỉ là con vật làm xiếc mà thôi.

Cha xứ Gôngxaga đến đây lúc bảy giờ. Cha được tin này và cả bản thân cha cũng cảm thấy khác thường. Vào giờ này, không chỉ có những người nhẹ dạ cả tin mà còn có những người chín chắn hơn cũng tò mò kéo đến nhà Pêladô và họ thi nhau bình luận về tương lai của kẻ bị nhốt trong chuồng gà. Những người đàn độn hơn cả thì nghĩ rằng có lẽ ông già này sẽ được bổ nhiệm làm quan thị trưởng của cả thế giới. Những người khác, những người có tinh thần bi quan lại đoán rằng có lẽ ông già sẽ được phong tước năm sao để chiến thắng tất cả các cuộc chiến tranh. Những kẻ hay mơ mộng hão lại nghĩ rằng ông già sẽ được bảo quản và giữ gìn cẩn thận như con vật giống để gieo rắc trên trái đất này một loại người có cánh và thông minh để lãnh đạo cả thế giới. Nhưng cha xứ Gôngxaga, trước khi là thầy tu đã là phu đồn củi lực lưỡng, dù đang chăm chú nhìn qua lưới sắt vẫn ôn lại cuốn sách giáo lý vấn đáp của mình và vẫn tiếp tục đề nghị mở rộng cánh cửa hơn để đến gần ông già đáng thương kia có vẻ giống một con gà già nua khổng lồ đang ở giữa bảy gà ngây ngô. Ông già đang nằm ở xó chuồng, giữa vỏ hoa quả và các thức ăn mà người ta ném cho từ lúc sáng sớm, để phơi đôi cánh khổng lồ dăng ra dưới nắng. Khi cha xứ Gôngxaga bước vào chuồng gà và dùng tiếng Latin chào vị thần thì ông già vẫn giữ vẻ thờ ơ mặc cho đám đông tò mò đang đứng trước cửa chuồng gà và hầu như ông già cũng chỉ ngược mắt lên và lẩm bẩm điều gì bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu.

Khi cha xứ biết rằng ông già này không biết ngôn ngữ Latin, ngôn ngữ của Thượng đế và cũng không biết chào hỏi những đại diện của mình ở hạ giới nên cha sinh nghi. Sau đó, càng quan sát kỹ, cha càng thấy ông già giống người nhiều hơn là giống thần: cũng có mùi hôi ẩm trong trận mưa bão, có râu xanh mé trong hai cánh, những chiếc lông lớn cũng bị gió bão làm cho xơ xác và như vậy là không một biểu hiện bề ngoài nào của ông già này phù hợp với các thánh được vẽ trong tranh. Thế là đức cha ra khỏi chuồng gà rồi đức cha đọc một bài thuyết giảng vắn tắt nhắc nhở những kẻ tò mò hãy cảnh giác trước những ý nghĩ nông cạn và chớ nên vội tin vào điều mình nhìn thấy. Cha nhắc họ rằng quỷ dữ cũng thường ranh ma trá hình các thánh, trà trộn trong các vũ hội cacnavan¹ để đánh lừa những kẻ nhẹ dạ cả tin. Cha còn lập lý rằng nếu đôi cánh kia không phải là yếu tố cơ bản để phân biệt một con điều hâu với một chiếc máy bay, lại càng không phải điều kiện để thừa nhận ông già là một vị thần. Tuy nhiên, cha xứ hứa sẽ viết ngay một bức thư cho đức giám mục báo cho ngài biết tin này để ngài viết thư lên đáng bề trên để đáng bề trên của ngài lại viết thư lên đáng bề trên nữa cho tới khi nào đến tay Đức Giáo Hoàng và nhờ thế mọi người ở đây sẽ được đọc lời phán quyết cuối cùng của tòa thượng thẩm.

Sự can trọng của cha xứ là vô ích. Tin tức về vị thần bị nhốt trong nhà Pêladô được lan truyền đi rất nhanh đến mức chỉ sau ít đó mấy giờ, sân nhà Pêladô bỗng trở thành một cái chợ ồn ào buộc cả một đội quân lê tuốt trần phải đến để dẹp đám đông kéo họ làm đổ mất nhà. Elixendă, lưng còng hẳn đi vì phải cúi suốt ngày để quét rác chợ, lúc ấy liền nảy ra ý định rất đẹp: che sân nhà lại và bán vé với giá năm xu cho những ai muốn xem vị thần già có cánh không lồ.

Những kẻ tò mò thích chuyện lạ từ đảo Mactinic cũng đến đây. Một gánh xiếc lưu động mang cả một gã làm trò nhào lộn cũng đến đây. Gã nhiều lần bay vù vù trên đầu đám dân chúng

¹ Vũ hội giả trang.

nhưng không một ai thèm để ý vì đôi cánh của gã không phải là cánh thiên thần mà chỉ là cánh của con dơi khổng lồ. Những người bất hạnh nhất của cả vùng biển Caribê đã đến đây để mong được chữa bệnh: một người đàn bà bị bệnh tim ngay từ thời ấu thơ lúc nào cũng đếm nhịp tim mình và bà ta đã đếm được rất nhiều tới mức không còn đủ con số cho bà ta đếm; một bác nông dân Haimaica không tài nào ngủ được vì tiếng động của các vì sao cứ làm bác khó chịu; một kẻ mộng du về ban đêm đi lại làm ồn không để cho ai ngủ và rất nhiều những người bị bệnh khác. Trong hoàn cảnh ồn ào chen lấn đến ngọt thở kia, Pêladô và Elixenda cực kỳ sung sướng vì chưa đầy một tuần, bọn họ đã thu được rất nhiều tiền bạc nhét chặt vào các phòng ngủ và hàng người chờ xếp hàng đến lượt vào xem vẫn dài lê thê kéo đến tận chân trời.

Chỉ có vị thần già kia là không tham dự vào chính sự kiện do mình gây ra. Trong lúc thời gian qua đi, vị thần già tìm cách nằm thoải mái trong cái ổ người ta làm cho mình, mà chịu đựng cái nóng khủng khiếp nơi hỏa ngục do những ngọn đèn dầu và nến thấp sáng ngay bên cạnh gây nên. Thoạt đầu mọi người tưởng rằng vị thần sẽ ăn lá long não, mà theo như lời bà hàng xóm thông thái nọ đó là món ăn đặc biệt của các vị thần. Nhưng ngài không thèm ăn, cũng như ngài không đụng đến các thức ăn trưa của giáo hoàng do các tín đồ dâng lên mà chỉ ăn lá non cây Bêrênhêna. Kiên nhẫn đó là đức tính nổi bật của ngài. Nhất là trong những ngày đầu ngài rất nhẫn nại, cứ mặc nhiên thấy kẻ bọn gà thi nhau rửa sậu bọt sinh sản trong đôi cánh ngài, thấy kẻ bọn ồm ồm đau nhổ lông ngài để phết lên những chỗ đau, thấy kẻ những kẻ ném đá vào ngài để buộc ngài phải đứng dậy cho họ có dịp được nhìn ngắm toàn bộ thân hình ngài. Chỉ có một lần duy nhất họ khiến ngài phải đứng dậy ấy là khi bọn họ dùng một con dấu sắt nung đỏ ấn vào mạng sườn ngài, vì họ nghĩ rằng ngài đã chết rồi. Thế là ngài thức dậy đầy hoảng hốt, miệng lảm nhảm nói một thứ ngôn ngữ rất khó hiểu; nước mắt lưng tròng, rồi ngài vỗ cánh liền hai cái khiến cho bụi và phân gà trong chuồng bay lên tựa như một cơn lốc.

Nhiều người tin rằng sự phản ứng của ngài không phải do ngài giận dữ mà là do ngài đau đớn. Thế là từ đó trở đi, người ta chăm lo cho ngài cẩn thận hơn vì phần lớn đều cho rằng sự nhẫn nại chịu được mọi phiền toái của ngài không phải là sự nhẫn nại của người anh hùng mà là trạng thái nghỉ ngơi sau bao gian truân trong bão táp.

Cha Gôngxaga dùng những lời lẽ ngọt ngào để thuyết phục dân chúng đừng đến đây nữa mà hãy chăm lo công việc gia đình trong lúc đợi sự phán quyết dứt khoát của đáng bề trên về bản thể của kẻ bị giam giữ. Nhưng dường như Rôma có lẽ không còn có ý thức trách nhiệm trước tính chất khẩn cấp của lá thư. Trong lúc thời gian trôi đi thì mọi người bận tâm tìm hiểu xem cái vị thần già bị giam kia có rón không, tiếng địa phương của ông già có phải là tiếng Aramêô hay chỉ đơn giản ông già là một người Nôruêgô có cánh mà thôi. Những bức thư chậm trễ ấy cứ việc đi rồi về cho đến tận cuối các thế kỷ nếu như không có một sự kiện hiển nhiên xảy ra đã kịp thời chấm dứt những tham vọng của đức vua.

Quả nhiên, trong những ngày ấy có một sự kiện độc đáo đã xảy ra. Giữa những gánh xiếc lưu động đến làng có một gánh xiếc trình diễn tiết mục về một người con gái vì không nghe lời cha mẹ bị biến thành con nhện. Vé vào cửa chẳng những rẻ tiền hơn so với vé vào cửa xem vị thần già mà còn trong khi xem người ta có thể hỏi rất nhiều điều về hoàn cảnh câu chuyện cho đến khi nào không còn nghi ngờ gì về sự thật của nó. Đó là một con nhện khổng lồ to như con cừu và nó có bộ mặt giống như bộ mặt cô trinh nữ buồn tủi. Nhưng điều đáng thương tâm hơn cả không phải là cái hình thù xấu xí, nực cười của cô ả mà chính là thái độ ngây thơ và chân thành trong khi cô ả kể lại chuyện đời mình với đầy đủ các chi tiết nhỏ nhặt nhất: ngay từ khi còn là trẻ ranh, cô ả đã trốn cha mẹ để đi khiêu vũ. Sau một đêm khiêu vũ không được phép của cha mẹ, trên đường về cô ta bị một tiếng sấm nổ rạch đôi bầu trời và một tia chớp xanh lè bổ xuống biến cô thành con nhện. Thức ăn duy nhất của cô ả là những viên thịt băm người ta vui vẻ ném vào mồm ả. Một tích chuyện như thế tự nó mang một sự thật nhân bản và một bài học đáng sợ, nó đã đánh bại một cách không

thương tiếc cái trò đi xem vị thần già nua không làm được trò trống gì ngoài việc đủ can đảm nhìn vào cái chết. Ngoài ra, những phép màu hiếm hoi mà người ta cố gán cho vị thần già chẳng có sức thuyết phục, tỉ như phép màu mà ngài chữa bệnh cho một ông mù thì ông mù không lành mắt lại mọc thêm được ba răng, như phép màu ngài dùng để trị bệnh cho kẻ bị bại liệt thì kẻ này không khỏi bệnh mà lại suýt nữa trúng số độc đắc hoặc phép màu ngài dùng để trị bệnh cho một người hủi thì người hủi không lành bệnh mà lại thấy những cây hướng dương mọc lên quanh những vết lở loét. Đứng ra những phép màu này giống những lời đùa tếu bông lơn đã đánh tan thanh danh của vị thần già khi gánh xiếc có người con gái bị biến thành con nhện đến làng. Đó là nguyên nhân khiến đức cha khỏi bệnh lắm cảm giúp cho sân nhà Pêladô trở lại khung cảnh vắng vẻ như cái hồi mưa ba ngày liền khiến cua thi nhau bò lồm cồm khắp các phòng trong ngôi nhà.

Chủ nhà chẳng có lý do gì để mà phải ca thán. Với số vốn lớn thu được họ làm một ngôi nhà hai tầng, có ban công và vườn hoa, chân tường ốp gạch men để cho cua không thể bò vào được phòng trong những ngày mưa to gió lớn và tại các cửa sổ lưới thép được chăng lên không để một vị thần nào có thể chui vào trong nhà. Pêladô còn cho lập một trại nuôi thỏ ngay cạnh làng và xin thôi không làm trươg tuần nữa. Elixenda mua những đôi giày cao gót và khá nhiều váy có lụa y hệt y phục các bà mệnh phụ thường dùng trong các ngày lễ tết. Chỉ riêng chuồng gà là nơi họ không thêm quan tâm. Nếu như có vài lần họ cọ rửa và xông lá thơm bên trong chuồng không phải để thờ phụng vị thần già mà chính là để tẩy uế cái mùi hôi thối lớn vờn khắp khu nhà như một hồn ma và nó làm cho ngôi nhà ngày một cũ đi. Lúc đầu, khi đứa bé mới lẫm chẫm biết đi, họ chú ý trông nom nó, không cho nó đến gần chuồng gà. Nhưng rồi họ cũng quên đi nỗi sợ hãi và bắt đầu làm quen với cái mùi hôi khó chịu kia và trước khi đứa trẻ thay răng sữa, nó đã vào chơi ngay trong chuồng gà làm cho sắt gỉ rơi lả tả từng mảng một. Vị thần khó chịu trước thằng bé hiếu động nhưng đã cố sức chịu đựng nó với tinh thần nhẫn nhục của một con chó đã rũ sạch mọi ảo tưởng. Cùng một lúc đứa trẻ và vị thần già đều bị bệnh

thủy đậu. Viên bác sĩ lo điều trị cho đứa trẻ không thể tìm được lòng thương hại đã lấy ống nghe khám bệnh cho vị thần già và ông ta cũng nhận thấy tim vị thần già đập nhanh quá và trong thận ông già có nhiều tiếng sôi khiến ông ta cảm thấy rằng vị thần già khó mà sống nổi. Tuy nhiên điều khiến ông ta ngạc nhiên hơn cả tính chất logic của đôi cánh. Chúng rất tự nhiên trong cái bộ phận hoàn toàn người của vị thần già khiến bác sĩ không hiểu vì sao ở những người đàn ông khác lại không có cánh.

Khi đứa trẻ đi học, nắng mưa đã phá sập chuồng gà từ lâu. Vị thần già lê đôi cánh đi lại đây đó như một kẻ mộng du. Vợ chồng Pêladô vừa đuổi vị thần già ra khỏi phòng ngủ thì ngay sau đó lại thấy ngài có mặt trong nhà bếp. Dường như cùng một lúc vị thần già có mặt ở khắp mọi nơi trong ngôi nhà địa ngục đầy ma quái. Vị thần già hầu như không ăn và đôi mắt trong của ngài lại ngầu đục và thế là ngài đi mà cứ va vấp hoài vào cột nhà, đôi cánh ngài trụi hết lông. Pêladô lấy chăn đắp lên lưng cho vị thần già và cho ngài nằm trong nhà và chỉ đến khi ấy anh ta mới nhận ra rằng ngài lên cơn sốt suốt đêm và trong lúc lên cơn sốt ngài lẩm bầm nói thứ giọng khó hiểu của người Nôruegô cổ xưa. Đó là một trong những lần hiếm có, họ phải ngạc nhiên bởi ý nghĩ vị thần già sẽ chết và ngay cả bà hàng xóm thông thái cũng không thể bảo họ cần phải làm gì khi trước thần chết.

Tuy nhiên vị thần già không những không chết trong ngày đông tháng giá mà còn tươi tỉnh khi mặt trời thức dậy. Nhiều ngày, ngài nằm im trong góc sân biệt lập, không mấy ai nhìn thấy ngài và vào những ngày đầu tháng Chạp bỗng trên đôi cánh ngài mọc ra một ít lông to và cứng, đó là những chiếc lông của con chim già nua, chúng là những biểu hiện của tuổi già lão. Nhưng có lẽ chính vị thần hiểu mình hơn ai hết về những lý do thay đổi ấy bởi vì ngài tự chăm nom mình cẩn thận hơn, để không một ai nhận ra ngài, để không một ai nghe thấy tiếng hát của những người đi biển mà đôi lúc hình như họ đang ca hát bên dưới các vì sao. Một buổi sáng nọ, trong lúc Elixenđa đang ngồi thái hành chuẩn bị bữa cơm trưa thì nghe thấy một cơn gió hình như từ ngoài khơi lọt vào nhà bếp. Thế là Elixenđa liền thò đầu qua cửa sổ và cô ngạc nhiên thấy

vị thần già đang chuẩn bị cất cánh bay. Lúc đầu là những cú vẩy cánh hãy còn ngượng nghịu cuốn bụi bay theo và xuýt nữa làm đổ cả mái hiên. Nhưng rồi cuối cùng, vị thần đã bay được và ngày càng bay cao. Elixenda thở phào một cách nhẹ nhõm khi chị ta nhìn thấy ngài hiên ngang vẩy đôi cánh vĩ đại của con đại bàng. Cô ta tiếp tục nhìn theo cho đến khi hình bóng vị thần già mất hút ở đường chân trời, ấy là khi chị gọt thái hành xong, bởi vì lúc ấy không phải là lúc vất vả của đời chị mà đúng hơn lúc ấy là một điểm tưởng tượng trong đường chân trời ngoài biển cả mênh mông.

Nguyễn Trung Đức dịch

Alan marshall
(Australia)

TRĂNG MỘC THỂ NÀO

Phía sau quần đảo nhô ra từ biển sâu, cây cối mọc lên rậm rạp. Trên một vài hòn đảo, nước biển bị giữ lại nhiều vũng trở thành những phá nước mặn. Trong phá có nhiều cá.

Thuở ấy có hai chị em nhà họ tên là Nakari và Kurramara đến đảo để tìm thức ăn. Nakari có một đứa con, cô cõng nó trên lưng.

Bribie là một hòn đảo trẻ, rừng cây mới mọc còn chưa có lối mòn. Hai chị em bị lạc lối giữa rừng và không thể tìm thấy đường đi. Họ đi cho tới khi đến giữa đảo nơi có trăng cỏ. Gần trăng cỏ có một phá nước mặn.

“Chúng ta sẽ cắm trại ở đây”, Nakari nói. “Chỗ này được đấy”. Cô đặt đứa bé lên đám cỏ cây mềm, nó ngủ.

Hai chị em dựng một cái lều nhỏ bằng vỏ cây mia mia rồi đến phá xiên cá. Họ bắt được một con cá to khác hẳn với tất cả những con cá khác. Nó tròn vành vạnh và tỏa bóng như mặt trăng.

Họ mang nó về trại rồi nhóm lửa nướng. Họ đợi cho tới khi củi cháy hết thành than rồi đặt con cá lên đồng than và phủ tro lên nó.

“Đây là một con cá lớn”, Kurramara nói. “Sẽ mất nhiều thời gian để nướng đấy. Trong khi nướng chúng ta sẽ tìm củi”.

Hai chị em mang theo những cây gậy chọc củi và đi vào trong bụi rậm, nơi những dây leo bám xung quanh thân cây, những chiếc lá màu xanh sáng rủ xuống từ các nhánh cây.

Họ nhét đầy củ mỡ vào những chiếc túi chuyên dụng rồi quay trở lại khu lều. Nakari vội vàng đến bên đồng lửa vì cô đã đói. Cô nhìn vào đồng tro than rồi hét to lên với Kurramara:

“Em à, đến đây. Con cá của chúng ta đã biến mất rồi”.

Kurramara chạy đến bên cô, họ cùng nhìn vào đám tro đã bị tãi ra quanh đồng lửa, than cũng bị hất ra một bên.

Rồi họ thấy một vạch tro dẫn ra khỏi đồng lửa, một con đường nhỏ làm bằng tro rơi ra từ con cá khi nó bỏ trốn.

Hai chị em, Kurramara và Nakari đi theo sau vết tro ấy, xuyên qua rừng cây. Họ bám theo cho tới khi vạch tro mất dấu ở gốc một cây gỗ đỏ cao.

“Con cá sẽ ở đây”, Kurramara nói, “không còn dấu đi tiếp từ cái cây này”.

Họ nhìn lên cây, con cá đã leo được nửa đường.

“Chị này, quay lại lều lấy những cái xiên và gậy chọc củ mỡ lại đây”, Kurramara nói. “Em sẽ trông con cá lúc chị đi”.

Nakari chạy trở lại lều còn Kurramara ở lại. Cô ném những cái que lên chỗ con cá nhưng nó trèo lên cao hơn và cô không thể chọc tới được.

Khi Nakari quay lại, hai chị em cô phóng xiên vào con cá nhưng nó lại trèo lên cao hơn, cao hơn nữa trên thân cây. Họ ném những chiếc gậy chọc củ mỡ vào nó nhưng nó càng trèo lên cao hơn nữa khiến họ không thể ném tới được.

Nakari đói và cô bắt đầu khóc.

“Em ơi, lẽ ra một trong hai chúng ta phải ở lại chỗ đồng lửa để canh con cá đó thì nó sẽ không thoát được. Bây giờ chúng ta chỉ còn củ mỡ để ăn thôi mà chị thì đang đói”.

“Khi con cá leo lên cành cây, cành cây sẽ gãy và nó sẽ rơi xuống”, Kurramara nói. “Chúng ta cứ đợi”.

Họ đợi cả ngày hôm đó cho tới khi đêm xuống và bóng tối trùm lên cái cây, con cá chuyền đi từ các cành cây rồi tiến về phía Tây băng qua bầu trời như một luồng sáng.

Hai chị em quay trở lại căn lều, sáng hôm sau họ đi cho tới khi đến bờ biển. Nakari đặt con nằm trên cát, quấn nó trong tấm mền bằng da thú ôpốt trong khi cô và Kurramara đi tìm sò. Họ đi từ tảng đá này sang tảng đá khác; trong lúc họ đi xa, thủy triều đã dâng lên, những con sóng lớn ào đến, chồm lên người đứa trẻ. Cát bị sóng cuốn trôi trùm lên nó cho tới khi chỉ còn một bàn chân lộ ra trên biển.

Khi hai chị em quay lại, Nakari trông thấy bàn chân, cô khóc nức nở và bơi đưa bé lên, nhưng nó đã chết.

Hai chị em chôn đứa trẻ trên bờ biển và rời đi, nhưng Nakari cứ ngoái nhìn lại nhiều lần khi họ bước đi. Rồi cô dừng hẳn lại, Kurramara phải kéo tay và dẫn cô đi, sau đó cô không nhìn lại nữa.

Họ cứ đi mãi cho tới khi đến một eo biển giữa đảo và đất liền, bên kia eo biển là Caloundra.

Họ cùng nhau bơi qua eo biển và thấy mấy cái hang dọc theo bờ biển. Đêm đó họ ngủ ở một trong những cái hang ấy, sáng hôm sau họ men theo bờ biển cho tới khi đến mũi Mooloolah. Họ bơi qua và đến bờ biển Maroochy.

Ngoài khơi là một hòn đảo tên là Mudjimba. Hai chị em đứng nhìn, đột nhiên trong không gian một cây gỗ khổng lồ mọc ra, vươn qua ngang biển, nối từ bờ ra đến đảo.

Naraki và Kurramara đi qua cây gỗ ấy, khi họ bước lên đảo, cây gỗ liền biến mất. Họ đứng trên đảo, không còn đường quay lại.

“Chị, chị thấy nơi này thế nào?” Kurramara hỏi. “Bây giờ chúng ta sẽ sống ở đây mãi mãi. Chúng ta sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Bây giờ đây là chỗ ở của chúng ta. Chúng ta không bao giờ có thể bơi trở lại được”.

“Chị thích nơi này nếu như ở đây có thức ăn”, Nakari nói. “Chị sẽ muốn sống ở đây mãi mãi. ở nơi này chúng ta sẽ ăn gì?”

“Chúng ta sẽ ăn mít, cá, cua và củ mỡ”, Kurramara nói. “Có nhiều thức ăn ở đây”.

Họ nhóm lửa rồi ngồi ngay trước đồng lửa ấy vì họ đã mệt. Khói từ đồng lửa không lan rộng ra mà quyện vào nhau bốc thẳng lên trời.

Đêm xuống, họ nhìn lên và thấy mặt trăng.

“Ôi! Em nhìn kìa, đó là con cá mà chúng ta đã bắt!” Nakari hét lên.

Cả hai quan sát mặt trăng và cùng thấy buồn vì đó là con cá lớn nhất trong tất cả số cá đã xổng thoát của họ.

Đêm hôm sau họ lại ngắm trăng và thấy nó nhỏ hơn, như thể có ai đó đang ăn nó.

Mỗi đêm nó đều bị ăn đi cho tới khi chỉ còn một nửa con cá, cho tới khi chỉ còn một phần tư con cá, cho tới khi chỉ còn đường viền tròn của con cá sót lại. Đêm tiếp theo sau đó không còn gì cả.

“Nó đã bị ăn hết”, Kurramara nói. “Con cá của chúng ta đã biến mất”.

Và giờ đây, trong tất cả những đêm sáng trăng về sau, hai chị em lại ngồi xem con cá của mình bị ăn dần. Và khói từ đồng lửa trại của họ cuộn lên, luôn có thể được nhìn thấy vào ban ngày, mặc dù chúng như thể luồng không khí mà bạn có thể bước qua mà không biết nó hiện diện ở đâu.

Đào Thu Hằng dịch

BÀI CA MẶT TRỜI

“Đó là con vịt, phải không?”

“Đâu?”

“Nó vừa đáp xuống mặt nước kia. Đợi một chút. Bây giờ chú có thể thấy nó. Đây, gần đám bèo kia kia”.

Người đàn ông đang nằm trên mặt đất chống khuỷu tay nhòm người dậy. Chiếc áo khoác ngoài của ông ta phanh ra. Những giọt nước lấp lánh trên bộ ngực trần của ông.

Mái tóc ông ướt. Bộ quân phục A.I.F gấp lại đặt bên cạnh. Chàng trai trẻ đứng thẳng cách ông ta chừng vài mét. Cậu đang mặc chiếc quần tắm. Cơ thể cậu râm nâu vì ánh mặt trời.

Nước đầm lầy len lỏi qua đám cỏ thưa thớt gần như đến sát chân họ. Những cuống bèo chết đen sẫm lại, tương phản với ánh sáng lấp lánh. Xa hơn ở bên ngoài, giữa đám cỏ bậc, nước sâu hơn. Phía sau đó, những cây bạch đàn đỏ sà xuống, quét lá lên dòng nước.

“Một hay hai con vậy?” người đàn ông hỏi, nhìn về phía đầm lầy.

“Hai con, cháu nghĩ thế. Chúng luôn luôn đi thành đôi, phải không?”

“Thường thế, chú không thể trông thấy chúng. Cháu bảo chỗ nào?”

“Phía bên kia kia”, chàng trai chỉ. “Bây giờ chú đã thấy chưa?”

“Rồi. Đúng đấy!”.

“Đó là một con vịt, phải không?”

“Chắc chắn đó là một con vịt”.

“Trông nó có vẻ nhỏ nhỉ?”

“Chúng luôn nhỏ như thế khi đang bơi. Cháu biết đấy, một phần cơ thể của nó chìm trong nước mà. Chú không thể nhìn thấy con kia”.

“Chắc hẳn chỉ có một con thôi. Cháu đã nghĩ là có hai con. Chúng ta sẽ quay lại lấy súng chứ?”

Chàng trai háo hức. Câu hỏi biểu lộ sự cầu khẩn.

“à... ờ... ừ. Chúng ta có thể làm thế”, người đàn ông nói chậm chậm.

Ông quan sát con vịt với sự háo hức tăng dần.

“Dường như nó thú vị cái gì đó thì phải? Hãy nhìn cái cách nó quay đầu kia. Nó nhìn mọi thứ. Hình như nó là một con vịt con”, ông nói thêm với vẻ thăm dò.

“Chúng ta sẽ lấy súng chứ?” chàng trai trở nên nôn nóng. “Khi chúng ta trở lại thành phố cháu muốn kể với mọi người rằng cháu đã bắn được một con vịt”.

“Ta hãy ngắm nó thêm một chút”, người đàn ông nài nỉ. “Chú không thể gạt bỏ ý nghĩ là nó đang vui vẻ. Nó giống một người đàn ông về nhà trong kỳ nghỉ phép. Cháu có thấy nó đậu xuống không?”

“Có. Nó bay ở đó. Cháu thấy nó lướt trên mặt nước. Bây giờ ta sẽ đi chứ ạ? “

“Lạ thật, nó sống một mình”, người đàn ông lẩm bẩm. “Chú không thể hiểu được vì sao nó lại hạnh phúc khi nó cô đơn như thế! Nhìn kia, nó đang tiến về phía chúng ta! Kỳ chưa, ngộ quá! Không biết nó đã được thuần hóa chưa?”

“Nhanh lên. Ta hãy quay lại lấy súng”.

“Được rồi”, người đàn ông nói một cách cam chịu. “Cháu đi mà lấy. Chú sẽ canh chừng con vịt”.

Chàng trai xỏ vội đôi giày đi cát vào.

“Chú đừng làm nó sợ nhé!” Cậu lo lắng nói.

Cậu di chuyển một cách lặng lẽ, bước đi nhẹ nhàng giữa những cành cây khô rụng bừa bãi trên mặt đất dưới rừng bạch đàn ven bờ. Khu trại nằm trên đỉnh ngọn đồi nhìn ra đầm lầy. Cậu bắt đầu chạy.

Con vịt đập nhẹ cái đuôi và luồn lách giữa bãi cỏ đầm lầy. Nó tiến vào trong dòng nước giữa bụi cỏ bắc, ngó nghiêng cái đầu rất linh hoạt. Đột nhiên nó xù lông lên, đập nước trong khi vỗ cánh.

Rồi nó đậu xuống với vẻ thoả mãn và tiếp tục cuộc hành trình hào hứng của mình.

Người đàn ông dợm bước. Ông biểu lộ sự chăm chú, nhưng một nỗi buồn xa xôi nào đó đã đến với ông, đôi môi ông run run. Ông quan sát chú vịt nhỏ với sự chăm chú nảy sinh từ nhu cầu cần thiết nào đó.

Ông muốn giữ nó gần gũi trong tay mình, để cảm nhận nhịp đập ấm áp của trái tim nó, để cảm nhận được sự sống ngập tràn, cảm nhận cái sức mạnh có thể nâng nó lên cao hơn cả đám mây...

Ông có vẻ nôn nóng muốn nắm bắt điều đó và cái ấy như thể một món tài sản quý giá - cái thứ đang bị tước đoạt khỏi ông.

Con vịt sống hồn nhiên, không vương bận bụi trần, cuộc sống của những ao hồ êm đềm lặng gió, được bao quanh bởi những đám cỏ bắc, nơi không có bất kỳ tiếng động nào phá vỡ bầu không khí hoà bình; nơi bầu trời tinh khiết không bao giờ rền vang nỗi kinh hoàng; và cả ánh mặt trời lấp lánh cũng không bị cắt chia vì ánh thép.

Nó có thể ngấm nhìn nghe ngóng mà không phải sợ những điều nhìn thấy nghe thấy. Nó có thể hoà mình trong bài ca mặt trời... Bên trên những khu rừng nghi ngút tỏa hơi..

Ông xiết chặt tay lại.

Đêm đó Jim ở bên ông khi bọn Nhật tiến vào New Britain... mặt nước đen ngòm ì oạp... ánh sáng báo hiệu màu xanh... cuộc đổ bộ.

“Cứ để chúng vào”.

Những tiếng gào... tiếng thét.

“Ném thẳng vào chúng...”

Bờ biển Ranuala, súng máy của họ quét như mưa qua hàng rào... và Jim lắm bầm mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp... Bình minh... máu... giết chóc... Những con sóng đỏ sậm nặng nề bởi gánh nặng của những xác chết... những cái xác nhô lên chìm xuống - nhẹ

nhàng nhô lên trông tránh đầy khinh bỉ. Xà lan nối đuôi nhau trên những đợt sóng cuộn cuộn xác người.

Bọn Nhật bị kẹt trong hàng rào. Họ kiểm soát chúng, họ đồn chúng như gặt lúa mì. Nhưng chúng vẫn tiến lên - kẻ sống vượt qua người chết; người chết chất đầy khu chướng ngại vật mà phía sau đó những chiếc xà lan chết tiệt đang cày sâu xuống cát.

Muối đầy miệng ông... nhịp tim ông khô khốc... Rồi tiếng rên và tiếng gục ngã...

Và Jim: “Bị vào chỗ nào? Nói đi. Lạy Chúa!”

“Không nặng đâu. Tao ổn thôi”.

Lảo đảo, sụp đổ, bọn Nhật mang cái chết của chúng vượt qua hàng rào.

Chúng trèo lên nhau: chúng đạp nhau xuống. Chúng ào lên như lũ châu chấu trong nạn dịch.

Rồi tiếng nổ cuối cùng... và cánh rừng... và con đường hồi hương dài dằng dặc.

Ôi! Chết chóc! Chết chóc! Chết chóc!

Ông quay lại và thấy chàng trai mang khẩu súng chạy về phía mình. Ông lại nhìn con vịt.

Nó bơi lướt qua vùng nước trống làm vỡ oà làn nước bạc trong ánh sáng lấp lánh.

Ông nhặt một cái que dưới mặt đất và ném nó làm toé nước lên bên cạnh con vịt.

Con vịt nhóm dậy, đôi chân rẽ nước khi nó bay là là trên mặt nước. Nó bay lên cao và lượn tròn, nghiêng người tránh gió để trong giây lát ông nhìn thấy sải cánh đầy đặn ở mỗi bên người màu nâu của nó.

Bay ra xa, nó lại hạ cánh.

“à, ra thế”, chàng trai thở hắt hển bức bối. “Bây giờ chúng ta không bao giờ bắn được nó”.

Người đàn ông cầm lấy bộ quân phục.

"Ừ, bây giờ chúng ta sẽ không bao giờ bắt được nó nữa", ông nói.

Đào Thu Hằng dịch

Bobbie Ann Mason
(Mĩ)

SHILOH

Norma Jean, vợ của Leroy Moffitt, đang luyện tập. Cô nâng những quả tạ ba pound để làm ấm người lên, sau đó chuyển qua nâng tạ đôi 20 pound. Trong tư thế đứng dạng chân, cô gọi Leroy nhớ đến Người Đàn Bà Xa Lạ.

"Em sẽ làm tất cả mọi điều mà em có thể làm được cho cơ bắp này thật sự săn chắc", Norma Jean nói. "Cái tay này này. Em cảm thấy nó không được rắn bằng tay kia".

"Chỉ vì em thuận tay phải thôi, có sao đâu", - Leroy nói, bước né sang bên trong khi Norma quay tạ theo hình vòng cung.

"Anh nghĩ thế à?"

"Chắc chắn rồi".

Leroy là tài xế xe tải. Anh bị thương ở chân trong một tai nạn trên đường cao tốc đã bốn tháng nay và phải tập luyện phục hồi chức năng với một ròng rọc cùng những quả tạ nặng. Điều đó gợi ý cho Norma Jean tập thử tạ để rèn luyện thể hình. Hiện cô đang dự một lớp thể dục thẩm mĩ. Leroy trở nên tàn tật từ khi chiếc xe tải kéo rơmooc của anh bị chồm rúm lại và đột ngột lật qua một bên, ở Missouri, và chân trái anh kẹp dí trong cabin. Giờ đây, nơi xương háng của anh có một cái ghim bằng thép. Có lẽ anh chẳng bao giờ lái xe nữa. Chiếc xe nằm trong sân sau, như một con chim khổng lồ đã kết thúc chuyến bay, xếp cánh trong tổ. Leroy trở về nhà ở Kentuckey từ ba tháng nay, chân đã gần lành, nhưng tai nạn làm anh hãi và anh chẳng muốn lái xe tiếp. Leroy chưa biết phải làm gì sau đó. Hiện giờ anh làm những thứ đồ thủ công. Anh bắt đầu bằng việc dựng chòi gỗ với những que popsicle có vết

khía hình chữ V. Anh đánh vécnì rồi đặt căn nhà gỗ nhỏ bé ấy lên trên tivi. Cái nhà gỗ gợi anh nhớ về một lễ Giáng Sinh đơn sơ, mộc mạc. Rồi anh làm cái thuyền buồm bằng nhung đen; một con cú mèo bằng tua, ren; một pháo đài bay B17, một cây đèn theo hình xe tải, với nút điều chỉnh ánh sáng gắn vào đầu buồng lái. Thoạt tiên, những vật anh làm ra chỉ để tiêu khiển, một số chỉ để giết thời gian, nhưng bây giờ thì anh đã nghĩ tới việc dựng một ngôi nhà gỗ to bằng khuôn khổ thật. Nó sẽ rẻ hơn xây một ngôi nhà bình thường nhiều lần và hơn nữa, Leroy đã đủ trưởng thành để hiểu giá trị của ngôi nhà gỗ sẽ được dựng lên kia. Anh bắt đầu nhận ra rằng tất cả những năm qua của đời anh trên những con đường rong ruổi, anh chẳng có thời gian để thể nghiệm bất cứ cái gì. Anh gần như bay lướt qua cảnh vật quá khứ.

"Người ta sẽ chẳng cho anh xây một căn nhà gỗ trong bất kì khu vực cư trú hiện đại nào đâu", Norma Jean nói với anh.

"Họ sẽ cho phép nếu đó là ngôi nhà gỗ dành cho em", anh chòng ghẹo cô. Từ khi cưới nhau, anh đã hứa một ngày nào đó sẽ xây cho Norma Jean một căn nhà mới. Họ thường thuê nhà để ở, căn nhà ở thật nhỏ bé và chả có gì đặc biệt, nó lẫn lộn nhạt nhòa giữa muôn vàn căn nhà khác. Nó thậm chí chẳng ra một ngôi nhà nữa, bây giờ thì Leroy nhận thấy vậy.

Norma Jean làm việc ở hiệu thuốc Rexall. Cô biết rất nhiều về các mỹ phẩm. Khi cô giải thích cho Leroy nghe ba loại sản phẩm chăm sóc da, và liên quan đến kem, chất dưỡng da và chất làm ẩm da thì anh lại khoan khoái nghĩ đến các sản phẩm hoá dầu khác như mỡ bôi trơn trục xe, dầu diesel. Đó là một liên hệ nối anh với Norma Jean. Từ khi thôi lái xe, trở về nhà, anh cảm thấy một tình âu yếm dịu dàng khác thường đối với vợ và hối hận về lỗi lầm do những chuyến đi xa nhà lâu ngày của mình. Nhưng anh không thể hiểu cô nghĩ gì về anh. Norma Jean chẳng bao giờ phàn nàn về việc đi xa của anh, cô không khi nào nói những lời dằn vặt, như gọi cái xe tải của anh là "kẻ tạo ra những goá phụ" chẳng hạn. Anh tin rằng cô chung thủy với anh, nhưng anh ước sao cô đón mừng về việc anh sẽ ở nhà với cô lâu dài một cách phấn chấn hơn. Norma Jean thường hơi giật mình khi thấy Leroy trong nhà, và anh cho

rằng cô có lẽ thất vọng chút ít về điều đó. Có lẽ anh đã khiến cô hồi tưởng nhiều đến những ngày đầu tiên sau đám cưới, trước khi anh đi lái xe. Họ từng có một đứa con. Nhưng nó mất từ mấy năm trước. Họ không bao giờ nói tới những kỉ niệm về Randy, những kỉ niệm đó hầu như đã phai nhạt. Nhưng giờ đây khi Leroy thường xuyên ở nhà, đôi khi họ cảm thấy một bầu không khí ngưng ngập, lúng túng quanh mình. Và Leroy tự hỏi phải chăng anh hay cô lại sắp nói đến đứa bé. Anh cảm thấy họ vừa cùng tỉnh thức khỏi một giấc mơ - họ phải sáng tạo một cuộc hôn nhân mới, họ phải bắt đầu lại tất cả, từ đầu. Anh và cô may mắn vì họ vẫn còn sống với nhau - Leroy đã đọc thấy người ta viết ở đâu đó rằng phần lớn những đôi vợ chồng mất con đều làm hỏng cuộc hôn nhân của họ - hoặc có lẽ anh đã nghe nói về điều đó trên chương trình Donahue. Anh không bao giờ có thể nhớ nổi anh đã học được điều này điều nọ ở đâu nữa.

Ngày Noel, Leroy mua cho Norma Jean một cây đàn organ điện tử. Cô đã từng chơi piano khi học đại học. Có lần cô nói với anh: "Không bao giờ quên được. Cũng như đi xe đạp vậy".

Nhạc cụ mới có nhiều phím và nút bấm đến nỗi thoát tiên làm cô hết sức bối rối. Cô lướt tay thử trên các phím đàn, bấm vài nốt rồi nhấn vào "Chopsticks". Vang lên một nhịp điệu fox-trot nhanh, dồn, với tiến kèn marimba.

"Hợp tấu!" - cô kêu lên.

Cây đàn organ có nút tắt trông giống một quả hồ đào và mười tám hòa âm đã được cài đặt, với sự phụ hoạ của sáo, violon, trumpet, clarinet, banjo tùy ý chọn. Norma Jean gần như ngay lập tức làm chủ được cây đàn. Trước tiên, cô chơi những bài ca Noel. Rồi cô mua về cuốn Sáu mươi bài hát và học tất cả các giai điệu nhạc trong đó, thêm vào những biến tấu cho mỗi điệu bằng cách dùng những hàng phím màu sáng.

"Em không thích những bài ca cũ quay trở lại", cô nói. "Nhưng em có cảm giác điên rồ rằng em đã đánh mất điều gì đó, nuối tiếc điều gì đó".

"Em không mất mát, tiếc nhớ gì đâu", Leroy bảo.

Leroy thích nằm trên đi văng, hút một điếu thuốc nặng và nghe Norma Jean chơi bài Anh không thể nhìn em và Anh sẽ trở về. Anh đã trở về. Sau mười lăm năm trên những con đường, cuối cùng anh đã dừng lại bên người đàn bà anh yêu. Cô vẫn còn xinh đẹp. Da cô mịn màng, tươi tắn. Những lọn tóc quăn đã điểm bạc giống những nét vờn được phác vẽ tô điểm bằng bút chì.



Giờ đây khi trở về nhà, Leroy bỗng nhận ra thị trấn này đã thay đổi biết bao nhiêu. Những khu cư dân đang mọc lên dọc phía Tây Kentucky như một lớp dầu loang. Tấm biển ở rìa thị trấn ghi: Dân số: 11.500 người - nhiều hơn con số ghi hai mươi năm trước chừng 700 người. Leroy không thể tính được số người đang sống trong những ngôi nhà mới xây. Cảnh những người nông dân mỗi chiều thứ bảy tụ tập tới khuôn viên của tòa án để chơi cờ đam và nhai thuốc lá rồi khạc nhổ nước bã, giờ đây không còn đâu nữa. Lâu lắm rồi, anh không còn nghĩ đến những người nông dân ấy và họ đã hoàn toàn biến mất trong tâm trí anh.

Leroy gặp chú bé Stevia Hamilton ở bãi đỗ xe gần trung tâm thương mại mới mở. Trong khi họ làm bộ như những người xa lạ tình cờ gặp nhau trên một chiếc xe bị nhồi nhét chật chội, Stevie quẳng một ounce cỏ marifwana xuống dưới ghế trên trong xe của Leroy. Stevie mặc chiếc áo thun có dòng chữ chattahoochee super rat (Chuột lưng danh Chatta-hoochee) và đi một đôi giày cưỡi ngựa màu cam. Cha cậu bé là một bác sĩ quan trọng, sống trong một khu nhà đất tiền mới xây bằng gạch màu trắng, giống như nhà tang lễ trong danh bạ điện thoại, dưới tên cậu ta có một con số riêng, với dòng viết nghiêng: thiếu niên.

"Cậu lấy cái của này ở đâu ra đấy?" Leroy hỏi. "Của ba cậu hả?"

"Tôi không cần biết, còn ông, không cần phải hỏi" Stevie bảo. Cậu ta có đôi mắt ti hí, người ồm nồm ồm nhách.

"Cậu còn thủ được cái gì khác nữa không?"

"Ông quan tâm làm gì?"

"Không có gì đặc biệt cả. Chỉ hỏi thế thôi?"

Leroy từng phóng rất nhanh trên đường. Nhưng giờ đây Leroy phải đi chậm. Anh cần chín chắn lại. Anh ngả lưng vào ghế xe và nói: "Tôi đang định dựng cho mình một căn nhà bằng gỗ, chừng nào rảnh rỗi. Tuy rằng tôi không nghĩ là vợ tôi thích thú cái kế hoạch này".

"Ồ, khi nào cần tôi, ông cứ bảo", - Stevie nói. Cậu ta cầm một điều thuốc trong bàn tay khum lại, như muốn che gió. Cậu ta lê chân chậm chạp trên đường, vứt điều thuốc xuống rồi đi khuất, dáng đi lòng không, vai thõng xuống.

Ở đại học, cha của Stevie học trên Leroy hai năm. Nay anh ba mươi tư tuổi. Anh và Norma Jean cưới nhau khi cả hai đều mười tám tuổi và sinh Randy mấy tháng sau đó. Đứa bé chết lúc mới được bốn tháng ba ngày. Nếu còn, bây giờ nó đã bằng tuổi Stevie. Norma Jean và Leroy đang ngồi trên xe hơi, vừa ăn vừa xem một tiết mục kép (Bác sĩ Strangelove và Tình yêu trở lại) còn đứa bé ngủ ở ghế sau. Khi bộ phim thứ nhất kết thúc, đứa bé đã chết. Đó là hội chứng đột tử của trẻ sơ sinh. Leroy nhớ đã ôm Randy tới đưa cho một cô y tá ở phòng cấp cứu, cứ như thể anh tặng cô ta một con búp bê lớn. Đứa bé đã chết giống như một túi bột. "Điều này đôi khi xảy ra", - bác sĩ nói, bằng cái giọng Leroy nhớ là rất hững hờ, lãnh đạm. Leroy hầu như không thể nhớ đứa bé nữa, nhưng anh vẫn còn thấy, hết sức sống động một cảnh trong phim Bác sĩ Strangelove, trong đó Tổng thống Mỹ giọng thân mật đang trao đổi với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô (cũ) về chiếc máy bay ném bom đã vô tình nhằm hướng nước Nga. Ông ta ngồi trong Phòng Chiến Tranh, tám bản đồ thế giới được chiếu sáng. Leroy nhớ Norma Jean kinh hoàng đứng bên anh trong bệnh viện, lúc đó anh tự nhủ: "Cô gái này là ai?", anh không còn nhớ nổi cô là ai. Ngày nay, các nhà khoa học bảo rằng cái chết trên giường của trẻ sơ sinh như vậy do một loại virus gây ra. Chẳng ai biết cái quái gì cả, Leroy nghĩ. Những câu trả lời luôn luôn khác nhau.

Khi Leroy từ trung tâm thương mại về đến nhà, anh thấy bà Mabel Beasley, mẹ của Norma Jean. Đến bây giờ Leroy vẫn không hiểu được Mabel Beasley dành bao nhiêu thời gian cho Norma Jean. Khi đến thăm, bà khám xét từng căn phòng và từng cái cây trong vườn. Bà báo cho Norma Jean cây nào rũ xuống, cây nào úa vàng. Mabel gọi chúng là những cây hoa dù chúng chẳng bao giờ nở hoa cả. Bà cũng sẽ nhắc nhở nếu quần áo chưa giặt ủi của Norma Jean dồn đống nhiều lên. Mabel là một phụ nữ thấp lùn, mập mạp, những búp tóc nhuộm nâu của bà nom giống tóc giả hơn cả búi tóc giả mà bà đôi khi dùng. Hôm nay bà mang đến cho Norma Jean một chiếc khăn trải giường trắng muốt tự làm. Mabel làm việc trong một cửa hiệu bán nệm ghế, mền, thảm.

"Đây là cái thứ mười mẹ đã làm trong năm nay", Mabel nói. "Mẹ bắt tay vào làm và không sao dừng lại được".

"Nó thực là đẹp ạ", Norma Jean nói.

"Bây giờ chúng ta có thể giấu các thứ xuống dưới gầm giường được rồi! Leroy nói. Anh sống hòa thuận được với mẹ vợ chủ yếu nhờ những câu đùa vui với bà. Thực ra, không bao giờ bà tha thứ cho anh tội đã sỉ nhục bà khi làm cho Norma Jean có bầu. Khi đứa bé chết, bà bảo rằng ấy là số mệnh đã chơi khăm bà, giễu cợt bà.

"Cái gì thế này?" Mabel cao giọng hỏi Leroy khi bà chỉ tay vào mớ chỉ rối trên miếng vải bạt.

Leroy cầm lên cho bà xem. "Đây là cái kim của con ấy mà", anh giải thích, "đây là khăn phủ gối".

"Việc may vá là của phụ nữ", Mabel nói. "Mới sáng ra đã có chuyện hay ho thế đấy".

"Các cầu thủ bóng đá trên tivi đều làm thế đấy, mẹ ạ", anh bảo.

"Tại sao, Leroy, tại sao anh luôn luôn cố biến tôi thành một mục ngốc? Tôi không tin được anh dù chỉ một phút. Anh không biết cái anh đang làm với bản thân mình. - Tất cả rắc rối là ở đó. Khâu vá gì cơ chứ!"

"Con định làm cho chúng con một căn nhà bằng gỗ", Leroy nói, "ngay khi con có thể thực hiện dự định của mình".

"Anh là đồ quỷ quái", - Norma Jean nói. Cô cầm cây kim của Leroy lên và nhét nó vào ngăn kéo. "Trước tiên, anh phải tìm việc làm đã. Thời buổi này, không ai đủ tiền để xây dựng nhà cửa!"

Bà Mabel chỉnh cái thắt lưng lại cho ngay ngắn và nói: "Mẹ vẫn nghĩ là trước khi các con bị ràng buộc, bận bịu, các con phải đến Shiloh".

"Một ngày nào đó, chúng con sẽ đi, mẹ ạ", Norma Jean nói, vẻ thiếu kiên nhẫn.

Bà Mabel đang nói tới Shiloh, Tennessee. Vài năm gần đây, bà luôn thúc giục Leroy và Norma Jean tới thăm chiến trường nội chiến ở đó. Mabel đã tới Shiloh vào tuần trăng mật của bà. Đó là chuyến du lịch duy nhất trong đời bà. chồng bà chết vì bệnh ung loét khi Norma Jean mới lên mười, nhưng Mabel, người đã được kết nạp vào Hiệp hội những người con gái của Liên bang năm 1975 vẫn bận tâm với việc trở lại thăm Shiloh.

"Con đã từng đi qua, đi lại khắp đất nước trên chiếc xe tải để đăng kia", Leroy nói với Mabel. "Nhưng chúng con chưa bao giờ đặt chân tới chiến địa ấy".

"Thế là thế nào? Sao con có thể bỏ qua nơi ấy được nhỉ? Nó không xa đâu", Mabel nói.

Sau khi Mabel bỏ đi, Norma Jean đọc cho Leroy nghe một danh sách dài cô viết. "Những việc anh có thể làm nhé: Anh có thể làm bảo vệ ở Union Carbide. ở đó, họ sẽ để anh ngồi trên một cái ghế. Anh có thể đến làm ở kho chứa gỗ. Anh có thể làm chút ít công việc về mộc, nếu anh muốn dựng nhà dựng cửa đến thế. Anh có thể..."

"Anh không thể làm được những việc phải đứng cả ngày".

"Anh hãy thử đứng suốt ngày sau một quầy mỹ phẩm xem. Em cũng ngạc nhiên là em có đôi chân thật khoẻ mạnh".

Norma Jean đi trong bếp và vẫn tiếp tục câu chuyện. Cô nâng đầu gối lên mỗi lần nói. Cô đeo một chiếc vòng chân 2 pound gắn những quả tạ nặng.

"Đừng lo lắng gì cả", Leroy nói. "Anh sẽ làm một việc gì đó mà".

"Anh có thể chở những con bò tới lò sát sinh. Anh sẽ không phải chở nặng đâu".

"Anh sẽ dựng cho em cái nhà này", Leroy nói. "Anh muốn làm cho em một cái nhà ra nhà".

"Em không muốn sống trong cái chòi gỗ nào hết".

"Không phải chòi. Một cái nhà mà".

"Em không thiết. Nó vẫn giống một cái chòi thôi".

"Anh và em sẽ có thể cùng nhau nâng những súc gỗ lớn này lên. Cũng chỉ như tập tạ vậy".

Norma Jean không trả lời. Cô đang vừa thở vừa đếm thầm. Bây giờ cô đang bước những bước đều trong bếp.

*
* *

Trước khi xảy ra tai nạn, mỗi lần trở về, Leroy thường ở nhà với Norma Jean, nằm trên giường xem tivi và chơi cờ. Cô sẽ làm những món anh thích: gà chiên, dăm bông, bánh sôcôla. Nay, phần lớn thời gian anh ở nhà một mình. Sáng dậy, Norma Jean đã đi khỏi, để lại chỗ nằm lạnh lẽo trên giường ngủ. Cô ăn điểm tâm bằng món bánh ngũ cốc Body Buddies và để sót lại những mẩu bánh sũng nước nổi phênh trên vũng sữa trong cái bát trên bàn. Anh nhận ra nhiều điều trước đây không hề biết về Norma Jean. Khi cất hành tây, cô nhìn xéo đi chỗ khác, như thể cô không nhìn nổi vào củ hành. Tối tối, gần như cứ đúng chín giờ thì cô xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà và nhẹ nhàng đẩy đôi giày bó của cô vào dưới đi văng. Cô để dành vụn bánh cho chim. Khi cho chim ăn, Leroy thường quan sát chúng. Anh phát hiện ra cách bay rất đặc

biệt của bọn kim tước băng qua cửa sổ. Chúng khép chặt đôi cánh, lao xuống, rồi mới dang cánh ra để giữ thăng bằng và bay lên. Anh tự hỏi không biết khi lao xuống, chúng có nhắm chặt mắt lại không. Norma Jean luôn nhắm mắt khi họ cùng nhau ân ái. Cô muốn tắt đèn đi. Mặc dầu vậy, anh vẫn biết chắc rằng cô nhắm mắt lại.

Anh lái xe lòng vòng quanh thị xã. Anh có xu hướng lái xe con không cẩn thận lắm. Tay lái cơ và hộp số tự động khiến cái xe con sao mà nhỏ bé, và thật phi lí là cơ thể anh hầu như không ăn nhập vào việc lái xe. Cái chân bị thương của anh đang rộng một cách thoải mái. Một hai lần anh suýt đụng xe, nhưng ngay cả viễn tưởng về tai nạn của một cái xe con dường như cũng chẳng ghê gớm. Anh đảo qua đảo lại những khu phố mới, cảm thấy như đang diễn tập để chuẩn bị một vụ cướp. Norma Jean hẳn có lí khi bảo rằng một cái nhà gỗ không thể phù hợp ở đây, giữa những khu phố mới xây dựng. Tất cả các ngôi nhà đều đồ sộ và phức tạp. Chúng làm anh thất vọng.

Một hôm lái xe về, Leroy thấy Norma Jean đang khóc. Cô đang làm món súp nấm, khoai tây với pho mát. Cô khóc vì bị bà mẹ bắt được đang hút thuốc.

"Em không nghe thấy tiếng chân mẹ. Em đang đứng đây, bập bập từng hơi khoan khoái". Norman Jean nói, đưa tay lau nước mắt.

"Anh biết sớm hay muộn sẽ xảy ra như thế mà", Leroy nói, vòng tay ôm quanh người cô.

"Mẹ chẳng biết nghĩa của từ "gỗ cửa" nữa", Norma Jean nói. "Thật lạ, sao mẹ lại không tóm được em từ những năm trước".

"Hãy nghĩ thế này", Leroy nói, "sẽ ra sao nếu có ngày mẹ tóm được anh hút loại thuốc có sao tẩm".

"Tốt hơn là anh đừng có để bị tóm. Em báo trước cho anh đấy, Leroy Moffitt!"

"Anh chỉ đùa thôi. Lại đây em, chơi một bản nhạc. Điều đó sẽ giúp em thư giãn". Norma Jean đặt nồi vào bếp và hẹn giờ. Rồi cô

chơi một điệu nhạc ragtime, với kèn và đàn banjo. Trong khi đó Leroy nằm trên giường, hút thuốc, cười thầm khi nghĩ đến chuyện Mabel bắt được anh. Anh nghĩ đến Stevie Hamilton - cậu quý tử của một ông bác sĩ giấu giếm giếm giếm cỏ marijuana. Tất cả mọi điều đều nực cười. Cả thị xã này có vẻ bé nhỏ và rồ dại. Anh nhớ tới Virgil Mathis, một viên cảnh sát khoác lác mà anh từng đi săn cùng. Vừa rồi, Virgil cùng một dược sĩ xông vào một phòng hậu bên hẻm nhỏ, tại đây, ông ta lôi ra được một lượng cỏ marijuana đáng giá chừng 10.000 đôla. Báo chí vẽ hình ông ta giơ cao những túi cỏ marijuana, ngoác mồm cười nhả nhổ. Giờ đây, Leroy có thể hình dung cảnh Virgil xô cửa xông vào và bắt anh, với đôi lá phổi đầy khói thuốc sao tẩm. Virgil có lẽ sẽ đột nhiên chú ý đến vì những tiếng ồn của Norma Jean. Cô đang chơi, náo động như một ban nhạc rốc nặng. Norma Jean hẳn sẽ khiếp hãi lắm. Khi cô chuyển sang nhịp latin của bản nhạc Sunshine Superman, Leroy ư ử hát hòa theo. Đôi chân Norman Jean nhún nhảy cùng điệu nhạc.

"Thế nào, em thấy sao?" - Leroy hỏi, khi Norma Jean dừng một chút để xem xét bản nhạc.

"Về cái gì cơ?"

Tâm trí anh trống rỗng. Anh nói: "Anh sẽ bán cái xe tải và dựng cho chúng ta một căn nhà". Đó không phải điều anh muốn nói. Anh muốn biết cô đang nghĩ gì - cái mà cô thực sự nghĩ về nó.

"Anh đừng quay lại với chuyện ấy làm gì", Norman Jean bảo. Cô bắt đầu chơi bản nhạc Tới đây, sẽ đến lượt ai?

Leroy từng kể cho những người khách đi nhờ trên xe anh toàn bộ cuộc đời mình về những chuyến đi, về thị xã quê hương, về đứa con bé bỏng. Anh kết thúc bằng câu hỏi: "Thế nào, anh thấy sao?". Đó chỉ là một câu hỏi tu từ. Lúc đó, anh có cảm giác đã kể đi kể lại mỗi một câu chuyện cho cùng một người khách duy nhất. Anh ngừng nói khi nhận ra giọng nói của mình nghe như lời than vãn, rên rỉ và tự thương xót, giống như những bài ca bi ai của bọn choai choai mới lớn. Giờ đây, Leroy cảm thấy một rung động mãnh liệt bất ngờ từ nội tâm, muốn kể với Norma Jean về chính mình như thể anh vừa mới quen biết cô lần đầu. Họ biết nhau lâu đến

mức đã quên rất nhiều về nhau rồi. Họ có thể cần được làm quen lại. Nhưng khi đến giờ hẹn của món súp, cô chạy vào bếp, anh quên mất vì sao anh muốn trò chuyện với cô về mình.

*
* *

Ngày hôm sau, Mabel ghé thăm. Đó là ngày thứ bảy và Norma Jean đang làm vệ sinh nhà cửa. Leroy đang nghiên cứu bản vẽ ngôi nhà gỗ, rốt cục những bản vẽ cũng được gửi đến cho anh qua đường bưu điện. Anh trải rộng chúng trên bàn - những tờ giấy khổ lớn màu xanh, những hình vẽ và con số in màu trắng. Trong khi Norma Jean hút bụi trong phòng, Mabel uống cà phê. Bà đặt tách cà phê trên những bản vẽ màu xanh.

"Tôi chỉ đợi cho thời gian trôi qua", bà nói với Leroy, gõ gõ những ngón tay trên bàn.

Norma Jean vừa tắt máy hút bụi thì Mabel cao giọng nói: "Con đã nghe nói về con chó giống datsun cắn chết đứa bé chưa?"

"Dachshund chứ mẹ", Norma Jean nói.

"Họ dùng con chó ấy làm thí nghiệm. Nó nhai đứt chân đứa bé. Trong suốt thời gian ấy, người mẹ ở ngay phòng bên cạnh", bà cao giọng lên. "Họ cho rằng đó là do sơ ý".

Norma Jean bịt chặt tai. Leroy mở tủ lạnh, lấy Pepsi không béo để mời Mabel. Mabel vẫn còn ít cà phê và bà ngoắc tay từ chối.

"Datsun là giống chó như vậy đấy".

"Nó là giống chó ghen tị, hằn thù. Nó sẽ cào xé, cắn nát nếu người ta không đề phòng".

"Tốt hơn mẹ nên cẩn thận với lời mẹ nói", Leroy bảo.

"Ồ, thực tế vẫn là thực tế chứ".

Leroy nhìn qua cửa sổ, ngắm nghía cái xe tải. Nó giống như một đồ vật to lớn để thu gom cát bụi trong sân sau. Nó sẽ sớm thành một thứ đồ cổ. Norma Jean có lẽ sắp hút bụi thảm phòng khách lần nữa.

Về sau, cô nói với Leroy: "Mẹ kể về đứa bé vì mẹ tóm được em hút thuốc. Mẹ muốn trả đũa em".

"Em đang nói chuyện gì vậy?" Leroy nói, tay xê dịch những bản vẽ một cách mất bình tĩnh.

"Anh thừa biết, anh biết rõ quá mà", Norma Jean nói. Cô ngồi trên một chiếc ghế nấu ăn, chân để trên ghế và tay vòng quanh đầu gối.

Trông cô nhỏ bé và bất lực làm sao. Cô nói: "Chính đó là điều mẹ muốn rút ra qua câu chuyện. Nói rằng điều đó chỉ do sơ ý mà thôi".

"Mẹ không có ý thế đâu", Leroy nói.

"Bà ấy có thể không nghĩ rằng mình định ngụ ý như thế. Bà ấy luôn luôn nói những điều như vậy. Anh không hiểu vì sao bà ấy làm thế đâu".

"Nhưng mẹ thực sự không có ý đó mà. Bà chỉ kể chuyện, thế thôi".

Leroy mở một chai bia cỡ lớn, rót đại vào hai ly, chia thật đều nhau. Anh đưa một ly cho Norma Jean và cô đón lấy một cách máy móc. Họ ngồi bên cửa sổ nhà bếp xem những con chim đến ăn, im lặng hồi lâu.

*
* *

Có một chuyện mới. Norma Jean sắp theo học trường ban đêm. Cô đã hoàn thành khoá học thể dục thể hình kéo dài sáu tuần và nay cô học một khoá dạy soạn thảo văn bản ở Đại học Cộng đồng Paducah. Cô dành các buổi tối vào việc lo sắp xếp tổ chức những đoạn văn.

"Thoạt tiên, anh có một câu chủ đề", cô giải thích cho Leroy, "sau đó anh phải triển khai nó ra. Chủ đề thứ hai của anh phải liên hệ với chủ đề đầu tiên".

Đối với Leroy, những câu đó nghe có giọng dọa dẫm. "Anh chẳng khi nào giỏi tiếng Anh cả", anh bảo.

"Điều ấy có nhiều ý nghĩa lắm chứ".

"Nhưng mà em học cái đó để làm gì vậy?"

Cô nhún vai. "Thì phải có việc gì đó để mà làm thôi". Cô đứng dậy và nâng quả tạ lên mấy lần.

"Khi anh đi lái xe tải, chẳng ai quan tâm đến tiếng Anh của anh".

"Em đâu có phê bình tiếng Anh của anh".

Norma Jean từng bảo: "Nếu em ngủ thiếu mười phút thì em sẽ mệt mỏi, uể oải suốt ngày". Bây giờ thì cô thức rất khuya, ngồi viết những bài luận. Cô được điểm loại B cho bài viết đầu tiên với đề tài cách nấu những nồi súp. Gần đây, Norman Jean hay nấu những món lạ: - tacos, lasagna, gà Bom bay. Cô chẳng chơi đàn organ nữa, dù rằng bài luận thứ hai là: Vì sao âm nhạc quan trọng đối với tôi. Cô ngồi bên bàn bếp, viết lách, trong khi Leroy chơi đùa với những bản vẽ nhà gỗ, thực hành với một bộ đồ Linconln Logs. ý nghĩ về một xe tải chở những khúc gỗ có đánh số, có khía hình chữ V choán hết tâm trí và anh muốn bắt tay vào công việc. Khi anh và cô cùng ngồi làm việc bên bàn bếp, Leroy thầm hi vọng họ đang chia sẻ một điều gì đó, nhưng anh biết chỉ là một gã ngớ ngẩn mới nghĩ như vậy. Norma Jean đã ở xa anh. Anh biết anh sắp mất cô. Như Mabel, cô chỉ đang chờ cho thời gian trôi qua.

Một hôm Mabel đến chơi, trước khi Norma Jean đi làm về và Leroy thấy tin tưởng, anh tâm sự với bà. Anh nhận ra rằng, bà hiểu Norma Jean hơn anh nhiều.

"Tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với con bé này", Mabel bảo. "Nó thường quen đi ngủ lúc gà lên chuồng. Thế mà nay anh nói nó thức hàng giờ liền. Rồi hay hút thuốc nữa. Tôi muốn nó phải kiêng khem".

"Con muốn làm cho cô ấy một ngôi nhà thật đẹp", Leroy nói, và chỉ cho bà xem bộ đồ Linconln Logs. "Con không nghĩ rằng cô ấy muốn có nhà. Có lẽ nếu con đi khỏi thì cô ấy hạnh phúc hơn".

"Nó không biết phải làm gì với anh, anh đã trở về nhà như thế này".

"Thế ư?"

Mabel lật mái cái chòi gỗ Lincoln lên. "Anh không thể nhét tôi vào một chòi gỗ như thế này", bà nói. - "Tôi đã từng lớn lên trong một cái chòi gỗ. Mà đây không phải một chuyến đi picnic, tôi nói để anh biết như vậy".

"Giờ đây, người ta khác xưa rồi", Leroy nói.

"Tôi bảo anh này", Mabel nói, mỉm cười một cách kì cục.

"Cái gì ạ?"

"Hãy đưa nó đến Shiloh. Cả hai đứa cần phải cùng nhau thoát ra, cần phải được có chút khuấy động trong cuộc sống. Đầu óc nó cũng rối tung với những quyển sách rồi".

Leroy có thể thấy những nét chân dung Norma Jean trên nét mặt mẹ cô. Khuôn mặt bà đã có những vết nhăn, nhưng bỗng trông thật xinh đẹp. Leroy đột nhiên nghĩ ra rằng bà cũng xa gần gợi ý, bà muốn vợ chồng anh đưa bà đi cùng tới Shiloh.

"Thế thì tất cả chúng ta sẽ đi Shiloh", anh nói. "Mẹ, con và cô ấy. Chủ nhật tới này".

Mabel xua tay phản đối. "ồ, không, tôi không đi đâu. Những đôi trẻ chỉ muốn đi với nhau thôi".

Khi Norman Jean về, mang theo thực phẩm, đồ khô, Leroy nói với cô, đầy phấn chấn: "Mẹ em đã mong đợi chuyến đi Shiloh ba mươi lăm năm nay rồi. Giờ là lúc chúng ta đi, phải không em?"

"Tôi không xen vào tuần trăng mật thứ hai của người khác đâu", Mabel nói.

"Ai đi tuần trăng mật vậy, vì Chúa chắc?" Norma Jean nặng lời.

"Tôi không nuôi con gái tôi lớn lên để nói với tôi bằng cái giọng như vậy đâu đấy", Mabel nói.

"Mẹ chẳng biết gì cả", Norma Jean nói. Cô bắt đầu quăng ra những hộp, những gói, đóng sầm cửa nọ cửa kia.

"ở Shiloh có một chòi gỗ", Mabel nói. "Nó đã tồn tại ở đây suốt thời gian chiến tranh. Trên đó còn những vết đạn".

"Khi nào mẹ có thể thôi nói về Shiloh, hả mẹ?" Norman Jean hỏi.

"Tôi luôn nghĩ rằng Shiloh là nơi đẹp nhất, đầy những dấu tích lịch sử", Mabel tiếp tục. "Tôi chỉ ao ước hai anh chị có thể thấy nó một lần trước khi tôi chết, vì như thế, hai anh chị có thể kể lại cho tôi nghe về nó". Sau đó, bà nói thêm với Leroy. "Anh hãy làm như tôi bảo. Một chút thay đổi là cái mà nó cần đấy".

*
* *

"Tên của anh có nghĩa là Đức vua" - Tối hôm đó Norma Jean bảo Leroy. Anh đang thuyết phục cô đi Shiloh, còn cô đang đọc cuốn sách viết về một thế kỉ khác.

"Ừ, anh nghĩ là mình được quyền hãnh diện lắm".

"Em đoán thế mà".

"Ở đây, anh vẫn là vua chứ?"

Norma Jean co duỗi bắp tay và cảm thấy chúng rắn chắc. "Em không phí thì giờ vờ vẩn với bất kì ai hết, nếu đó là điều anh muốn nói", cô bảo.

"Còn khi nào muốn thì em sẽ nói với anh chứ?"

"Em không biết".

"Tên em nghĩa là gì?"

"Đó là tên thật của Marilyn Monroe".

"Đừng đùa".

"Norma xuất phát từ những người Norman. Họ là quân xâm lược". Cô nói. Cô gập cuốn sách lại và nhìn thẳng vào Leroy: "Em

sẽ đi Shiloh cùng anh nếu anh đừng tiếp tục nhìn em chằm chằm như thế".

*

* *

Chủ nhật, Norma Jean chuẩn bị đồ cho một cuộc picnic và họ đi Shiloh. Mabel trả lời Leroy rằng bà không muốn đi cùng với vợ chồng anh. Norma Jean lái xe, còn Leroy, ngồi bên cô, cảm thấy mình giống một người khách nhặt nhẻo cô cho đi nhờ xe. Anh nhiều lần cố gợi chuyện, nhưng cô chỉ trả lời nhát gừng. ở Shiloh, cô lái xe lang thang không mục đích qua công viên, qua những dốc đứng, những con đường mòn, những hẻm núi. Shiloh rộng mênh mông. Leroy thấy nó chẳng có vẻ một bãi chiến trường. Nó không giống như cái mà anh hình dung. Anh tưởng nó phải tựa như một sân gôn. Tượng đài kỉ niệm có ở khắp nơi, ẩn hiện giữa những lùm cây rậm rạp. Norma Jean đi ngang qua cái chòi gỗ Mabel đã kể. Nhiều khách du lịch vây quanh để xem những vết đạn.

"Đấy không phải kiểu nhà gỗ trong ý nghĩ của anh", Leroy biện bạch.

"Em biết".

"Nơi này thật đẹp. Mẹ em nói đúng lắm".

"Tốt thôi", Norma Jean nói. "Nào, chúng ta đã xem rồi. Em hi vọng bà sẽ hài lòng".

Họ cùng nhau cười phá lên.

Trong nhà bảo tàng của công viên, một bộ phim về Shiloh được chiếu liên tục, cứ ba mươi phút một lần. Nhưng họ quyết định không xem phim. Họ mua một lá cờ Liên bang làm kỉ niệm cho Mabel. Sau đó, hai người tìm đến một địa điểm picnic gần nghĩa trang. Norma Jean mang theo bánh sandwich, các đồ uống nhẹ và Yodels. Leroy ăn một chiếc sandwich rồi hút ít thuốc tẩm thuốc phiện, anh giấu thuốc sau cái thùng lạnh picnic. Norma Jean không hút. Cô nhặt nhanh những mẩu bánh vụn dính trên giấy bóng kính, như một con chim tinh nghịch, nhí nhảnh.

Leroy nói: "Những chàng lính trẻ bận quân phục màu xám đã tử trận ở Corinth. Những người lính Liên bang cuối cùng đã bị tiêu diệt. Ngày 7 tháng 4 năm 1862".

Cả hai đều biết rằng anh chẳng biết gì về lịch sử. Anh chỉ đang nói về những tấm biển lịch sử mà họ đã đọc. Anh cảm thấy ngượng ngập, lúng túng, như một cậu con trai trong cuộc hẹn với người đàn bà lớn tuổi hơn mình. Họ, cả hai, chỉ đang cố bắt chuyện với nhau.

"Corinth là nơi mẹ đã trốn đi theo người ta", Norma Jean nói.

Họ ngồi lặng lẽ, nhìn mảnh đất nghĩa trang của những binh lính Liên bang, và nhìn xa hơn, nơi những bụi cây cao cao. Lều trại du lịch san sát bên nhau, bọn trẻ con ăn mặc quần áo sáng màu nhảy nhót, đùa giỡn, hét la inh ỏi. Norma Jean vò tờ giấy bóng kính gói bánh, siết chặt nó trong tay. Không nhìn Leroy, cô nói: "Em muốn xa anh".

Leroy lấy một chai Coke ra khỏi thùng lạnh và bật nắp. Anh nâng cái chai gần miệng nhưng quên uống. Cuối cùng, anh nói: "Không, em đừng xa anh".

"Em bỏ anh".

"Anh không cho phép em làm thế".

"Anh không thể cấm em được".

"Đừng đối xử với anh như vậy".

Leroy biết Norma Jean sẽ làm như cô nghĩ. "Phải chăng anh chưa hứa với em từ nay anh sẽ ở nhà?", anh nói.

"Nói chung, phụ nữ ưa thích người đàn ông phiêu du", Norman Jean nói. "Điều ấy nghe điên rồ, em biết thế".

"Em chẳng điên rồ". Leroy nhớ ra và anh bắt đầu uống chai Coke đã mở. Rồi anh nói: "Đúng thôi, em đang điên rồ. Anh và em có thể bắt đầu làm lại tất cả, từ đầu. Từ đầu".

"Chúng ta đã làm lại từ đầu rồi mà", Norma Jean nói. "Và chính vì vậy mà như thế này đây".

"Anh đã làm gì sai?"

"Không, chẳng có gì sai cả".

"Một trong những vấn đề giải phóng phụ nữ chẳng?" Leroy hỏi.

"Anh đừng đùa nữa".

Những tấm bia trắng giữa thảm cỏ xanh, nghĩa trang trông như một khu phố. Leroy cố hiểu cái thực tế rằng cuộc hôn nhân của anh đang đổ vỡ, nhưng tâm trí anh lại vẫn vơ về những tấm bia mộ trắng.

"Mọi thứ vẫn tốt đẹp cho đến khi mẹ bắt được em đang hút thuốc", Norma Jean nói. Cô đứng lên. "Điều đó đã làm hỏng cả".

"Em nói về chuyện gì vậy?"

"Mẹ không để em được một mình - anh không để em được một mình, các người không để tôi được một mình". Norma Jean dường như sắp bật khóc, nhưng cô tránh mắt anh, nhìn đi chỗ khác. "Em cảm thấy trở lại mười tám tuổi. Em không thể chịu nổi rằng tất cả trở lại như cũ". Cô bắt đầu bước đi. - "Không, như thế chẳng hay ho gì. Em chẳng biết em đang nói gì nữa. Anh hãy quên đi nhé".

Leroy hít một hơi thuốc dài, đầy hai lá phổi, anh nhắm mắt lại khi những lời nói của Norma Jean tràn tới, nhấn ngập tâm trí. Anh cố gắng định tâm vào vấn đề ba ngàn năm trăm chiến binh đã tử trận trên mảnh đất anh đang ngồi. Anh chỉ có thể nghĩ tới chiến tranh như một trò cờ bạc lớn, chơi với những người lính bằng nhựa. Leroy suýt bật cười khi anh thầm so sánh trận tấn công của Liên bang vào những trại lính Đồng minh với chiến dịch của Virgil Mathis tấn công ngôi nhà trong hẻm. Tướng Grant, say bét nhè và cẩu kính xị ngậu, đẩy quân miền Nam quay trở lại Corinth, nơi Mabel và Jet Beasley vài năm sau kết hôn, khi ấy Mabel còn thon thả và xinh đẹp. Hôm sau, Mabel và Jet đi tham quan bãi chiến trường, rồi sinh ra Norma Jean, rồi cô cưới Leroy, rồi họ sinh một đứa bé, đứa bé mất và giờ đây, Norma Jean và Leroy ở đây, cũng vẫn trên bãi chiến trường này. Leroy biết rằng anh đã đi quá xa.

Anh đã bỏ rơi nội hàm của lịch sử. Lịch sử đối với anh, luôn luôn chỉ là những cái tên và những con số. Anh bỗng nhận ra rằng dựng một ngôi nhà gỗ cũng trống rỗng tương tự như vậy - cũng quá đơn giản. Còn động lực nội tại thực sự của một cuộc hôn nhân cũng như phần lớn động lực nội tại của lịch sử, đã lìa bỏ anh. Giờ đây anh thấy dựng ngôi nhà gỗ là ý nghĩ ngu xuẩn nhất mà anh có thể nghĩ ra. Thật rõ ràng khi anh cho rằng Norma Jean khát khao một ngôi nhà gỗ. Đúng là một ý tưởng điên rồ. Anh sẽ phải nghĩ ra một cái gì khác, đúng rồi, ngay lập tức, phải nghĩ ra một cái gì hay hơn. Anh sẽ cuộn đồng bản vẽ màu xanh nhồi thành những trái bóng mà lẳng xuống hồ. Rồi anh sẽ tiếp tục phiêu du. Anh mở mắt ra. Norma Jean đã bỏ đi. Cô đang bước xuyên qua khu nghĩa trang, theo một con đường gạch ngoằn ngoèo, uốn lượn.

Leroy đứng dậy, bước theo vợ. Nhưng bên chân còn lành thì mệt mỏi, bên chân bị thương thì vẫn còn đau. Norma Jean đã đi xa, cô đang bước nhanh về phía cái dốc đứng bên bờ sông. Anh cố bước tập tễnh về phía cô. Vài đứa bé chạy vượt qua anh, la hét ầm ĩ. Norma Jean đã đến bên con dốc, cô đứng nhìn dòng sông Tennessee. Giờ thì cô quay lại phía Leroy và vẫy tay. Cô đang vẫy anh đấy ư? Hình như cô đang tập bài thể dục luyện cơ bắp. Bầu trời trắng nhợt khác thường - màu trắng của cái khăn trải giường mà Mabel đã làm cho vợ chồng họ.

Phan Thu Hiền dịch